

Vương-hồng-Sên

THÚ CHƠI CỜ NGOẠN

- *Bài luận*
- *Con voi già*
- *Văn-Như-ợc-Hư*
- *Thu-Tiến*
- *Đổ-Thập-Nương*
- *Mãi-Du-Lang*
- *Bá-Nha - Tử-Kỳ*
- *Châu-Du - Gia-cát-Lượng*

Số 3



1 - 1971

Bản thể túy tâm cầu cõ ngoạn,
Nhất sanh trắc nhĩ thưởng thanh ca.

Hồng-Thạnh Vương nhân huynh nhã chánh

Đại-ân-am qui ty nguyên đán hậu,
Đông-Hồ Lâm Trác-chi trang tặng.

(câu liên chữ của cố thi sĩ Đông-Hồ
đề năm qui ty (1953), hiện treo tại Văn đường phủ)

T U

HIẾU CỒ ĐẶC SAN ra được hai số, thử đánh dấu đường đi: trông đầu thọ trường, nào ngờ không sài không đẹn, chút nữa chết non. Mấy lời nghe được, sau khi gởi tập 2, thiệt không chút nào khích lệ:

-- thời buổi này mà sách in không có hình, ai dư công đọc?

— một cây viết máy, giá trị còn hơn!

Thiệt là: cây không ngã vì sét đánh, mà ngã vì gió, đá không sợ sức nặng đè, mà sợ giọt nước rỉ rả chảy mòn.

Tội nghiệp chúng tôi: tâm huyết có thừa, tài chánh sẵn người tốt giúp, tài liệu thâu thập còn dư, viết bốn năm tập nữa chưa phủ, thế mà muốn buông gánh nữa đường.

Đang khi thối chí, kịp nhớ lại: lời nói vô căn không đủ nản lòng. Mình chỉ còn sống không trọn một mùa đông (tuổi đã 70), cũng phải quét tuyết dọn đường; sau này có ra đi vĩnh viễn, cũng còn lại chút gì ty tếu.

Vì lẽ ấy, chúng tôi lại tiếp tục cho ra tập 3.

Nhưng đổi ý khác. Nơi sau bìa tập 2, có nói: tập 3 sẽ là: «TỪ SỬ QUA TRUYỀN TÀU». Xét lại đề này có thể tạm gác qua một dịp sau, để có thì giờ gói ghém thêm kỹ nữa, và trở lại lời cam kết ghi trong phi lộ ở tập 1, nay xin nói về: «THÚ CHƠI CỒ NGOẠN».

Tài hèn sức ít, biết bao nhiêu viết bấy nhiêu, nhưng giấy nếp giữ lề, luôn luôn sẵn lòng thỉnh giáo.

Cần tự,

Gia-định, viết từ 19-9-1970 đến 19-2-1971.

Nhà đời số mới, 11 đường Nguyễn Thiện Thuật (Gia định)
Văn đường phủ, Đại cõ trai

V.H.S.

Trong bộ « Cổ học tinh hoa » của Nguyễn văn Ngọc và Trần lê Nhân soạn, bản 1933 nhà Vĩnh Hưng Long Hà nội in, quyền nhất, trang 149, ông Âu dương Tu có kể chuyện này, nay xin lấy ra làm tỷ dụ :

« Có tích ông Trần Nghiêu Tư, người đời Tống, bản « cung giỏi có danh, thường coi thiên hạ không ai hơn « mình. Một hôm, nhưn tập duợt trong sân nhà, có lão bán « dầu gánh gánh đi qua, thấy ông giương cung, bèn đứng « lại ngắm nghĩa xem mãi.

« Nghiêu Tư bắn mười phát, trúng được tám chín, ông « lão bán dầu gật gù mỉm miệng cười.

« Nghiêu Tư gọi vào hỏi : « Nhà ngươi cũng biết bắn « à ? Ta bắn chưa được giỏi hay sao ?

« Lão bán dầu nói : « Thưa ông, theo tôi tưởng chẳng « phải giỏi gì cả, chẳng qua quen tay thôi.

« Nghiêu Tư giận bảo : « Nhà ngươi dám khinh ta bắn « không giỏi à ? »

« Lão bán dầu nói : « Cứ xem tôi rót dầu đây. »

« Nói rồi bèn lấy một cái bầu đặt xuống, để đồng tiền « điếu lên miệng bầu, từ từ rót dầu qua lỗ đồng tiền : tay « không run, hơi thở đều đều, ông lão rót ra một giọt « dầu nhỏ như tim bắc, thẳng như nét mực tàu, dầu riu riu « xuyên qua lỗ chuu tót vào êm ái, tự nhiên không một « nhều rót rơi, không một điềm vấy vá ; và đồng tiền lúc « đầu đến lúc chót, sạch như trong túi mới lấy ra !

« Đoạn cất gánh lên vai, ông lão từ tạ chủ nhà, chẫm

«rãi nói: «Nhu vậy cũng chẳng phải giỏi gì, chỉ lâu ngày quen tay mà thôi».

(Âu dương Tu, trong Cổ học tinh hoa)

Nay ta thử xem anh bán hàng thịt ngoài chợ, lại mấy học khoa giải phẫu, thế mà khi ra thịt, tránh từ khớp xương thớ nạc, chặt mạnh sả đều, thái thịt như sần ni tấc trong tay, miếng nào liệng lên cân là không xê xích ý muốn, không vụn không nát, ngày này qua tháng nọ, dao không mẻ không khờn, ấy mới lành nghề!

Đừng nói đâu xa, mấy bà mấy cô sắm kim cương, lựa hột xoàn, tý vết không lọt khỏi mắt, chỉ ngó thoáng qua là biết hột nặng mấy ca ra,¹ hột có kinh nứt, hột có ần than trong kẹt, hột nước dầu hôi hay nước lòi, hà tất theo đuổi trường chuyên môn nào?

Vậy cho biết, trăm hay không bằng tay quen, mình tinh nghề mình, người chuyên nghề người, thế thôi.

Bây giờ trở lại vấn đề: «*Thú chơi cổ ngoạn*».

Tôi không dám lớn tiếng khoe biết coi đồ cổ rành nghề. Sự thật tôi chỉ muốn cống hiến quý vị phần kinh nghiệm của tôi thu thập đã trên năm mươi năm dăng dẳng. Nay thử lấy những chỗ nghe thấy hiểu biết riêng đem trình bày ra đây, gọi để giúp trong muôn một, những bạn nào muốn tự học, có một nghề riêng biệt. Nhà văn hào Pascal đã nói: «*Cái tôi là cái đáng ghét*». Nhưng như đã nói trên, đây là tôi dốc lòng muốn lấy bản thân mình ra làm tử du,

1. *Cara*: do chữ «*carat*» của Pháp. Trước Pháp mượn của Ý, và nước Ý mượn của Ả rập. Có hai thứ carat:

a) để đo tuổi vàng, «*carat*» là 1/24 của «*denier*».

Vàng 24 carats là vàng y, vàng ròng không pha.

Khi nói vàng tuổi 23 carats, tức là vàng có pha 1/24 chất kim khác với 23/24 chất vàng; còn vàng tuổi 10 carats, tức là vàng thấp, có 10/24 vàng, và 14/24 một chất kim khí khác.

b) để đo sức nặng của bảo vật như kim cương, hột ngọc trai, v.v... thì 1 carat là sức nặng gần bằng 20 centigrammes, hay 2 déci-grammes gọi là carat métrique.

nêu những lỗi lầm đã vấp từ trước cho các bạn biết mà tránh sau này: xin các bạn lượng xét cho tôi chỗ đó. Nếu tôi nói đúng, các bạn hãy nhìn nhận cho tôi mừng, để tiếp tục nghiên cứu tới; nếu tôi đi sai đường, xin các bạn vui lòng chỉ giáo. Nhiều cây gộp thành rừng, nhiều tay vô nên bộp. Về sau, khi chúng ta hiệp sức nhau, giúp được chút nào cho các bạn tương lai khỏi gặp những cái chúng ta từng phạm, thì các bạn và tôi, kể đã có công rồi vậy. Trừ phi ở không ở nhưng, ngồi bó gối thờ chủ nghĩa làm thính, thì mới khỏi làm lỗi, kỳ dư hễ bắt tay vào việc, thì tránh sao khỏi trật khỏi hư.

Tôi ước ao các cụ túc nho lão thành, hãy truyền nghề hay lại cho đoàn hậu tấn. Tôi cầu mong các ông bạn tinh thông chữ Hán, hãy giúp tôi khám phá những chữ khó đọc trên đĩa xưa. Và tôi hết lòng chờ đợi các ông tân học sẵn lòng chỉ bảo tôi những cái hay các ông thu thập tự phương trời xa. Thú thật, khoa nghiên cứu cổ ngoạn, nhứt là về đồ sứ, đồ sành đất Huế, vốn còn mới mẻ lắm. Nghe đâu bên Anh quốc, trước đây có mở một chuyên khoa dạy riêng về cách nhìn biết đồ đất nung và đồ gốm cổ Trung hoa, nhưng để gì xin vô học? Ngoài ra các nước Âu Mỹ, chỉ chuyên chú vào các cổ vật Trung hoa, Nhật bản, đồ Tống đại, đồ Đông Thanh, hoặc đồ men chàm Nguyên, Minh, chớ tôi biết chắc họ rất hững hờ với các đồ sứ «*An Nam*» ta, đến nay họ giạt mình muốn khảo cứu thì cơ hội đã đi qua, trê tràng lắm rồi. Họ chưa thành thạo lắm đâu mà hòng quá tin vào họ. Đến như tôi, nay tuổi già thốn mỗn, thêm sức có một người, và thêm bấy lâu hạn chế, không từng xuất dương học hỏi nước ngoài, nên làm sao biết đủ hết các mách khéo éo le của cái nghề mới kia? Vì vậy tôi thiết tha yêu cầu, phải có nhiều tay hiệp lực, kể công người của, kể kinh nghiệm, người Mạnh Thường, họa may sau này ngành học văn của chúng ta mới được ngoại

hang chú ý. Riêng tôi, tôi sẵn lòng nghiêng tai nghe dạy, và xin bái lĩnh trước lời vàng. Nội các món cổ ngoạn đất Thần kinh, nói chơi chơi như đồ men lam Huế, (Pháp gọi «bleus de Huế»), có mấy ai dám vỗ ngực, xưng mình thành thạo?

Cốt ý của tôi khi viết bài này, tôi chưa vội nói đến nghệ thuật hay khoa chuyên môn nghiên cứu đồ cổ ngoạn, vì muốn nói cho rành mạch vấn đề này, trong một đôi bài có hạn, không thể nào diễn tả hết ý được. Chủ tâm của tôi hôm nay chỉ bàn đại lược về «Thú chơi cổ ngoạn» để tìm bạn tri âm, để kêu gọi mời mọc những nhà hiểu cổ tòn cổ, khuyến khích những ai có chút lòng ưu ái đối với các di vật cựu thời, hãy bớt thành kiến truyền thống giai cấp, bớt câu nệ hão, và hãy khéo phân biệt những gì là phong kiến nên bỏ, những gì là tinh hoa quốc túy nên giữ lại. Tôi xin quý vị hãy thương tiếc những gì là dấu vết của nền văn minh cũ, ông cha ta đã dày công để lại, và hãy gia tâm cứu vớt những di vật lớp trước, những bóng vang một thời, những nét chạm xuất thần trên gỗ, những bát sứ lọ cổ, đầu Phật đá, bộ chén trà, đang bị một số kiểu dân nhiều thế lực, lắm bạc tiền, tom góp cạy gỡ chuyển vận đem về nước họ. Biết bao cổ vật ngày nay mai một, hoặc vì chôn giấu hấp tấp lâu ngày nên xiêu lạc mất chỗ tìm không ra, hoặc bởi người cố chủ đã bỏ làng vô phương hồi cố, hoặc đã bỏ mình trong cuộc loạn ly? Xin các bạn tốt phước hãy lưu tâm bỏ chút thì giờ để cùng tôi sưu tầm cứu vớt lại những món cổ vật đang lạc loài, đang bị một võ phu chà đạp dưới đế giày duy vật, vì họ là bọn người triệt để thi hành chiến lược «tiêu thổ» hoặc tệ hơn nữa, họ chỉ là đũa dung phu vô tình, khi túng thì liều, quơ càn «cái gì có trong nhà», ôm đem bán «được mớ nào hay mớ nấy», bất chấp giá trị của món đồ bán ra, đến khi tỉnh ngộ nhớ lại thì toàn là của quý ông

bà để lại, măng bào xưa, ấn ngọc cổ, lục bình quý, khay trà tử chạm, thập vật chi chi, tuy không chân không cánh, nay đã bỏ xứ mình bay ra nước ngoài vĩnh viễn.

* * *

Nay ta thử hỏi : «Thú chơi cổ ngoạn» là gì?

— Xin đáp : «Thú chơi cổ ngoạn», hay nói nôm na cho dễ hiểu, «Thú chơi đồ xưa, đồ cổ» là một thú nhàn : lặn lội tìm tòi từ góc chợ xóm quê những di tích sót lại : cái cổ-đồng ten rỉ, cái điều sứ lạc tinh mòn lý, đem được về đến nhà tắm tiu chùi rửa sạch vào tủ quý, lâu ngày mua sắm được nhiều món bèn đem ra chia từng loại từng môn, sắp theo thứ tự niên hiệu năm chế tạo, rồi để tâm nghiên cứu khảo xét tỷ mỉ : ten đồng rỉ đến bực đó thuộc về thời đại nào, đồ sành lạc tinh¹ đến mức độ đó thuộc về thế kỷ nào, mất ăn bỏ ngủ, nghe ở đâu mới đào được một món lạ mình chưa từng có hay chưa từng thấy, là lân la đến

1. Trong thú chơi cổ ngoạn, có một danh từ quan trọng nhưt, là danh từ «patine» của Pháp.

Patine : oxydation naturelle ou artificielle du bronze, qui se recouvre d'une couche de vert-de-gris. (Patine : lớp ten thiên tạo hay nhân tạo của chất đồng để lâu năm, hay chôn lâu năm dưới đất). Sau, cũng dùng danh từ «patine» để gọi đồ sành đồ gốm lâu đời, bị mòn lý và đóng một chất hòm không cạo ra hay không bắt chước giả tạo được, hoặc bị lu mờ lớp men ngoài đi.

Tôi tra các tự điển không thấy danh từ nào ổn thỏa để dịch chữ patine (Đào Duy Anh dịch : lớp mốc đóng ở ngoài những đồ đồng xưa : (la patine d'une statue) ; hay sắc cũ, nước cũ (la patine des tableaux anciens), hoặc bụi rêu trên mặt đá mặt bia, v.v..)

Tôi thấy cách dịch làm vậy không thích ứng và không nói được ý mình muốn nói, nên thuở nay tôi tạo ra và dùng một danh từ mới, ước mong các vị tỷ như trong ủy ban điển chế văn tự xem xét lại và công nhận nếu thấy đúng. Đó là danh từ «lạc tinh», do sự ghép lại của chữ «lạc» (rớt ròi, suy bại) và chữ «tinh» (thuần túy, bỏ hết tạp chất). Tỷ dụ : cái chén Mai Hạc này đã lạc tinh, nghĩa là chén ấy đã mòn lý và da men ngoài đã hết bóng vì đã lâu đời,... Một tỷ dụ nữa : bức tranh thủy mặc này đã lạc tinh, nghĩa là tranh đã cổ đến giấy mực đều trở màu cũ kỹ, v.v..

xin coi, cố nài mua cho kỳ được, không mua được thì bù đắp ba hoa xin đổi vật khác, không đổi được thì rầu rĩ nhờ nhung, chạy đôn chạy đáo kiếm cho ra một món y hết như của người ta có mới vừa lòng. — Đề chi? Đề rồi, đời sống có hạn, một mai nhắm mắt thì tha hồ cho con cháu phanh phui hoặc giả chúng kêu người bán đấu giá đến gõ búa ngà phát mãi!

Đây tôi chỉ xin bàn đến thú chơi đồ xưa đồ cổ bằng sành bằng sứ, đồ gốm đồ đất nung, đồ da kiêu da đá, và xin miễn bàn đến thú chơi con tem dán thư, khuê bài bửu tinh và các loại khác như vỏ hộp quạt hay nút áo nhà binh hay cổ tiền, lục lạc ngựa, v.v... vì ôm đồm quá lắm, không khéo « Ban môn lộng phủ » ịch gì?

Kề ra chơi đồ xưa mất ngày giờ thật, phí công lại hao tiền, mà biết làm sao bây giờ, khi đã vướng lấy thú chơi ấy vào thân, khi đã lậm vì cái lọ Đường, cái men Tống ngọc, nước da Đông Thanh, hay cái đỉnh đồng đời Thương Ân, Châu, Hán, hoặc vật đào tại Trường An, Hàm Dương cổ vật.

Nhà chơi đồ cổ phải có bộ óc khác thường, nhưng chỉ khác chút ít thôi, chỉ loạn óc vừa vừa lấy phải, không khéo ra người mất trí, thân chủ của dưỡng đường Chợ Quán hay dưỡng trí viện Biên Hòa! Người đời hay chế nhạo anh chơi đồ cổ là « diên tiền », là tên mọi già giữ cửa; thậm chí có kẻ lên mặt thầy đời phê bình: « Trong nhà bày la liệt những vật của bao nhiêu người chết để lại, thì còn gì là cái nét sống bông bột của thế kỷ đương kim? »

Nhưng trong khi xã hội còn ba đào, có người giỡn tiền chưa bỏ tật, đưa nhau trốn trong nhà kín cổng đờ mua vui bài bạc đồ đen rồi sau này hại lây đến gia đình chung nhau chịu nợ; có người lại thêm vãi tiền trong cuộc truy hoan, không kể bắt bớ, bệnh tật, tiền mất, thân hư; người khác lại trốn chui trốn nhủi đem bạc giấy đốt ra

khói cho luôn qua lỗ ống võ đến tán gia bại sản... Đối với những người nhiều tật như vậy, thì hạng chơi đồ cổ còn sáng suốt hơn mấy bực, và ngồi không đèm vắng dưới bóng đèn ngắm kỹ cái tinh ba của chiếc lọ sứ Tàu, cái uyển chuyển mộc mạc của nước men Bát Tràng, thẩm thía nhớ lại thú nhàn này dấu với cái ghế mạ vàng Tổng Bộ kia, không đổi!

Anh chơi đồ cổ đi gần đến mức khùng, nhưng khùng mà mực thước, biết giá trị đồng tiền: tha đi bộ, ăn mặc xệch xạc, miễn sắm được món đồ chơi thích chí, hỏi ông Bộ ông Tổng, có dám dạo chợ trời lựa đĩa, hay ngồi húp tô cháo lòng Cây Quáo chờ người dẫn đường tìm nhà anh Thanh Đạm nài cái bầu « họng lợn Khang Hy » với tôi chẳng? Diên thơ là Lý Bạch, diên rượu có Lưu Linh, si mê diên quỳnh với vật xưa là nhà chơi đồ cổ!

Quả vậy! chơi đồ xưa là một bệnh, nhưng là bệnh nhàn dật trầm tĩnh, không yếm thế, không lánh đời, bèn chỉ lượm lặt lại những gì người khác hất hủi bỏ bễ, những vật mà còn lắm người chưa rõ chơn giá trị. Một mình mình thích, một mình mình hay, nhà chơi đồ cổ có thể vi với nhà chơi sách cổ, vì cả hai đồng ham thích những vật hiếm có trên đời, và nếu trên thế gian còn người mê cá ngựa, mê ma chược, mê ô tô tối tân, mê máy thu thanh tối xảo, thì đây nguyện cứ chơi đồ xưa và mê sách cổ: diên đường ấy đáng cho ta diên mãi, phú cho đời thức tỉnh mặc ai!

Người chơi đồ xưa ngày nay còn được một cái bất ngờ: là vật mua sắm càng ngày càng có giá, thêm kẻ trộm đều chê: họ thích kim cương vì dễ giấu dễ phi tang, họ ghét đồ sành vì dễ bể, lại kênh càng, động mạnh một chút là hết xài, thêm bán đi cả năm còn nhìn còn làm tội. Nuôi heo thì rau muống mắt, sắm vàng thì đưa tờ nó lé mỗi ngày, bỏ ống thì thẳng cháu nó rinh, hãy bắt chước tôi,

chơi đồ cổ mà ăn chắc. Ngô rủ gặp cái năm Mậu thân tái diễn, thì lựa chỗ vùi xuống đất nó càng thêm quý vì *lạc tinh* !

* * *

Những ai không thích chơi đồ cổ, sẽ cho là chuyện hoang đường, tích họ Hòa nước Sở đời Chiến Quốc, ba phen ôm đá có ngọc dâng vua :

Phen thứ nhất, đời Lệ Vương, vua sai thợ ngọc xét xem ; thợ chém đi một góc, không thấy gì, thợ nói : « Đá, không phải ngọc ». Vua cho họ Hòa nói không thiệt, sai chặt bỏ chân trái.

Đến khi Võ Vương nối ngôi, họ Hòa lại đem ngọc dâng một phen nhì. Vua sai thợ ngọc xem nữa... Thợ lại chém đi một cạnh, vẫn không thấy chi cả. Thợ tâu : « Đá, không phải ngọc ». Vua dạy rằng họ Hòa cố tâm khi trá, sai chặt nốt chân mặt.

Đến lượt vua Văn Vương lên ngôi, người Hòa ôm hòn ngọc, khóc ở chân núi Sở sơn, suốt ba ngày ba đêm, máu theo nước mắt chảy ra. Vua nghe đồn, sai người đến hỏi. Họ Hòa thưa : « Khóc đây không phải là thương hai chân bị chặt, hèm vì nổi ngọc mà cho là đá, nói thật mà cho là nói dối ». Vua bèn sai thợ xem lại cho rõ kỹ, phen này thợ ngọc cưa thấu trong ruột đá lấy ra một hòn ngọc có một không hai. Vua phong tước Hầu cho họ Hòa thì cặp chân Hòa đã không còn.

(Thuật theo Hàn Phi Tử. Cổ học tinh hoa, bản 1933, quyển I, trang 139).

Chuyện trên đây được ghi vào sử sách thật, cốt không phải để tán dương cái tánh ham tước vị của người dâng ngọc : tích Biện Hòa cốt để nêu cái tối tăm của nhà vua, và họ Hòa, vì yêu cái thật, cái lẽ phải, cố tâm trí chỉ làm cho sự thật sự phải đánh đổ được cái ngu độn của hai đời hôn quân, kỳ thứ ba, không sợ mất đầu, người Hòa cố

dâng cho kỳ được viên đá ngọc ẩn cho nhà vua, ông Hàn Phi Tử, khi thuật chuyện này, quả công phu và dụng tâm lắm vậy.

Những người ở vào thế kỷ máy móc dân chủ hiện đại, thường lấy óc thực tế thay cho sự kính cần của thời kỳ phong kiến, sẽ hỏi : « Làm gì cho khổ cực tằm thân đến thế, họ Hòa được đá có ngọc, sao không tự bỏ lấy ra trước sẵn, rồi sẽ dâng vua sau, chẳng là lưỡng tiện ». Nhưng xin chớ vội bình luận sớm việc đời xưa. Đời nào có phong tục nấy và vào thời đại Chiến Quốc, họ Hòa gặp trong núi Cảnh sơn hòn đá có chim phụng đậu lên trên, một lòng sắt đá tin theo sách dạy, chắc rằng có ngọc ẩn bên trong, thì biết có một điều là gặp của quý tức phải dâng lên vua, vật cống hiến cho vua chúa luôn luôn phải giữ y nhiên và tinh khiết thì mới tỏ hết lòng thành của đạo thần tử. Vì bằng họ Hòa đợi bỏ đá lấy được ngọc mới dâng vua, thì đâu còn chỗ quý viên ngọc lấy ra trong đá có chim phụng đậu lên trên, hoặc giả vua đa nghi hay có lời nói ra nói vào, ngọc tuy được, mà còn ngờ lớn hơn nữa, đã lấy mất đi một phần nào, khi ấy Hòa mới lấy gì biện bạch giả chơn ? Bởi duyên cớ ấy, hay biết đâu chừng còn nhiều duyên cớ thuở xưa, ta nay không độ được, khiến cho họ Hòa phải dâng vua ngọc còn nguyên nằm trong khối đá. Một lẽ làm cho tôi rất mừng, là không có như vậy, làm gì hôm nay tôi khoái trá viết được mấy hàng này để lê thê thuật chuyện Hòa thị ba phen dâng ngọc, bị chặt giò cắt chân thế thảm như sách kia đã kể.

Trong bộ « Cổ học tinh hoa », tích ngọc Biện Hòa nói đến đây là dứt. Nhưng đối với một « con sâu truyện » như tôi, tuy không biết viên ngọc « Hòa thị chi bích » kia ra sao, nhưng để gì chịu thôi.

Nhờ tánh ham đọc sách và chịu khó tìm tòi, tôi lần lượt gặp những điển tích như sau :

— Ngọc họ Hòa có thật, nhưng nhiều thuyết khác nhau :

Một thuyết do sử chép lại, cho rằng Sở Văn Vương được ngọc họ Hòa, sai thợ khéo, giồi nên hòn ngọc bích tuyệt đẹp, đặt tên là « Hòa thị chi bích ». (Sử ký Tư mã Thiên, do Nhượng Tống dịch, bản Tân Việt 1944.—Truyện Liêm Pha và Lạn Tương Như, tr. 315).

Một sách khác, tả hình thù viên ngọc, ghi ngọc này hình đẹp và dáng tròn như bánh xe, nơi trung tâm khoét lỗ tròn, tượng trưng cho hình Trời.

Triệu Huệ Văn bị Tần Chiêu Vương mạnh thế hơn, đòi chuộc ngọc ấy, trước kia của nước Sở nay vua Tần hứa đổi với mười lăm thành. Vì vậy mới có tích Lạn Tương Như đi sứ sang Tần đòi được ngọc trả lại Huệ Vương. (Sử ký Tư mã Thiên, bản Nhượng Tống dẫn thượng). Vì sự đòi ngọc, thành ra điển « Ngọc bích Triệu huờn », và ngày nay, khách văn vật Trung hoa, mỗi khi mượn cặp chèo đựng rượu cưới vợ hoặc mượn hộp quả đựng bánh mứt đi đám hỏi, đến lúc trả chèo hộp về nguyên chủ, thế nào cũng dán lên miếng giấy hồng đơn có viết bốn chữ « Ngọc bích Triệu huờn » hoặc vắn vện hai chữ « Bích huờn » để tỏ ra mình là người có học, và luôn luôn chừa lại trong chèo một phần rượu ngon, trong hộp mớ ít kẹo cốm, để hiểu mình là con nhà biết điều có văn có chất, một nửa chia vui trong hỷ sự, một nửa cảm ơn.

Năm 279 trước Tây lịch, vua Tần đòi vua Triệu hội nhau tại Miện Tri, nhờ tiên liệu đất theo Lạn Tương Như, ứng đối hoạt bát, Tần kính phục nên Triệu tránh được nạn dữ.

Cổ Wieger, dịch bộ Sử ký Trung hoa qua Pháp văn, lấy nhan là « Textes historiques », chép rằng năm 219 trước Da tô, Tần Thủy hoàng để lấy ngọc bích họ Hòa ném xuống Dương Tử giang tế thần Hà Bá. Như vậy ta biết

thêm vào đời Tần, vẫn dùng ngọc báu, mặc dầu đắt tiền, để trấn ếm, hay lo lót, sông núi chừ thần.

Nhưng tám năm sau, nhằm năm 211 trước Tây lịch, một sứ giả có việc đi ngang bến Hoa Âm, bờ hồ Động Đình, gặp một dị nhân đón trả ngọc Bích về Tần Thủy Hoàng, việc này sử có ghi chép kỹ càng tường tận.

Bây giờ xin xét qua thuyết thứ nhì :

— Năm 1930, tôi làm việc tại Tòa Bồ Sa Đéc, có quen với nhà cách mạng Vũ Hoành, là bạn đồng tù ngoài Côn đảo với các cụ Huỳnh Thúc Kháng, Ngô Đức Kế, v.v..., cụ Cử Hoành bị cưỡng bách cư trú tại Sa Đéc sau khi ở Côn đảo về, cụ nói với tôi quả quyết hòn ngọc báu của họ Hòa vẫn còn nguyên khối và được vua Tần Thủy Hoàng năm thứ 26, tức năm 221 trước Tây lịch, sai thợ dọn nên ngọc ấy, trên núi ấy có chạm nổi năm con rồng, và nơi mặt ấp khắc tám chữ triện, nguyên là chữ của Lý Tư viết : « THỤ MẠNG VU THIÊN, KÝ THỌ VĨNH XƯƠNG » để làm của quý trong nước (« trấn quốc chi bửu ấn », cũng gọi « Truyền quốc ngọc tỷ », « quốc tỷ »).

Như vậy sao thuyết trước nói ngọc này có lỗ ở giữa ? Nhưng việc đầu còn đó, ta không sao biết rõ được, duy lời nói cụ Vũ Hoành vẫn phù hợp với các truyện Tàu tôi đã đọc.

Theo truyện Tây Hôn diễn nghĩa, Sở Hạng Vương tranh đất đai nước Tần với Hán Bái Công. Theo sách của cổ Wieger, lại còn ghi rõ khoảng tranh giành gay gắt nhứt là lối ngày 14 tháng mười một đến ngày 12 tháng chạp năm 207 trước Tây lịch.

Bái Công nhập trước vào Hàm Dương, kinh đô nước Tần, Hạng Vương chưa đến kịp, nên Tần Tử Anh, là cháu nội Thủy Hoàng, dâng ấn ngọc cho Bái Công.

Qua truyện Đông Hôn diễn nghĩa kể tiếp : hai trăm

năm sau, nhằm năm 21 trước Tây lịch, có loạn thần Vương Mãng soán ngôi vua, sai Tô Hiến và Vương Tâm đi thâu bửu ấn thì bà Thái Hậu giận lấy ấn ném vào mặt hai tên nịnh cho nên ấn ngọc sút mẻ hết một góc. Triều sau, nhà Đông Hán trở lại, vua sai thợ khéo lấy vàng ròng bịt góc mẻ lại. Và vua Hán Quang Vũ thâu hồi ấn này tại Nghi Dương.

Qua truyện Tam Quốc, thì nói khi bọn Thập thường thị làm loạn hiếp bức thiên tử, đem Thiếu đế ra Bắc Mang, bọn về thì đánh mất ngọc tỷ.

Qua năm 191 sau T. L., Tôn Kiên thấy hào quang chiếu nơi giếng loạn ở sau đền Kiến Chương, bèn sai người xuống mò, bỗng tìm được ngọc tỷ do bà Hôn Hậu tránh nạn Thập thường thị ôm ngọc tự trầm dưới giếng. Tôn Kiên vì ham giữ ngọc cho mình, khiến bị chư hầu hiệp nhau đánh bại kế bị giết đi. Như vậy giữ của báu không ích gì lại lụy thân. Con của Kiên là Tôn Sách có óc thực tế hơn. Sách nối nghiệp cha, lại là người có chí lớn, không thiết ngọc, cho là vô dụng dẫu biết là báu thật, Sách đem dâng ngọc ấn cho tướng Viên Thuật, đổi được ba ngàn tinh binh, nhờ đó mà Sách gây dựng cơ đồ, lập nên nghiệp bá làm chúa đất Đông Ngô. Sau này, khi họ Tư Mã đánh thắng ba nước Ngụy, Ngô, Thục, gồm về nhất thống, lập nên nước Tấn, thì ngọc ấn lại theo về Tấn. Và luôn luôn bên Trung hoa, đời này kế tiếp đời kia, hòn ngọc bích Biện Hòa, do Tần Thủy Hoàng chế nên ấn « truyền quốc ngọc tỷ », ấn ấy được xem là của báu, quý nhất trong nước, hề lọt vào tay ai thì người đó làm vua cả nước Trung quốc.

Viên ngọc họ Hòa, theo sự tra tìm của tôi, đến đây kể như dứt. Nhưng vừa rồi, trong một buổi trà đàm, một bạn học thức Huê kiều cho tôi biết rằng cái ngọc tỷ ấy, khi ông Tướng Giới Thạch bại binh lui về cố thủ hải đảo Đài Loan,

thì không biết về đâu, duy chắc chắn thì họ Mao, dẫu ngày nay làm chủ phần lớn đại lục Trung hoa, nhưng ông vẫn không nắm được cái ấn ngọc cổ truyền. Mới đây, một bạn khác Trung hoa lại mách với tôi rằng ngọc bích thật của họ Hòa đã xiêu lạc từ đời nào không ai rõ được, còn ngọc ấn mà hai ông Mao-Tướng nhau tranh khổ sở, chẳng qua là một ấn khác, mới chế tạo có lẽ từ đời Càn Long hay xưa lắm là vào đời Khang Hy là cùng. Thuyết này không khác một gáo nước lạnh tạt vào mặt tôi, báo hại công trình si mê chuyện ngọc huyền bí họ Hòa đến mất ăn mất ngủ, tra tìm chưa ra manh mối, nay nghe giả thuyết ấn mới ấn cũ, giấc kê vàng bỗng biến mất, nói theo ngày nay, không khác câu chuyện người Nga người Mỹ viếng được nhà chị Hằng, khiến cái bánh trung thu của chú Ba Tàu, đã mất đi một phần nào thi vị và hương vị.

Hết mê tích ngọc Biện Hòa, tôi xây qua tìm gốc tích mấy viên ngọc thù trên lá Trần Châu kỳ của tướng Địch Thanh đời Tống, đi bình Tây Liêu, lấy đem về. Mãi mấy trăm năm giữ kín trong kho quốc gia như bao nhiêu vật quý khác không biết dùng, qua đến đời nhà Thanh gặp vua Càn Long là tay lịch duyệt phong lưu nhất đời, vừa thông thạo khoa chơi đồ cổ, vừa có óc tân kỳ, vua Càn Long bèn lấy ngọc ra kết làm nút áo trên chiếc ngự bào. Những hột ngọc ấy, đối với những người chưa đọc truyện Tàu, tôi xin kể lại :

— Ty thủy châu, có phép cản nước, ngăn nước không chảy lan tràn ướt áo ;

— Ty trần châu, có phép kỵ bụi kỵ cát, làm cho trước khi biến thành ;

— Ty hỏa châu, dập tắt được lửa đang cháy ;

— Định phong châu có tài đón gió, kỵ bão tố phong ba ;

— Định kiếm châu, đón ngăn kiếm kích đao thương, khiến không phạm đến mình.

Mặc được cái áo có tra năm hột nút bầu ấy thì khỏi lo nước lửa gió bụi đao kiếm chỉ chi động chạm đến bản thân. Ban đầu tôi cũng tưởng là chuyện hoang đường, dè dặt trước năm đảo chánh 1945, như đọc một tờ báo Pháp, tôi nhớ tờ Gringoire là phải, tôi thấy kể chuyện Phế đế Phổ Nghi không được chánh phủ Nhật châu cấp đủ dùng, nên chỉ cùng đường, phải đem năm viên bảo ngọc ấy thế chun trong một ngân hàng, hình như của Nga. Năm ấy tôi có cắt bài báo đó cắt lên làm tài liệu kỹ lưỡng, tiếc thay bài báo ấy trong lúc tản cư năm 1945-46 tôi để chung với một mớ bài vở viết tay khác, đều bị cháy ra tro hết cả, thành thử hôm nay tôi cũng không biết chắc các viên ngọc quý vô giá kia sau lọt về tay ai hay nước nào làm chủ. Duy tôi còn nhớ vồn vện hòn ty trần châu nghe đâu có một tỷ phú Hoa kỳ bỏ ra không biết mấy triệu bạc chuộc đem về. Ông ta cũng là một tay háo kỳ, định ninh rằng đeo được ngọc ty trần châu (hoặc định trần châu cũng thế), thì bụi bặm không đến gần được, và ông ta sẽ thọ toàn thanh khí mà làm ông địa tiên, sống mãi trăm năm không bệnh tật không ốm không đau. Lý luận ông ta thiệt là nông cạn. Mà tôi cũng chẳng hơn gì ông. Đây chẳng qua cũng là một mộng đẹp để những người nông gần như tôi nhìn cuộc đời thêm chút lạc quan, chớ chúng ta đâu phải toàn ốm bệnh mà chết, vì chúng khi đi ngoài đường còn phải kiếm hộ thân cho được thứ ngọc kỳ ô tô húc đầu mình vào dưới bánh xe dè bẹp, và khi ngồi xem hát trong các rạp lớn, phải có ngọc kỳ cánh quạt máy trên trần nhà, không khéo vì một con ốc anh thợ gắn không kỹ, đủ làm cho mạng người ngồi dưới ba phân còn thiếu.

Với hai tỷ dụ kể chơi như trên, các bạn đủ thấy, như

theo dấu vài danh ngọc cổ kim, chúng ta phải đọc gần hết các bộ chánh sử hoặc dã sử Trung hoa, Việt nam và ngoại quốc; nhà chơi đồ cổ, cố nhiên muốn lành nghề ắt phải ít nhiều thông kim bác cổ mới là phải điệu.

* * *

Bây giờ xin mời quý bạn hãy đi với tôi theo gót anh chơi đồ cổ: còn ai trên đời, lum cùm và đáng cười hơn anh này! Với một gương mặt chăm chú, đôi mắt dăm chiêu, anh chàng xam xúi đi ngó xuống đất, tâm trí chỉ tưởng nhớ đến vật sở thích mà mua chưa được, ngoài ra phi trời long đất lở, mai này thử bom nguyên tử hay người đồng mình rút binh về nước, anh cũng chả cần biết đến.

Anh ta, có khi mua được món vật lạ, trọn ngày tò mò xét xem tỷ mỹ, nhìn bằng mắt mần nhãn rồi lại lấy kính phóng đại ra xem thêm mấy lần nữa, quên cả thời gian cơm nước... để nghiên ngâm một nước men mới, một nước thuốc màu chưa từng thấy, một thứ cách vắn (craquelé), hay nói nôm một thứ da rạn, nứt nẻ khác thường, và trải bao thời đại, mấy thứ này biến đổi ra làm sao! Không! Tôi không thể nào tả nổi hết ra đây cái dầy công của nhà chơi đồ cổ, và chỉ có những nhà chơi đồ cổ họa may mới hiểu nổi nhau thôi!

Kề ra nghề chơi thật lắm công phu. Những ai không ưa sẽ cho là phiền phức, ương hèn, không khác nào những người không thích mùi hoa huệ, chiều chiều bịt mũi chề rằng quá gắt!

Nghĩ cho anh làm vườn, cấp ca cấp củm xin hay nài đầu đó được giống lan quý đem về trồng, rồi ngày ngày vun phân tưới nước, sấm soi sấm sóc, bắt sâu tĩa lá cho đến khi hoa nở hoa cười, có khác chi anh chơi đồ cổ tìm đầu được món lạ đem về, o bế tung tia, mướn thợ khéo

bịt miệng phòng khi đung chạm không sút mẻ, kiếm cây tốt tiện churen dài, chăm nom gắn bó làm nên một món đồ ngoạn hảo có giá trị. Công của anh làm vườn và công của anh chơi đồ cổ tóm lại là chỉ để thỏa chút lòng ham muốn món vật lạ mắt ưa nhìn, đáo đề thì được một tiếng khen của người đồng điệu, hoặc biết đâu chừng, lại chuốc lấy tiếng cười mỉa mai của người ngoại cuộc!

Thanh cao mà nhã nhặn, thú vị lại phong lưu, cân nhắc vẫn tương đồng, nhưng so sánh cho cùng tột, anh chơi đồ cổ được cao hơn anh chơi hoa một bậc, vì đồ cổ thì càng ngày càng quý và hiếm, luôn luôn vẫn thuộc số ít, mua sắm được là có công như cứu vớt được mớ di vật sót lại của cựu thời, còn kỳ hoa dị thảo, quý thật, nhưng vẫn chiếm số nhiều, lại ngày nay có thể nhờ khoa học và do tay nhơn tạo khéo nhuần sắc càng ngày càng giống càng sanh sôi mãi mãi. Thêm nữa, xét cho cùng, hoa thiếu sắc sọc đã thấy phai màu, không như món trân ngoạn, dầu tang thương bỏ bê đến mấy, phong độ xưa vẫn còn như cũ. Riêng quan niệm của tôi, một món đồ xưa là một bằng chứng của cổ thời, làm bề nó đi, không khác như ai đã xé mất một trang sử liệu.

Tuy vậy, hoa quả kiểng vật và đồ cổ, đồ trân ngoạn, vẫn đi chung với nhau vì đều là đại diện xứng đáng của khoa thẩm mỹ. Hoa đẹp cắm trong bình thờ thì có khác nào mỹ nhơn nghèo thiếu y phục trang sức, chị gái vườn đi guốc vòng! Bình quý thiếu hoa tươi giắt vào, thì nào khác áo gấm treo trên giá, đọi nạng tiên đến xô tay vào, áo dẫu đẹp cách mấy, không có người, áo múa làm sao? Không khách sáo, nhưng xin hỏi: chơi hoa mấy kẻ, và biết đồ xưa trong nước hiện có mấy người?

Thú chơi đồ cổ không phải dễ dàng như các bạn tưởng, và hầu hết những người tự khoe là thành thạo đều

không phải thật sành sỏi lão luyện hết cả đâu. Một thí nghiệm chua cay là các tiệm bán đồ cổ châu thành vẫn phát tài mau chóng và đồ họ bán ra, xấu tốt, đều có người tiêu thu mau mau, kiếm không kịp bán.

1.— Có người sắm ít tiền mà hồ thật mắt, lục lạo cung thôn quê xô chợ, gạt gẫm thiên hạ, lựa người chất phác, quả phụ cô nhi, mua rẻ mạt đồ di tích của ông bà người ta, rồi đem về o bế trau chuốt thêm, lại khéo bày đặt những chuyện vô lý phi thường, nào bình cắm hoa không biết héo, nào tò nào đĩa đựng cá thịt không bao giờ ươn thối, nào là lọ này ban đêm sáng chói như có đèn, nào cái chén này nguyên là ngọc, mỗi năm mỗi thêm màu thêm rạn, « quý lạ không chỗ nói ». Làm chi vậy? Đặng sau này bán cho đắt tiền. Gặp khách ngáy thơ, vừa ướm lời hỏi đã ưng ngay, như gái lum lúp chờ ai nôm cũng chịu! Những người ấy đã sẵn làm tay chơn bộ hạ cho bọn lái buôn đồ cổ, có khác nào họ Mã họ Sở, hằng ngày chuyên đi kiếm mồi cung cấp cho mục Tú, lầu xanh. Trong khoa chơi cổ ngoạn, không có họ cũng không sao, nhưng vậy nghĩ đến một phương diện khác, phải có họ mới có người đi móc mồi ra món đồ cho mình chơi chớ? Duy nếu họ nhiều quá thì lại sanh bản và làm nhẹ giá một thú phong lưu. Chớ nên quên, người nào chơi đồ xưa mà còn nài còn kiếm cái màu nhiệm phi lý của vật xưa, thì người ấy, theo tôi, còn tầm thường và phàm phu lắm. **ĐỒ SÀNH XƯA, SỞ DĨ QUÍ LÀ TẠI CÁCH CHẾ TẠO CỔ TRUYỀN QUÁ** tình vi NAY ĐÃ THẤT TRUYỀN, DẤU NAY VỚI KHOA HỌC TÂN TIẾN TINH XẢO ĐỦ MỌI MẶT, NHƯNG VỀ ĐỒ SÀNH VẪN CHƯA TÌM NHÁI LẠI ĐƯỢC NƯỚC THUỐC NƯỚC MEN CŨ HAY THỂ CHẤT CỦA MÓN SỨ CỔ ĐƯỢC Y NHƯ CŨ. Thêm nữa, đồ sành xưa, sở dĩ quý và ngày nay các nước đều ưa chuộng và sưu tầm, là tại công khó giữ gìn từ mấy

đòi mấy kiếp mà được toàn hảo, khách chơi biết điều, khi mua giá cao, như ngụ ý ngầm thưởng công ai kia đã luân phiên nhiều thế hệ kế tiếp nhau từ ông đến cha, từ cha đến cháu, giữ gìn cẩn thận, bây giờ trao lại cho mình một món cổ ngoạn không nứt mẻ và nguyên toàn bích. Tốn bao nhiêu tiền cũng không tiếc, miễn sao vật ấy phải thật cổ thật xưa. Về cái da rạn, mỗi năm mỗi thêm đậm nét, đến một khi nào thuận tiện tôi sẽ xin trở lại kỹ càng hơn, đến như việc bình giữ được hoa tươi lâu ngày, hoặc giữ thịt cá không ẽ không thúi, thì đó là một vấn đề thuộc phạm vi khoa học, cần chi bình cổ, lựa một bình ngoài chợ rồi hỏi ông được sư bên nhà ông sẽ chỉ cho!

2.— Lại có người ưa mua sắm lung tung, gặp chi cũng mua, bày la liệt đầy nhà, lớp tủ trong lớp tủ ngoài, lớp ngăn trên ngăn dưới, trên đầu tủ cũng có, mà dưới đất tủ cũng không chừa, thậm chí để cả dưới ván ngựa gầm giường, và người thô làm gì cũng thô, không biết ắt giáp gì, xưa hay nay không phân biệt, giả hay thật nào tưởng, miễn nghe bọn con buôn tán tung và thề thốt bán mang thì bỏ tiền ra xách đem về, mua lấy mua để, không cần suy nghĩ cũng không biện luận giả chơn, thật là tay điên của, bị đồng tiền hành. Thấy người chơi thì bắt chước chơi theo, chớ không phân biệt ngọc đá vàng thau, nghe cái tô vẽ tích « Thái Công điếu Vị », thì cứ tưởng tô ấy quý lắm, đã có từ đời Tây Châu phật Tru, thấy cái chén có họa hình hai tướng cầm chùy, định ninh đó là tích đời Mạt Tùy, Lý Nguyên Bá so tài cùng Bùi Nguyên Khánh! Nghe một thằng ga găm rằng vật ấy ở trước kia trong phủ chúa thì đưa bạc ngàn cho nó ôm về, quên rằng đó là « niếu vật », xưa ông hoàng sợ ma không ra khỏi buồng, đêm đêm ông dái ở trống mà giành giật mua làm chi cho chặt chỗ. Những nhà ấy là khách sộp của các tay buôn đồ cổ đạo,

chúng lấy được nhiều tiền lại còn chuyên với nhau chuyện giai thoại trong khoa chơi cổ ngoạn. Tuy vậy như đã nói, nhà giàu có thường có ông thần Tài giữ của, lâu lâu họ sắm được nhiều món lạ đến nhà sành điệu cũng phải thêm. Nhứt là như ngày nay, vật giá lên cao, của họ mua bỏ bây giờ giá trị leo thang sắp mười sắp trăm, vô quít dày móng tay nhọn, giữa người buôn ác ý và nhà giàu dư bạc, chưa rõ ai đại hơn ai!

3.— Trên hai hạng đó lại có một hạng kẻ cũng lạ lùng là hạng trước quá tin đời đến bị người đời lợi dụng, từ tấm lòng tốt đến trở nên chán nản về thế sự nhân tình, chơi với bạn thì trai lừa gái quít, lời bạn ra tòa, chưa chắc tòa đều cho lỗi về bạn, phần phải về mình. Đưa đàn bà ra tòa, đã không danh dự gì lắm, thêm nỗi làm cho vô lễ nhau ra, « mắt ông thì thối, mắt bà không thom », với cái tình trạng ấy, thêm sẵn bụng chán đời, mê chút triết lý buồn huyền buồn, thì bước thêm một bước nữa đã tới cái an ủi nhứt đời là « nghề chơi cổ ngoạn ». Một mai kia, nếu còn gặp những cái không thật, cái tô này giả, cái đĩa nọ không xưa, thì ít nữa mình còn một cách trả thù riêng biệt, là cứ cầm món đồ đáng ghét ấy đưa lên khỏi trán cho thật cao, miệng muốn nói gì cho hả tức thì cứ nói, rồi thần nhiên buông món vật ấy cho nó mặc sức rơi xuống đất, đánh rằng sư tan tô bề, tiền mất thật, nhưng ít nào cũng được một chút học khôn, tuy mua cái khôn ấy khi mất, nhưng còn hơn bị người lừa dối, mà chỉ biết cắn răng hay nuốt nước mắt thầm.

4.— Mà cần gì phải chán đời mới biết thích chơi đồ cổ? Còn những hạng như sau này: nhà sử gia văn vật, nhà khảo cứu chuyên môn, nhà giáo dạy khoa thẩm mỹ, nhà họa sĩ, nghệ sĩ có bản lĩnh chơn tài, những người ấy không đời phải giàu, nhưng họ sắm riêng để học để

ngiên cứu cho hả hê, cho rộng tầm mắt thấy, chớ không phải chủ tâm mua để chớ bán lấy lời nhiều, hoặc những người có con mắt tinh đời, ham chuộng những cái gì Đẹp, mua để trang sức trong nhà trong cửa cho thêm duyên, cho « mát con mắt », hoặc những nhà tòn cổ, hiếu cổ, mua với mục đích cứu vớt theo sức mình, không muốn thấy bao nhiêu báu vật của nước nhà, cứ nổi gót bọn tân phú ông, lưu vong không ngừng ra ngoại quốc.

Những người như vậy mới thật là nhà biết chơi đồ xưa, chơi theo sở thích của mình, chớ không đợi tiếng khen, và chưa ắt gì mấy trưởng giả ỷ lại đồng tiền, đòi được với họ những gì họ đã dày công chất mót sắm mua.

Tóm lại, người chơi đồ cổ không cần phải giàu, cốt ở chí khí chớ không ở sự đa kim ngân, tuy vậy, nếu được sẵn tiền rời rộng mua sắm tha hồ thì lại càng hay: khác nào như gắm thêm hoa, lắm duyên kén tốt chọn xưa càng mầu!

Tiểu thuyết Pháp, trong bộ « Le crime de Sylvestre Bonnard » (cái tội trọng của lão Sylvestre Bonnard), tác giả là nhà văn bất hủ Pháp Anatole France, có kể lại sự tích một lão hàn lâm có tánh ưa chơi sách quý, khi trở về già, định bán hết kho sách lấy tiền làm của hồi môn cho cô dưỡng nữ, ngờ đâu chứng nào tật ấy, vào giờ phút chót, lão không đành bán hết, và đã len lén giấu lên một quyển sách nhỏ để cho lương tâm sau này cần rút ruột cái đời tàn chông chất mớ tuổi về đông. Nhưng không giấu cuốn sách kia cũng không được khi ta biết đó là tặng phẩm của một mỹ nhân, trước đã từng nghèo đến độ phải sống lạnh trên cái gác thượng hở không của lão hàn lâm ích kỷ, nhưng khi ngộ thời kết bạn với một tỷ phú gia, thì đã hết sức lịch sự mua dấu giá để tặng lão hàn lâm một cuốn sách lão ta không mua nổi... Đền ơn một khúc củi lão đã hiến cho nàng lúc hàn vi bằng một cuốn sách quý nhất trong một

khúc củi khô khoét bọng, lão hàn lâm biết được thì quả là chuyện bát cơm Phiếu mầu tái diễn bèn trời Âu. Trong truyện, khéo nhút và hợp ý tôi nhút là đoạn tả mỹ nhân theo chồng dạo khắp thiên hạ để tìm mua lại những vở hộp quẹt hiếm có. Đức ông chồng là một tỷ phú tiền bạc không biết đề đầu cho hết, nên phải tìm ra cách giết thì giờ bằng một thú phong lưu mới lạ. Ông vừa cùng với phu nhon, vừa đi tìm vật sở thích tức thị là những vở hộp quẹt đã dùng rồi không còn ai thèm giữ lại nữa, ông vừa du ngưỡ hồ như Phạm Lãi, đi châu lưu khắp các nước cho rộng thêm kiến văn kiến thức, và cũng cho khuấy khóa mỗi sậu vạn cổ của những đại phú ông nằm trên đồng vàng.

* * *

Bây giờ, xin thử hỏi bạn, khi gặp những ngoạn hảo như vậy, bạn có dự dự không chịu bỏ tiền ra mua chẳng?

— Tỷ như bạn gặp một loại tô để uống trà Huế, trông trọng xinh xinh, vẽ tích Bá Nha, Tử Kỳ, nhưng đặc biệt là có bài thơ nôm như vậy :

« Hai gã bạn tri âm,
« Vui thay một khúc cầm.
« Non cao cùng nước biển,
« Rằng đề it ai ngâm !

(Dục Tôn hoàng đế ngự chế)

Lệ thường, đồ sứ tích Bá Nha, Tử Kỳ đều đề thi Hán. khi thì :

« Cao sơn lưu thủy trường,
« Nhút khúc ngộ tri âm.

Dịch : Cây đàn gảy Cao sơn, Lưu thủy,
Một khúc nay gặp bạn tri âm.

hay là :

Tơ đồng khinh tháo động,
Lưu thủy ngộ tri âm.

Dịch :

*Tơ đồng nhẹ nhàng gầy,
Lưu thủy gặp tri âm.*

Thú thật, câu nào cũng đều hay cả, nhưng mỗi câu mỗi cách, và nghe tôi hỏi kỹ, bạn là Tàu hay Việt, và bạn ưa thích món nào?

Xét lại, món nào cũng quý và có cái hay của nó. Nhưng hai kiểu thi Hán là loại sứ người Tàu chế bên xứ họ và đem qua nước ta để bán đề dùng, còn tôi có thơ nôm, vừa là vật nhắc ta nhớ đến thú uống trà theo điệu Huế, (tò trà Huế), thêm nữa bài thi kia, tôi biết chắc đó là ngự thi của vua Tự Đức (1847-1883) rất ít ai biết, và rất nên giữ gìn làm quốc bảo của ta ¹.

Còn một kiểu tô khác, và một bộ chén trà kiểu gọi « Mai Hạc », có đề hai câu lục bát nôm :

*« Nghêu ngao vui thú yên hà,
« Mai là bạn cũ, hạc là người quen. » ²*

Câu nôm này, theo sự công nhận của nhiều học giả trong nước, thì đồng một tác giả với bộ Kim Vân Kiều bất hủ, và đặc biệt là do tay thợ khéo bên Trung hoa chế tạo trước mắt cụ Nguyễn Du, khi cụ được làm chánh sứ sang bên ấy năm Gia Long thứ 13, tức năm Quý Dậu (Tây lịch 1813) và khi cụ ghé viếng một lò sứ danh tiếng làm đồ sứ ngự dụng cho các vua Mãn Thanh. Lò ấy là lò Cảnh Đức Trấn (King-Tổ-Tchen) tại Giang Tây (Kiang-si) trên đường về của sứ đoàn. Dựa theo thuyết này, tôi xin nói thêm rằng đồ « Mai Hạc », xưa hơn hết là kiểu làm lần đầu vào năm đi sứ 1813 và đó là gốc tích « đồ sứ Mai Hạc » chánh hiệu. Phải để ý cho lắm mới phân biệt nổi với đồ sứ Mai Hạc

1. và 2. Tôi xin mách các bạn hiểu kỹ rằng hai kiểu này vẫn còn bán tại Sài Gòn và ở Huế, nhưng giá bây giờ mất lắm, tôi không mua nữa nên mới chỉ.

do các sứ thần của ta qua Trung hoa và tiếp tục đặt làm thêm cho đủ trong Nội Phủ và các quan viên dùng, những món làm sau ấy, tôi đặt tên là « đồ kỷ kiều Mai Hạc », nó cũng y một kiểu vỡ như nhau, nhưng vì là vật « làm bằng tay », nên nhìn kỹ và quen, thì cũng vẫn phân biệt được. Có khó phân biệt chẳng là các kiểu ấy đều ký một hiệu « Ngoạn Ngọc » (Pháp dịch là « Bibelot de jade »). Nhưng cũng nhờ vậy (ký « Ngoạn Ngọc ») mà chúng ta độ biết đồ sứ Ngoạn Ngọc đồng thời lại với hai vua Gia Long (1801-1820) và Gia Khánh (1796-1820). Lại còn một kiểu tô, đĩa và chén trà « Mai Hạc », kiểu chế riêng cho người Trung hoa dùng, thì cũng vẽ y cây mai và con hạc, nhưng hai câu thi đối lại Hán văn là :

*« Hàn mai xuân tin tảo,
« Tiên hạc thảo vi đầu. » ¹*

Dịch :

*« Mai lạnh sớm báo tin xuân,
« Hạc kêu trước tiếng chim khác.*

Nơi đoạn trước, tôi có nói dưới đây những đồ kiểu Mai Hạc đều thấy ký hai chữ hiệu « Ngoạn Ngọc » và dựa theo đó, tôi định cho Ngoạn Ngọc là hiệu một lò sứ danh chuyên làm đồ sứ đồ sành dưới đời hai vua cực thịnh là Càn Long (1736-1795) và Gia Khánh. Nhưng đây cũng chỉ là một ước định mà thôi và khi nào có dịp khảo cứu các đồ kỷ một hiệu như nhau lưu trữ tại các viện bảo tàng Anh, Pháp và Đài Loan, rồi mới có thể quyết đoán được, (nhưng tôi đã thất vọng phần nào, vì tuy chưa viếng viện bảo tàng Anh quốc, chớ năm 1963, tôi có xem viện Guimet ở Paris và hai viện Đài Loan và Nhật bản, tôi chưa gặp món Ngoạn Ngọc nào khác hơn trong xứ mình, Huế và Sài Gòn).

1. Về các kiểu « Mai Hạc », tôi xin trở lại đầy đủ hơn trong một bài khác.

Để chứng minh nỗi khổ tâm của nhà khảo cứu, tôi xin kể luôn ra đây rằng sau đó tôi lại gặp một cái đĩa xưa còn toàn hảo, loại đĩa bàn kiểu Mai Hạc nôm, nhưng dưới đáy lại ký bốn chữ « Kim Tiên kỳ ngoạn » (đĩa số 830-VHS). Người chủ trước của cái đĩa này, xin nói ngay đó là ông Trần Thanh Đạm, dịch giả bộ Kim Cổ kỳ quan, một tay kỳ cựu trong giới chơi cổ ngoạn sành sỏi, một bạn thân quen nhau trên hai mươi năm và đã giúp tôi có nhiều món hy hữu, ông nói với tôi rằng đĩa Kim Tiên kỳ ngoạn đó, nguyên của một ông quan thị sống vào triều Hậu Lê, đời chúa Tĩnh Vương Trịnh Sâm (1767-1782). Ông nội thi quán làng Tiên Lữ, nên xưng hiệu « Kim Tiên » và đặt riêng lò sứ Trung hoa làm cho mình mấy bộ chén trà Mai Hạc thuở chúa còn tại vị: thế thì đĩa này có trước năm chúa mất (1782), nhưng cơ sao đĩa của tôi gặp ở Huế ngày 7-10-1965, cũng ký « Kim Tiên kỳ ngoạn » (số 830-VHS), lại vẽ tích chúa Nguyễn Ánh chạy giặc Tây sơn, sự việc này xảy ra lối năm 1787 đây thôi. Truy nguyên thêm nữa, tôi được biết hai câu thi chữ đề trên đĩa :

« Ngự giá độ hoàng gia,

« Âm tinh ngộ đế tinh.

dịch : (Ông chài chở ông Vua, sao Âm gặp sao Đế) rõ ràng ám chỉ việc chạy giặc và hoạn nạn năm xưa và nghe đâu do đời vua Thiệu Trị (1841-1847) làm ra đề kỷ niệm bước gian truân của đấng Cao Hoàng đây thôi. Như vậy là nghĩa gì ? Tôi xin chất vấn các học giả và các sưu tầm cổ ngoạn Bắc Trung, và xin hẹn trở lại vấn đề này trong một tập khác.

* * *

Còn như khi nào bạn gặp một cái tô hiệu đề chữ NHỰT, đôi khi có chạm thêm chữ LỄ, thành ra LỄ NHỰT,

vẽ nhứt thi nhứt họa, một khúc vẽ sơn thủy, có núi có sông, thêm có một con đò như chiếc lá lác lẻo ngoài khơi, một khúc kể bên lại đề một bài thi nôm điệu ngũ ngôn bát cú, nhưng viết liền đeo ra làm sáu hàng, mỗi hàng bảy chữ, thành thử thiếu hai chữ nơi câu chót, nên đây là tôi định chùng, có lẽ khi vẽ trên tô, người thợ bèn nghĩ ra thêm hai chữ « Cần bái » vào khoảng trống cho dễ coi, khiến nên khi tôi gặp cái tô này lần thứ nhứt tại Sóc trăng, do một anh khách trú đem lại bán tận nhà, tôi có mượn một ông thầy thuốc bắc lão thông chữ nôm, đọc giùm cho tôi chép lại thi nguyên văn bản dịch lần thứ nhứt tôi chép là :

Một thức nước in trời đò ai

chiếc lá khơi non cao xem vọi

vọi dòng biển thấy vọi vọi mắng

khúc Thương Lang khảy ở đây từng

khách chơi mong chờ yên sóng gió

qua lại mặc người đời cần bái.

Lúc ấy ông thầy thuốc, sau khi đọc xong, có khuyên tôi đừng mua cái tô ấy làm chi, vì những câu viết không thành văn, nhưng tuy tôi nghe tiếng mất tiếng còn, tuy tôi dốt thật, song linh tánh bảo tôi cái tô ấy lạ, hiếm có, nên tôi đã mua lên, và sau chầy ngày đọc đi đọc lại bài nôm đã dịch ra quốc ngữ, nhờ âm vận dặt đường, tôi khám phá ra đó là một bài ngũ ngôn bát cú, viết lại phân minh ra làm tám hàng, mỗi hàng năm chữ, thì bài thơ nôm ấy như vậy :

Một thức nước in trời,

Đò ai chiếc lá khơi ?

Non cao xem vọi vọi,

Dòng biển thấy vọi vọi.

Mắng khúc Thương Lang khảy,

Ở đây từng khách chơi.

MONG CHỜ YÊN SỐNG GIÓ,
QUA LẠI MẶT NGƯỜI ĐỜI.

CẦN BÁI.

Sắp xếp lại có thứ tự minh bạch rồi, đọc lên, xin hỏi bài thơ nhẹ nhàng có giọng yếm thế ấy, có cảm kích bạn chẳng? Không biết bạn có muốn bỏ ra một số tiền vừa phải, sắm một cái tô có bài thơ lạ tai như thế để trong nhà, hầu những khi trà dư tửu hậu, có bạn thích đến chơi lấy ra mà bàn luận thì cũng là một đầu đề bổ ích? Như đã nói bá nhơn bá tánh, tôi không dám suy bụng ta ra bụng người; nhưng thú thật, riêng tôi, từ ngày tôi biết giá trị cái tô ấy, tôi có dư tiền bao nhiêu, hề tôi gặp là tôi mua tức khắc. Nói chí đáng, thuở đó giá nó cũng hơi, độ năm trăm bạc là đã có cái tô như vậy. Lần hồi nhà tôi đếm được trên chục có đầu, và từ ngày về hưu và thôi dạy ngoài Huế, tôi đã gả nó đi cũng bộn. Bỗng đầu trước cái Tết Mậu thân mấy tháng, tôi ra Huế kỳ chót và có người chỉ cho tôi xem trong viện bảo tàng ngoài nở, vào độ đó, tôi kêu « Một thức nước in trời này » chứa đến hai tử lớn đầy tận nóc; tôi tỉnh ngộ biết được đó là đồ trong Nội Phủ, nên tôi không muốn mua nữa. Một lẽ khác là ngày nay vật giá leo thang, một cái tô kiểu đó giá hơn bạc vạn, nên tôi đành chừa là phải. Và cũng từ đó tôi càng để tâm chuyên chú nghiên cứu về cái tô này. Tôi hứa đến tập nói về đồ sứ men lam xứ Huế, tôi sẽ nói về nó tường tận hơn. Hiện nay nếu bạn chịu khó như tôi, đọc thêm vài pho sử sách nước nhà, nghiên ngẫm các chuyện xưa tích cũ cho khá khá, có khi bạn sẽ biết được bài thơ nôm trên cái tô nói đây, tác giả độ chừng là một thi sĩ kiêm triết lý gia ẩn dật, đúng ra là một ông hoàng chính cống có đủ điều kiện để lên ngôi báu, sau khi vua Tự Đức thăng hà, song le người đã thổi thác, bởi vì ghét cảnh :

« Nhứt gian lưỡng quốc nan vu THUYẾT,
« Tứ nguyệt tam vương triệu bất TUỜNG,

(ám chỉ lúc ấy, sau khi vua Tự Đức áng giá, sông Hương chia kinh thành Huế ra làm hai san hà : một bên là chánh phủ Nam triều, một bên khác là quân đội tàn bạo lang sa chiếm đóng. Và trong bốn tháng đầu, có đến ba ông vua nối tiếp nhau trên ngai vàng, không rõ đó là THUYẾT gì, nhưng quả thật là một điềm bất TUỜNG hiển nhiên); nói rõ ra đó là thời kỳ rối beng khoảng năm 1883-1888 : Duc Đức, rồi Hiệp Hòa, kế Kiến Phúc đều bị chết dữ, đến lượt vua Hàm Nghi bỏ ngôi ra đi kháng chiến, với cái tô kia làm bằng chứng, bạn há không ngậm ngùi cho ông hoàng nào đây, tuy lá ngọc cành vàng, nhưng cam làm thi sĩ thanh cao sạch ruột, hơn làm vua không mấy chốc mà lằm tai nản hiển hiện trước mắt. Thà rằng :

« ... mong chờ yên sống gió,
« qua lại mặt người đời!

như vậy mà có lẽ thượng tri hơn. Không khéo bạn sẽ chép miệng than cho cuộc thế xoay vần, không có chi là mới lạ, đến nỗi « thuyết trùn chần đợi chờ », tưởng là gần đây thôi, ngờ đâu nó đã cũ tích từ mấy mươi đời vương kia lạn !

Nhắc lại, trên đây là ba kiểu đồ sứ có đề thơ nôm; tô Bá Nha, bộ chén trà Mai Hạc, và tô « Một thức nước in trời » này. Đó là ba kiểu đồ sứ có thơ nôm, độ trước sắm chơi không tốn mấy, lại được có trong gia đình những cổ ngoạn có chút ít dính dấp đến lịch sử nước nhà. Vẫn còn nữa, nhưng xin dừng vội nóng, sắm bấy nhiêu, để cho tôi thở, rồi sau này tôi sẽ kể nữa cho mà nghe !

Về khách phong lưu nghiện uống trà Tàu, ai lại không biết ấm Mạnh thần, ấm Thế Đức gan gà là khó kiếm. Nhưng tôi đỡ bạn tìm cho ra một thứ bình tích sành bé tý

hơn, vẽ sơn thủy, hiệu đề « Ngoạn Ngọc », có hai câu thơ :

« *Nhứt âm thanh khí vị,
Vật đặc thiếu nhơn tri.* »

Dịch : Một hộp đủ thắm giọng, vật ít người biết giá.

Cái ấm tích này phải là xác xược không? Và ai lại không muốn dùng trà trong một cái bình khí phách làm vậy cho biết?

Và đây, trong một cái đĩa trà « da trắng trứng diệp, men chàm », vẽ một bên là nhánh hoa mai và hoa mẫu đơn giao cành loạn diệp, đối với bên kia, vẽ hai con chim lạ thường, có hai đầu bốn cánh riêng biệt nhưng thân thể dính chung làm một. Ấy là ngụ ý tích rất hay :

« *Tại thiên ty dục diệp,
Tại địa liên lý chi,* »

Dịch : Trên trời làm chim liền cánh, dưới đất làm cây liền cành, tức là nhắc lại lời thề năm xưa của vua Đường Minh Hoàng ước nguyện cùng Dương quý phi mà cụ Nguyễn Du đã gọi khéo chỉ bốn chữ trong mấy câu thần tình :

« *Trong khi chắp cánh liền cành,
Mà lòng rẽ rúng đã dành một bên,
Mái tây để lạnh hương nguyên,
Cho duyên dằm thắm ra duyên bề bàng.* »
(K.V.K.)

Bạn ngâm mấy câu thơ ấy lên đã được khoái nhĩ, xin hỏi bạn có muốn nhấp trà trong chén *chắp cánh liền cành* cho thêm khởi hứng hơn nữa chăng? Nếu ngày nay còn bán thứ chén trà kiểu ấy, đem làm vật tặng hảo buổi hội môn cưới vợ thì còn gì nhã bằng?

Lại như bạn nào cao khiết, thường ngày không chê làm bạn với Lưu Linh, thì hãy rán tìm sắm cái ngỗng cổ kính da rạn « Bát Tràng » vẽ một nhánh mai và một nhánh trúc. Theo tôi đó mới là một kiểu đặc sắc nhứt trong mỹ thuật Việt nam mà tôi được biết : cành mai biểu hiệu nét

yêu điệu yêu kiều của phụ nữ, còn nhánh trúc là cái nhĩa độ thanh cao của chàng nho sinh : *ruột trống* là thuyết hư vô của Lão Trang, *lòng ngay* là phong độ nhà Nho Khổng Mạnh, còn tre có mắt, *mắt tre* vẫn là mực thước của hàng quân tử. Trong Kiều, sẵn câu :

« *Một nhà sum hợp trúc mai,
Càng sâu nghĩa bề, càng dài tình sóng,* »

thì cũng ám chỉ vào tích ấy.

Những vật này là vật hiếm, không phải sẵn tiền muốn mua là có. Bạn nào muốn xem, trước hãy học chơi đồ cổ cho có chút hiểu biết, và khi nào bạn đã có kinh nghiệm và tự thấy mình mến thích đồ xưa đến có thể bỏ ăn bỏ ngủ, khi ấy bạn hãy tìm đến tôi, chúng ta sẽ cùng lấy ra nghiên cứu cho đã tạt.

Nếu bạn thích đồ quốc hóa thì hãy tìm những vật tôi vừa kể trên, là những đặc phẩm làm cho nước Việt nam thời cổ. Đến như bạn nào ưa thích đồ sứ Trung hoa xưa thì tha hồ mà chọn lựa, vì người Tàu sản xuất đồ sành của họ rất nhiều, và từ Bắc vào Nam, trên dải đất Việt còn tàng trữ rất nhiều đồ cổ Trung hoa. Bạn này tôi có nói có nhiều kiểu đồ sứ là « đồ quốc hóa », ý tôi muốn nói đó là đồ do các tiền nhơn nước ta đưa kiểu vở ra đặt cho thợ Trung hoa coi theo mà làm bên Trung quốc, chớ như đồ làm tại nước, tỷ dụ như lò Bát Tràng, thì tôi chưa thấy sản xuất bộ chén trà nào còn giữ lại đến ngày nay. Hiện nay, trong nước thì chiến tranh kéo dài, còn bên Trung hoa thì hoàn toàn nhuộm đỏ, sự giao thông bế tắc, nên đồ chôn đồ giấu đồ cổ ngoạn của tư gia Hoa-Việt có được bảo vệ, còn mất thế nào, chúng tôi không rõ.

Trong xứ mình, vùng Thanh Hóa thuộc về phía bên kia cầu Hiền Lương, cho nên số phần những cổ vật trứ danh Đông Thanh, chế tạo từ đời Đường, đời Tống, đồng thời

với Cao Biền, Địch Thanh, chẳng biết có còn tồn tại như xưa trong các ngôi mỏm cỏ, hay đã bị phan phi dưới lưới cước Tàu phi, mà từ tán ra ngoại bang hết cả.

Kinh thành Huế, trước đây, còn lưu trữ khá nhiều đồ men lam của Thanh triều và Nguyễn triều, ấy là một kho tàng tài liệu giá trị rất lớn mà chúng ta cần nên thận trọng giữ gìn cho mai hậu. Ở ngoài Bắc, trước có tiếng là có nhiều nhà chơi đồ cổ nhứt, thì gia đình nào tốt phước mang vào Nam được bao nhiêu thì hay bấy nhiêu, chớ những vật gì mà cựu chủ chôn giấu chớ ngày hồi cư, ắt đã không còn được mấy. Ở Miền Trung, nơi vùng quê hương cũ của các vua Tây sơn, trước đây thỉnh thoảng có người mang vào Sài Gòn nhiều món xuất sắc, nhưng nay bom nổ âm ầm, núi long đất lở, chẳng hay những « Khánh Xuân » của phủ Chúa Trịnh, những « Nội Phủ » của vua Lê, xưa vua Quang Trung lấy về, nay có được bảo toàn cùng chăng? Ở Nam Việt, vùng Hà tiên còn rải rác đồ men thuở Mạc Minh, theo gót giang hồ của họ Mạc đem về đây tôi rất nghi những chủ của nó làm tưởng đó là đồ da đá làm thường, đem ra xài và đã làm bề làm tiêu gần hết. Tại Chợ lớn và Mỹ tho trải qua vùng Đông nai và Cù lao Phố (Biên hòa), vùng xưa của hai tướng cuối đời Minh, Dương Ngạn Địch và Trần Thắng Tài, lúc xưa cũng thế nào có đồ Minh sót lại, nhưng nay những vật ấy chắc cũng cùng chung số kiếp với các đồ sành xưa của đất Mạc Cửu, Hà tiên. Chỉ như vùng Sa đéc, Vĩnh long, trước đây tôi thấy rất nhiều đồ kiêu đồ sứ, chén trà, đĩa tô Mai Hạc, của các đời Gia Long, Minh Mạng, Thiệu Trị, Tự Đức, do các công thần nhà Nguyễn đem về, — mộ Quan lớn Sen chôn ở Sa đéc, — quan lớn Phan lui về cố thủ Vãng Luông (Vĩnh Long), nay tôi nghi các cổ vật ấy cũng bị các nhà mót máy đồ xưa, vơ vét mãi mai đầu hết rồi.

Bạn nào thích vật lạ mắt, hãy tìm mua thứ đĩa hai đáy, trong chứa được nước sôi để cầm nóng cho thức ăn lâu.

ngươi. Những đĩa hai đáy ấy, nguyên của các Công ty Ấn độ hoặc Công ty Trung hoa (Compagnies des Indes ou de Chine), hoặc họ chế tạo ở Âu châu (Anh quốc, Hòa lan, Pháp, v.v...) hoặc họ ký kiêu cho lò Giang Tây làm từ thế kỷ thứ 17, 18. Vào những thế kỷ ấy người da trắng còn đi dò đường đất, nên giao thiệp với các nước da đen Ấn độ hay da vàng Trung hoa, một cách hòa nhã. Họ thường nhái lại các đĩa chén Tàu để trao đổi qua lại, và những hóa phẩm của họ, tuy rằng kém bền kém khéo, họ vẽ rập chớ không thạo vẽ tay, — nhưng những vật ấy tương đối khó kiếm hơn đồ sành đồ gốm Trung hoa, nên rất có giá trị, nhứt là về phương diện lịch sử buổi Đông Tây giao thiệp.

* * *

Theo ý tôi tưởng, bây giờ ta nên phân biệt và chia đồ sành ra làm ba bộ môn hay ba hạng như sau :

— đồ sành thứ thường, bực hạ, ta thường dùng và Pháp gọi « porcelaine ordinaire ».

— đồ tốt và khéo hơn một bực, do từ nơi các nước ngoại quốc đem về và dùng làm kiêu mẫu cho các lò nội hóa, trong Nam chúng tôi gọi « đồ kiêu », « đồ da kiêu » (Pháp gọi đồ échantillon, modèle) (porcelaine d'échantillon).

— Và trên hết hai hạng đó, mới đến đồ thật tinh xảo, chế tạo riêng cho đế vương dùng, làm cống vật của các triều vua Trung hoa ban lại cho các vua chư hầu (Việt nam, Nhật bản, Cao ly, Thái lan ; không kể Kăm bù chia vì dân Cao miên thuở nay ăn bốc, không có đĩa chén), những qui phẩm này thường do sứ bộ mang về, nên gọi đồ sứ (Pháp gọi cadeaux diplomatiques) (porcelaine diplomatique).

Về chữ « Sứ », « đồ sứ », tôi không đồng ý với ông Đào Duy Anh. Ông cắt nghĩa trong Hán Việt tự điển rằng chữ

SỨ (phải tra chữ TỪ. TỪ là đồ sứ. Từ khí: cũng là đồ sứ (objet en porcelaine).

Còn chữ « sứ » tôi dùng đây, trong danh từ « đồ sứ, chén sứ, đĩa sứ », tôi mượn chữ « sứ » trong danh từ « sứ bộ, sứ đoàn, quan sứ thần », vẫn viết khác và nghĩa khác (Ấm sứ, bát sứ, đĩa sứ, theo tôi, có hai loại :

— một loại làm bằng sành thì viết khác ; — một loại do các quan đi sứ đem về, thì chữ « sứ » viết khác và nghĩa khác vậy).

* * *

Nay tôi dám khuyên các bạn, nếu may mắn được đi châu lưu ra ngoài nước hoặc đi công cán trong xứ, nếu tốt phước thấy được những vật tôi vừa kể trên, — các làng các thôn quê hẻo lánh thường ẩn tàng những vật bất ngờ, — xin hãy cứ vớt mua lên, hoặc nói cho tôi hay. Có nhiều món đồ sứ của các Công ty Ấn độ gặp vùng Huế, tuy thô kệch, tuy in bằng rập (procédé de décalcomanie), tuy vụng về, tuy không vẽ tay sắc sảo như các món đồ sứ Trung hoa, nhưng biết đâu chừng đó là di vật của các ông d'Adran, Chaigneau, Vannier thuở trước? Có khi gặp đồ sành vẽ xanh vẽ đỏ, cũng đừng chê đó là « đồ Nhứt bồn », vì xin nhớ người Nhứt qua đây rất lâu, vùng Hội An còn dấu vết của họ rất nhiều (như cầu Lai Viễn kiều, như comptoir japonais à Faï-fo). Thứ nhứt là nơi vùng có người Chăm và các đồng bào Thượng ở, có thể gặp di vật của đức Hàm Nghi khi lìa Huế đi lên sóc mọi (1885), ngài bỏ rải rác đó đây biết bao nhiêu là quý vật. Ngoài ra biết bao « đĩa Chăm », « hũ rượu Chăm », đều là những sưu tập phẩm có giá trị. Không chỉ nó cũng là một di tích di vật của cựu thời, một dấu vết ghi lại một giai đoạn sử ta chưa từng biết, một mảnh vụn của sử ký Việt nam. Xin đừng vì chút

tự ái, chút giận nhỏ, đổ thừa đó là bằng chứng của thực dân để lại, rồi đang tay đập bể nó ra từng mảnh, hoặc đốt nát ra tro, chà đạp cho đã nư, làm như vậy đã không xứng danh một dân tộc biết tồn cổ thêm vô tâm xé mất một trang sử và rất đắc tội với người viết lách về sau.

Đồ sành linh lắm, dẫu tan ra miếng, nó cũng còn « sắc lẽm như gương » và gõ chơi « cũng có tiếng canh canh ». ¹ Sợ cho chúng mình, sống trong giai đoạn thực dân ra đi, anh em đánh qua đánh lại, không biết bao giờ mới được thấy thẳng bình, lại không biết giữ của ông bà

1. Mấy câu này rút trong bài thơ « miếng sành », tục truyền của phò mã Trị, con rể vua Tây sơn (theo Việt Nam sử lược của Trần Trọng Kim, tr. 40 có nói : « Trương Tây Sơn là phò mã Nguyễn văn Trị »); bài thơ ấy như vậy :

« Sa cơ một chút hóa tan lành,
« Thiên hạ đều kêu cái miếng sành.
« Sắc lẽm như gương người góm mặt,
« Rán sao ra mỡ chúng hay danh.
« Ghe phen sắp cật nằm trên cát,
« Có thuở làm chông đứng vách thành.
« Chuông khánh dầu ai không dám sánh,
« Gõ chơi cũng có tiếng canh canh!

Bài thơ này nhiều sách nói là của Phò mã Trị, triều Tây sơn. Chúng tôi không thấy sách nói ông họ gì (trừ trong Việt Nam sử lược). Định chừng ông ra đánh giặc, chẳng may ông bị thất trận, về bị coi rẻ, công hạn mã tan tành như miếng sành bể, cái chỉ uất ức còn sùng sục trong hai câu phá, thừa (1, 2). Dầu vậy mặc dầu, sức còn dư, tài còn bén nhọn và lòng chiến đấu, ý chí hăng hái có thừa; tâm sự này được thổ lộ trong cặp trạng (3, 4). Qua cặp luận (5, 6) tác giả nói mình vẫn còn sang trọng, vẫn còn nằm trên đài trên các, vẫn ăn trên ngồi trước, vì là phò mã đương triều, đường đường một viên mãnh tướng sức đủ chống đỡ thành trì, và binh giặc còn kiêng sợ ông lắm. Qua câu chuyển (7, 8), ông ngụ ý tuy nay không thể bì với hàng chung đỉnh, bậc công huân, chứ ông vẫn còn là người hữu dụng. Không đánh lên thì thôi, chứ đánh lên, sành này còn kêu inh ỏi, Hiên ngang, oai dũng, lộ lộ theo mặt chữ.

để lại, có mấy tòa cung điện năm Mậu thân lại làm cho tan nát, chút gia tài « văn hóa » không biết giữ vẹn cho đoàn hậu tấn sau này, như vậy tránh sao khỏi lời phê ngay thẳng của nhà chép sách?

* * *

Các bạn mới chập chững học chơi đồ xưa cũng không nên có quan niệm là nghệ thuật chơi đồ xưa là khó, vì vậy sợ lằm sọ lạc rồi nhứt nhứt không dám sắm không dám mua. Phải nhớ có lằm mới học khôn, và mấy ai trong trứng khôn ra bao giờ? Theo ý tôi, đọc trăm bộ sách khảo cứu, không kinh nghiệm bằng bôn thân lặn lội tìm tòi mua chác tự học và tự mình suy nghiệm lấy. Vả lại cái thú vui của nhà chơi đồ cổ, chung qui là ở chỗ biết lục lạo, đi kiếm đi tìm lấy mình, nhứt là giống đùa với cái vảy may của mình, một mình mình biết, một mình mình gặp, và khi gặp, không bao giờ bỏ lỡ cơ hội tốt:

Người săn mãnh thú nghệ kinh,

Tôi săn mãnh bát mãnh sành, mặc tôi.

Muốn cho các bạn yên tâm mà thấy rõ cái lằm vẫn thường làm bạn và chơi khăm với những nhà thông thái, tôi xin thuật chuyện vừa xảy ra ít lâu đây bên nước Pháp, và nhà khôi hài lại là một thợ điêu khắc vô danh của một tỉnh quê. Anh ta lựa một khối vân thạch trắng buốt, anh trở tài chạm hình một mỹ nhân tuyết trần, nhái y kiểu cổ điển thật khéo. Đoạn anh dùng búa lớn khẻ thật mạnh tay vào ba yếu điểm: gợn gàng anh lấy cái đầu lâu đá và hai cánh tay vân thạch của hình nhơn, anh đem chôn giấu một nơi không ai biết. Xong việc rồi anh mượn khoảnh đất ấy lập vườn, đem lại anh lên chôn hình nhơn xuống đất rồi thuê phu làm vườn đến khai phá. Và việc gì phải đến đã đến: bọn phu một hôm đào được khối đá không đầu

không tay, của anh chôn từ trước. Việc ấy đồn ra, tiếp theo đó các báo chí cũng sa vào bầy rập, nào phóng viên, nào thợ nhiếp ảnh, nào ban điều tra, kéo nhau đến tại chỗ làm việc và khi về khôn xiết bàn tán đăng hình in báo lằng xằng, tẻ ra họ làm quảng cáo không tiền cho anh nghệ sĩ nhà quê mà không ngờ. Nhờ cách diễn trò kin đáo ấy mà khối đá vô danh nọ được kính cẩn khiêng tới kinh đô và nhờ các nhà thông thái khảo xét. Mấy ông này, ông thì mang kính giọng vàng, ông khác ôm sách khảo cứu xộn xộn đến, họ xúm nhau tra tìm theo phương pháp khoa học, họ thí nghiệm từ đất dính theo pho tượng, họ lấy những bụi nhỏ ly ty ấy, hết nhìn bằng kính phóng đại (loupe), họ lại đặt dưới lằm kính hiển vi (microscope), họ xem đi xem lại từ hột cát hột sạn, hột già, hột non, họ xét từ sự lạc tinh (patine), từ cái hờm cái nhộp dơ lâu năm quên lại, họ cắt nghĩa nào là đá chôn lâu đời thì thường đóng cặn đóng cáu, màu sắc biến thể đổi thay ra thế nào, vân vân và vân vân, sau rốt, họ hợp thành ủy ban công khai tuyên bố rằng pho tượng thật cổ thật xưa, qui không thua pho Venus de Milo¹ hoặc còn khéo hơn đôi phần là khác. Anh thợ điêu khắc nhà ta, ý không muốn giống nhây, nên đợi cho các nhà thông thái ấy bớt khoe tài, bèn moi đất trong vườn và lấy lên nào đầu nào cánh tay, ngộ, rập vào đầu thì nó ăn khớp vào đó, không sai chạy chút nào. Khi ấy anh thợ quê mùa kia bèn đứng ra khiêm tốn nhìn nhận pho tượng mỹ nhơn nọ vốn tự tay anh chàng sáng tác. Thôi rồi còn gì là thể diện mấy ông thông thái thuở nay nức tiếng dưới gầm trời, đầu cũng tin cũng rước đi giảo nghiệm, làm giám định,

1. Pho tượng đá Venus de Milo, tìm được năm 1820, nay đặt tại viện Bảo tàng Le Louvre tại Paris, là một kỳ quan trên thế giới. Có hình trong tự điển Petit Larousse. Năm nào Pháp cho Hoa kỳ mượn triển lãm, nghe nói tiền bảo kê chuyên chở không, cũng đủ mua trăm mạng tác giả này.

làm expert cùng khắp. Từ ngày họ nhúng tay vào việc khảo xét pho tượng trời đánh kia, tội nghiệp, mỗi lần có ai nhắc đến, họ nổi da gà và phát ghen, nuốt bánh mì không vô!

Những sự sơ suất như vậy, cũng hiếm và vẫn làm đầu đề giai thoại để trên tức chơi các nhà khảo cổ đạo mạo bề ngoài, còn bề trong thì vẫn ai cũng như ai, duy về nước phách lối thì không ai chịu nổi. Nhưng ta chớ nên coi rẻ cái học sở đắc của mấy nhà thông thái ấy, vì tỷ như trong vụ bức tranh danh tiếng nhất của viện Le Louvre vừa kể, tức tranh La Joconde, năm nọ bị kẻ trộm lấy ra khỏi viện, và khi tìm lại được, thâu hồi về viện rồi, các cụ giảo nghiệm chánh thức (experts officiels) bèn đem bức tranh ra tổ chức một cuộc giảo nghiệm công khai, để công chúng khỏi nghi ngờ rằng bức tranh lấy lại là bức tranh giả tạo. Các cụ trình năm nào tranh này đã được tu bổ và nhơn dịp đó các cụ đã cắt lên một mớ bố sợi ngoài bìa tranh, ngày nay « ngọc bích Triệu huân », tranh vẽ chỗ cũ viện Le Louvre, lấy ra đo kỹ : quả hai thứ bố y hệt, bố xe mấy tao, mỗi tao sợi bao lớn, xe mấy ngoai làm vậy mới thành một tao, và phải mấy tao mới ra một sợi, v.v..., đếm không sai một mảy, thêm nữa các cụ cắt nghĩa thuốc dầu để vẽ tranh La Joconde, nguyên là chất gì, và chất nước thuốc ấy, cách nay mấy trăm năm đã biến màu chút ít ra làm sao, quả là khoa học, là công phu, là ly kỳ, chúng ta mắt thịt không phương chối cãi (dầu biết trong bụng : gái ngủ đêm ngoài nhà, chỉ một đêm thôi, cũng đủ làm anh chồng mệt suy mệt nghĩ).

* * *

Tóm lại, đức tánh cần nhất của nhà chơi cổ ngoạn là sự dè dặt. Đừng bắt chước một ông quan phú lang sa nọ,

ham thích đồ sơn mài; đương thời lúc còn làm quan tại Hà nội, ông mua sắm lung tung và tẩm biển ông quý nhưt là tẩm biển sơn son có đề bốn chữ vàng chói lọi. Mãn hạn làm việc bên nước Nam và đến tuổi về hưu, ông ta đề huê diu đất hai tiểu thơ đường bệ về xứ. Thuộc phần khá giả, vì lúc thiếu thời ông đã nhiễm nhiều tục lệ bản xứ bánh qui bánh sáp, nên ông dọn dẹp định đô ở Paris. Nơi thỉnh đường, ông cho treo tẩm biển lên cao, hiêu hiêu tự đắc ở thuộc địa xứ giàu có về, nhà ta, coi đây, có một vật kỳ quan hãn hữu. Hai tiểu thơ một ngày một lớn, như « đào đương lá thắm », thế mà « đài trước bình vẫn chờ mãi người buông đạn ngọc ». Hoa xuân thỏn mỏn về tàn, tội nghiệp hai cô gái không người giam hời... Kịp một hôm, có một ông quan Việt đi du lịch qua đô thành hoa lệ, tiện đường ghé tạt thăm ông chủ cũ. Gặp nhau chưa kịp hỏi chào, khách xua tay xua chân, lật đật xin chủ nhà mau mau cho gỡ xuống tẩm biển có bốn chữ đại tự cổ kính, đọc là « HỒNG LÂU ĐỆ NHẤT ».

Té ra quan phú lang sa, dốt mà làm mặt sành đời, khi ở Hà nội, quan mua tẩm biển trong một cuộc đấu giá tại nhà tằm tằm, và bất chấp hỏi ý kiến ai, ta thấy tốt thì ta mua, ta thấy đẹp thì ta treo, dè dặt đó là tẩm bằng hiệu của chị em xóm Khâm Thiên, đóng cửa rồi mà còn có ma lực làm hời duyên hai cô gái Pháp.

* * *

Bài này tôi viết để khơi màu cho thú chơi cổ ngoạn. Đến đây đã khá dài, tôi đang định kết thúc, bỗng được hân hạnh tiếp một nhà học giả đất Thăng long, tha hồ cùng nhau bàn luận về các điệu Bắc Nam trong một khoa chúng tôi đều ưa thích và ao ước muốn đem lên hàng nghệ thuật : « nghệ thuật chơi cổ ngoạn. »

Bạn tôi thuật lại cho tôi nghe chuyện một nhà chơi đồ xưa xứ Bắc. Câu chuyện ấy như vậy, tôi xin kể lại theo giọng Nam :

« Một bữa kia, nhà chơi cổ ngoạn vừa thức giấc trưa, bèn vói lấy bộ chén trà « Gia Thái Phương Trai », có đề vắn vện câu thi « Thu giang điệu nguyệt nhận hoành phi ». Ông lau sơ bộ chén rồi ông lại vói lấy cái bình « Thế Đức gan gà », mà nội Hà thành, nhưt là giới ghiền trà Tàu, đều biết tiếng. Ông sửa soạn pha trà đề một phen đọc âm. Quên nói ông đang ở lầu trên, và sập gụ chỗ ông ngồi vẫn kê gần một lỗ thông thiên độ chừng một thước tây vuông vức, khoét trong ván lầu, chung quanh có câu-lơn con tiện đồng giáp vòng, chỗ này ngày thường dùng để thu rút những kiện hàng hóa từng dưới lên từng trên và thả những giỏ không xuống, đỡ khiêng gánh ngõ thang bè bộn. Tuần trà đã tàn, ông lấy khăn tay ra như mọi bữa và bắt đầu lau từng chén tốt, chén tống, đĩa dĩa, đĩa bàn, vắn vắn ; lần lần ông lau đến cái bình Thế Đức. Ông đổ xác trà vào chậu nhỏ để dưới bộ ván, ông tráng nước nóng vào bình, ông súc súc, rồi ông ngậm miệng bình thổi cho xác trà ra hết, đoạn ông trút sạch nước, ông lấy khăn lau đi lau lại nhiều lần, ông tăng tiu o bẻ còn hơn đưa nhỏ lên mười trau chuốt giồi mài con vụn ó mới sẫm, ông lau mãi mà không biết chán, vì đây là một tập quán ngày ngày vào buổi trưa này, ông chơi với cái bình tích vật ông cưng nhưt trên thế gian. Phải nhớ ông đã quen tay lắm rồi, cách thức ông lau bình là cả một nghệ thuật, ông tự phụ về cách chuyên trà và lau bình, không ai giỏi hơn ông, nhưng bữa nay vì đâu xuôi khiến và ông đã làm thế nào không rõ mà cái nắp bình lại vướng vào chéo khăn lau, ông không hay, bất ngờ ông giữ mạnh chiếc khăn định cáo chung một cách trịnh trọng cái lễ cầu kỳ « lau bình tích ». Xảy nghe một tiếng phịch

nhỏ nhỏ, đồng thời ông thấy cái nắp bình con, nhảy vọt lên cao rồi rơi tót ngay theo lỗ trống, xuống tầng dưới. Ông toát mồ hôi, ông cầm cái bình còn lại, tay ông run run, đoạn ông nghĩ sao trong trí đố ai đoán được, duy thấy ông vụt ngó ngay lỗ trống mà quăng vói theo, CÁI BÌNH MỒ CÔI NẮP. Chuyện ông làm, nói ra đây thì nghe đông dài, chớ từ khi xảy ra đến kết thúc, nó lạ như chớp, nên không một ai, dầu có đó, mà ngăn cản kịp. Thoạt có tiếng trẻ con dưới nhà reo âm lên, ông thò đầu ngó xuống, thấy cái bình tan nát, mảnh văng tứ tung không còn miếng nào trên gạch, và bỗng đâu đứa cháu nội lên sáu, vói tay vào giỏ tre đầy dĩa bảo, lấy ra cái nắp bình nguyên vẹn. vừa mừng vừa rú tay nâng cao khỏi trán, cái nắp bình tích không hề hấn, cho ông nội xem. Ông không nói một lời, từ đó ông như người mất hồn, và chẳng bao lâu thì ông mất ».

Bạn tôi kể tới đây, lòng tôi bồn chồn ngơ ngẩn và không thể nín được, tôi bèn hỏi lạ : — Thưa ông, chẳng hay nhà chơi đồ cổ ông vừa nói đó, năm ấy độ bao nhiêu tuổi ?

— Xấp xỉ gần bảy mươi, ông đáp.

— Tuổi ấy sao mà nóng dữ vậy ?, tôi thung dung trả lời. Tay chơi đồ xưa lão luyện thì khác, nhưt là không khi nào làm vậy đâu. Phải tập cho bền chí và phải biết nhẫn nhịn mới được chớ ! Nắp bình bẻ, ta chờ tìm cái khác, thủng thủng rồi ắt phải gắp. Ấy chẳng qua là một cuộc thử thách trong nghề. Rủi ro tìm kiếm không ra thì hãy dẫn lòng rần rần cho quen, tội mình làm mình chịu, phải tội nơi cái bình đâu mà quăng mà hành phạt nó thế nọ thế kia ? Ở đời thiếu chí trai bị vợ bỏ và gái bị chồng thôi, như cái bình tích « góa » nắp. Rồi đua nhau nhảy lầu hay treo cổ hết cả sao ? Chớ chi nhà chơi cổ ngoạn ông vừa nói đó,

còn mạnh giỏi và vào trong Nam tôi sẽ mời về nhà chỉ cho xem cái lục bình vẽ tích Nghiêm Tử Lăng đề ba chữ «Điếu đài đồ» có bài thi dài thướt, hiện tôi chưng trên đầu tủ sách. Bình này lúc tôi còn làm việc tại tỉnh Sa đéc, Ba tôi lên chơi thấy nó có tỷ, ôm về Sóc trăng cặm cũi o bế nó lại lành lẽ rồi gởi lên tôi làm vật kỷ niệm, và vì vậy tôi quý trọng nó hơn cả các vật mất tiền tự tôi mua sắm mà không có tay Ba tôi tô điểm thêm duyên. Tánh tôi vốn thích hoa huệ. Bữa kia huệ tàn, tôi lấy bình ra thay nước. Tôi tuổi nhỏ lắc các ý tài. Tôi xát xà bông, tôi kỳ mài, tôi ôm cái bình lên súc, tôi cho nước vào bình, chao qua chao lại cho sạch, bình trơn vượt khỏi tay, rớt nhẹ xuống sân xi măng: thôi rồi còn gì cái bình quý của Ba tôi, không kể khó nhọc, làm cho tôi chơi, tưởng được đề đời, té ra nay vì mình, cái bình kia đã nứt lại càng thêm nứt. Trong lòng tôi lúc ấy, một buổi sáng chứa nhứt, tức, thương, tiếc, giận, ngồn ngang bời bời. Việc đã cũ mà tôi còn nhớ như ngày hôm qua. Tôi ôm cái bình nước mắt giàn giụa, vừa tức tối, vừa bực tức, uổng cho một vật, mới đây toàn bảo, cũng vì mình sơ ý, nay đã có tỷ và giảm giá rất nhiều. Biết làm vậy, thà để cái bình dơ, dơ có chết ai, như vậy mà nó còn nguyên vẹn. Cho đến nay, tôi còn thích hoa huệ, nhưng tôi ít rửa lục bình. Lâu ngày quen thói, đi ngang bàn thờ, mùi huệ cũ không làm sợ nữa? Tôi lại tưởng như phảng phất đâu đây hồn Ba tôi với tiếng «phuych» khi bình sút tay sa nhẹ xuống đất. Bữa đó, tôi ngồi trán giữa sân, tôi nghĩ lại thêm thương tiếc công Ba tôi mãi tin tưởng vào một đứa con bất tài như tôi làm vậy! Rồi đây tôi ăn làm sao nói làm sao với hai em tôi? Tôi hăm hừ hậm hực, muốn trút cái giận vào một cái gì, đó rồi tôi cứ kể ra một tội của tôi thì tôi gọt vào đầu một cái, tôi làm cái việc vô lý điên rồ ấy một cách thần nhiên, bất

chấp sự có mặt chị Bếp đang làm cá và thẳng bời Tự đang ngồi giặt đồ bên cạnh. Tôi cứ đầu tôi cho đã, rớt rời tay ề đầu súng, mà xem đi xem lại nào cái lục bình đâu có lành lẽ lại như xưa? Sau hết, tôi ráp mảnh nứt mảnh bề đầu vào đó, hàn gắn kỹ càng, rồi từ ấy mặc dầu tản cư di cư năm đảo chánh 1945-1946, biến cố Mậu thân (1968), cái bình bề và tôi, không rời nhau nữa. Kể ra từ ngày hư trí, tôi gả bán đồ cổ ngoạn của tôi cũng khá bộn, buôn đi sắm lại không ít, nhưng không bao giờ tôi bớt kính trọng cái lục bình vô dụng kia. Tôi để nó trên đầu tủ, trước bàn thờ Ba tôi, và mỗi lần ra vào, thấy nó như nhớ lại cái bất tài của mình (mà các bạn vẫn còn lầm), và thêm thương cha mẹ, đã không còn nữa. Hôm nay nhắc tới chuyện này, tôi có lời xin lỗi các bạn, tự tôi không dám khoe đã tìm được cái bí quyết trong khoa chơi cổ ngoạn, nhưng thú thật, nhờ làm bề cái lục bình này mà tôi học được một thuật xử thế mà tôi cho là huyền diệu, không chỉ nó đã giúp tôi nhiều lần thoát qua xiết bao nạn dữ trên đường đời. Thuật ấy là THUẬT ẪN NHÂN VÀ NHỊN NHỤC.

* * *

Nay đã đến phần kết thúc. Tôi đã trót lựa một đề tài khô khan, không hứng thú và lạm dụng lòng tốt, làm mất nhiều thì giờ của liệt vị, xin tha thứ. Tôi xin mạn phép ân cần nhắc các bạn từ đây nên đề ý nhiều hơn trước đến cổ vật trong xứ. Nhứt là từ biến cố Mậu thân, những vật ấy hư hao mất mát rất nhiều. Chớ nên gọi đó là đồ truyền thống giai cấp, cho thêm não lòng và hãy quý trọng lấy như những tài liệu xác thật về khoa sử ký.

Có người đã thốt ra câu: «Thời buổi tao loạn này mà còn chơi đồ cổ đồ xưa cái nổi gì? Có tiền cứ ăn chơi hoặc

đề thủ đó phòng khi « chạy giặc ». Chơi đồ xưa là không thực tế, là mua sắm bá láp ». Chính tôi không nghe những câu này nói ngay với tôi, nên tôi kể như lời không căn cứ, nói đùa và không đáng quan tâm đến.

Tôi lại nghe một nhà chánh trị, mới đây, bàn về mỹ thuật, có nói: « Văn minh chúng ta tự hào thừa hưởng của tổ tiên Hồng Lạc, là một văn minh tâm cảm ». Với lời nói đúng đắn này, tôi xin nói điều rằng: « Thú chơi cổ ngoạn là một cách riêng biệt vừa bảo tồn quốc túy, vừa di dưỡng cái văn minh tâm cảm nói trên ».

Thật vậy. Xét cho chí đáng, những hoang mang hay bất cập, rồi rồi cũng tiêu ma hết. Mặc dầu biển cố, lịch sử như bánh xe thiêng liêng vẫn lăn tới mãi, và trải bao thử thách, văn hóa và tiền đồ dân tộc Việt Nam càng tỏ rạng hơn xưa.

Đập, phá, đốt, hủy, không khó. Khó nhất là bảo tồn. Chúng ta phải có người biết dung dưỡng cái cũ trước đã, đề do đó phát huy cái mới và xây dựng nền tảng tinh thần một quốc gia lành mạnh. Phong trào cải thiện và canh tân xã hội hiện nay, với nguyên tắc lành mạnh hóa, dạy ta phải lựa lọc kỹ càng trước khi bắt tay vào việc. Hãy xem gương các nước tân tiến, như nước Pháp sau cuộc cách mạng 1789, vẫn sưu tầm cổ vật di tích thời vua dòng Capet, cũng như sau này, tìm kiếm sưu tập vật cũ đời Napoléon và của các danh nhân lịch sử khác. Nước Nga nhuộm đỏ nhất thế giới, vẫn bảo tồn cung điện Kremlin của Nga hoàng xưa. Khi nói, nước Nhật họ còn đi vét vật xưa của các nước khác đem về chưng bày trong viện bảo tàng của họ. Nước Trung hoa bây giờ chia đôi: Đài loan tàng trữ những báu vật của các vua cũ, còn Bắc kinh thì tu tạo cung Mãn để Đại Thanh, duy chúng ta, không biết tại nạn gì, để cho năm Mậu thân, bao nhiêu cung điện đền

đài Thành Nội Huế đó làm mồi cho bom đạn, nghĩ càng tủi hổ với cái nước lạc hậu cơ-me, dẫu sao, những Đế Thiên, Đế Thích của họ vẫn còn sừng sững. Nếu đồ thừa mỗi lần làm cách mạng là có hư bề, nếu vậy thì các nước khác sao còn y nguyên vật báu của họ? Nói thiệt, đồ sành xưa của Huế đó, đồ sứ của các triều đại trước, tuy không phải của ông cha chúng ta chế tạo, nhưng công khó đi sứ đem về và gìn giữ bấy lâu, tôi có đi xem rồi, các nước khác không có món nào trong viện bảo tàng của họ, như vậy ta phải bảo thủ lại trong nước làm quốc bảo, nhất là không nên để bán đổi ra ngoài. Tôi dám khuyên các bạn hãy suy xét lại mà cương quyết ủng hộ và gắng công bảo vệ từng món một, những cổ vật và di tích hiện hữu hầu lấy đó làm tài liệu, bằng chứng, dọn đường cho khoa mỹ thuật Việt Nam sau này.

Biết chừng đâu mỗi cổ vật, mỗi cổ tích, chẳng là một tài liệu độc nhất, duy nhất cho khoa sưu tầm cổ học, trong có ẩn một quốc hồn chưa khám phá, và như vậy tất nhiên ta phải thận trọng, chớ nên hủy diệt hay để cho bán ra nước ngoài, ngày sau ăn năn vô ích. Giúp nước có nhiều đường lối, và biết bảo tồn của quý trong nước cũng là một cách sáng suốt biết giúp nước đó. Nội thêm nữa là thừa.

Riêng tôi, tôi chỉ muốn trọn đời an phận tùy duyên: « làm người chơi đồ xưa một và an phận trọn đời được « giữ các món đồ xưa một này ».

Không chi, tôi cũng được tiếng trung thành với thú chơi cổ ngoạn.

(Bài này đã đem ra diễn thuyết ngày 30 - 12 - 1957 tại trường Đại Học Văn Khoa Sài Gòn do bộ Quốc Gia Giáo Dục tổ chức và đăng trong Văn Hóa Nguyệt san số 27 tháng 12 năm 1957 và số 28 tháng 1-2 năm 1958. Nay có sửa và thêm đôi chỗ). V. h. S.

2. — Vì sao tôi ham sách và thích đồ cổ ngoạn

Có tích mới dịch ra tuồng. Thú thật, đời tôi có hai tật lớn, không sao chữa được, mà đến tuổi này, cũng không muốn chữa; đó là: tật ham sách: sách quý, sách lạ, sách hay, cũ mới gì không nệ; và tật thích chơi đồ cổ ngoạn, hơn ai hết cả. Những đồ sứ men chàm chánh hiệu, đồ sành có đề thi nôm, đồ da kiêu da đá, miễn có dính dấp đến sử Việt, có liên lạc đến các danh nhân cổ kim mà tôi kính phục, từng đọc tiểu sử hay từng biết mặt, những đồ gốm thật cổ, dấu xấu xí, miễn chứng minh một thời đại (Đường, Tống), hoặc đồ đào trong mả xưa, tôi có dự kiến thật sự, những vật ấy đều làm cho tôi ngây ngất say mê còn hơn mỹ nghệ trình nữ đối với khách đào hoa đa tình. Cũng thì một bộ chén trà Mai Hạc, nói tỷ du mà nghe, nhưng nếu là bộ của ông cha để lại, thì tôi quý hơn bộ tôi sẵn tiền mua sắm; về vật mua sắm, nếu tôi được phép kén chọn, thì thà tốn nhiều tiền, nhiều thật nhiều, tôi ham những bộ của vua chúa, của các đại thần đã mất, để biết những gì là «*quân diêu*» (đồ vua dùng), hoặc «*quan diêu*» (đồ quan dùng); tuy nói vậy, chớ khi tôi gặp đồ lưu lại của các bá hộ xưa trong Nam, đó là đồ «*dân diêu*» (đồ dân dùng), thì tôi cũng không từ, vì đã là nhà sưu tập, thì mỗi thứ cũng phải có với người ta chớ!

Nước mè đồ xưa của tôi, ai ai cũng biết. Mè đến bỏ ăn quên ngủ, (trước kia bị người đó bỏ rơi cũng vì tật này), ăn mặc không cần tốt, tôi có kinh nghiệm mặc sang

mua do nợ ban mặt non mặc xạp xẹ, tiêu xài có chừng độ, (vả chẳng trong nhà tôi đã chịu tiếng oan, Năm thường nhiếc trách tôi cái câu gì: «tiện tận với vợ con, ra ngoài ăn to xài lớn») mà tôi không bao giờ cãi, cơ khổ ra đường ly nước mĩa tôi tuy khát mà không khi nào dám rờ, tuy vậy hề gặp đồ xưa vừa ý là tôi xả lán! Thuở tắc xi còn biết điều, thỉnh thoảng còn thấy tôi ngồi tắc xi. Mẽo lại đông, tắc xi làm khó, tôi chừa cho Mẽo đi, tôi leo xe ô tô buýt. Mấy cái xe này thời chạy, tôi ngồi xe lam. Hiện nay có mời xe lam leo thang nữa, tôi tuột xuống đi bộ. Đi bộ có chết ai, thêm được teo mỡ bụng và thêm khỏe người vì thể thao bắt buộc. Người ta nhịn thuốc mua trâu, nhịn trâu mua ruộng. Tôi nhịn đủ thứ sung sướng để mua cỗ ngoạn tôi chơi! Thuốc điệu châu xưa là hạn cầm canh của tôi — phải tập lâu lắm mới biết hút và hút biết khoái, ai đâu đành bỏ, thế mà tôi cũng có cách đối phó: thuốc nời, tôi mua một ngày một gói; thuốc lên, tôi chia một gói hút làm hai ngày; thuốc lên nữa, tôi canh ba ngày một gói; chừng thuốc lên một kỳ nữa, tôi nhịn luôn không hút. Mà có mấy chết? Duy tôi không nhịn mua đồ cỗ được.

Buổi thiếu thời, tôi như con doi muỗi, va đầu vào đủ bốn vách: tứ đồ trường. Được cái không món nào tôi lạm. Canh khuya dứt chốn, ai thì nán lại, tôi xin đi ngủ. Nài cách mấy tôi cũng không nghe, nhờ đó tôi thua có chừng mực. Duy đối với đồ cỗ, tôi thua trút túi.

Bây giờ xét lại, nghĩ cho thuở còn ruộng vườn, còn hoa lợi góp mỗi năm, máu mặt còn, thì mê đồ xưa cũng phải. Lúc đó tuổi còn ham bay nhảy, bạc tiền hơi hột, chàm chẽ mà nói, mê đồ xưa là cao kể, không khen thì thôi chớ không đáng trách. Không như ngày nay, bóng đã xế tà, như ngọn đèn tắt tảo vẫn không chùng, trong túi vắng ánh Hai như chợ nhà lồng chiều ba mươi Tết, hoặc như

con đường trước mua vào giờ giờ nghiêm, sang năm là đúng bảy mươi mà năm nay còn đi làm công sấp xếp đĩa chén cho thiên hạ, thế mà cái tật mê sách mê đồ cỗ vẫn chưa rời, có lẽ số kiếp mắc nợ đời mới vậy. Từng tuổi này, trông thấy món nào nhà chưa có, là làm nợ vay tiền, mua lên cho được mới nghe, không thì bực rức đêm ngủ chiêm bao, nhớ tiếc còn hơn chú trai trong câu hát «chuối non giú ép chát ngậm», rồi gì gì đó, câu thứ hai chừa trống!

Trong tập Hiếu Cổ đặc san số 3 này, lần lượt tôi sẽ kể lại những duyên cớ khiến cho tôi trở nên một nhà chơi cỗ ngoạn ghìền nặng đến thế. Tôi định dâng lên các bạn những chuyện hay tôi đã đọc, tôi sẽ hài ra những tật tôi đã có, hầu biết trước thì dễ tránh hơn, và đó cũng là mớ kinh nghiệm sống tôi muốn để lại trước khi lên đường một cách vĩnh viễn. Từ có tri khôn đến lúc ngồi viết bài này, tôi đã lặn lội trên một con đường khá riêng biệt, chông gai cũng lắm, gian nan cũng nhiều, thiếu thầy, thiếu sách, thiếu người hướng đạo, thiếu bạn đồng hành, tự vạch mà đi, trên năm mươi năm đăng đặng (1919-1970), nay dừng chơn lại đây, đánh số độ đường đã trải, cảm thấy hứng thú và phong phú lạ lùng.

«Dừng chân đứng lại: trời, non, nước,

«Một mảnh tình riêng: ta với ta.

(Đèo Ngang tức cảnh của bà huyện Thanh Quan)

Trong sân trời đang mưa, hai câu thơ trên thánh thót rót vào hồn, đêm tịch tịch, chung quanh chỉ nghe hơi thở đều đều của Năm là vợ và của Bảo là con, thôi hãy ngủ đi, sáng này theo tôi xuống bên kia đường đời, chiều tà bóng xế, vì là xuống dốc hãy diu nhau mà đi, đến một chỗ nào đó, tôi sẽ trao lại hết, nhưng còn khát lại một thời gian để viết cho rồi tập 7: «HƠN NỬA ĐỜI HU» mà mấy

trang này là trích lục. Lên đến đỉnh Đèo, bà Huyền cũng phải cho phu tạm nghỉ cho đỡ bớt nóng vai... với chớ!

Hồi tóc còn chưa bành bèo, không ai dạy, mà tôi đã có tánh ưa chất mốt để dành từ đồng xu từ các bạc. Bảy giờ những danh từ ấy nghe rất lạ tai, vì thế hệ 1970 quen xài giấy bạc, mà vô lễ, họ gọi bằng danh tánh ông thần, ông thánh. Mới đây có một giáo sư nhỏ, sưu tập cổ tiền, đến hỏi tôi « đồng xu » là gì? và tại sao gọi mấy anh hớt tóc là « thầy hù »? Sẵn đây tôi xin trả lời:

— Đừng tìm đâu xa cho thất công. Xu do chữ « sou » của Pháp mà có: một phần trăm của đồng bạc, ngày trước. Giá trị không nhỏ như nay ta tưởng, vì một đồng xu xôi, ăn no bụng, cũng bằng hai chục bạc xôi năm 1970 chớ không vừa.

Còn tiền xu là hai đồng xu, đừng lầm với « tiền xu » trong tự vị ông Huỳnh tịnh Cửa, cắt nghĩa: Tiền xu: quân dọn đường cho giặc, quân ăn cướp.

Về hai chữ « thầy hù » để gọi thợ hớt tóc. Ba chúng tôi, ông Trần văn Hương, Lê Ngọc Trụ và tôi, cãi nhau nãy và cho đến nay, vẫn đề chưa ngã ngũ. Tôi nói: xưa không có thợ hớt tóc, vì cắt tóc là phạm tội bất hiếu. Chỉ có thợ váy tai, và mỗi lần váy xong, cũng gọi « thợ lấy cứt ráy », lão ta thường thổi vào lỗ tai cho hết điếc, và mỗi lần thổi, lão ta kê miệng sát vào tai mà la « Hù! Hù! » vì thế mà mang tên « thầy hù » luôn. Thêm nữa, xưa không có ai làm cái nghề tuyên truyền tin tức, duy lão thầy hù, ngày ngày, ôm cái hộp móc tai, dao cạo, lên lên xuống xuống từ đầu làng đến cuối xóm, ai sanh ai đẻ ai bị chớ cản, lão ta đều biết và khi hành nghề, ngửa miệng học lại cho vui tai, những tin tức không tốn tiền mua, nhiều khi không thiệt, lão ta vì vậy bị gán cho là thằng hay nói láo, và câu thành ngữ: « Thôi đừng thầy hù mầy » đồng nghĩa với câu « Thôi

đừng dóc mầy! » Thầy hù dóc tở, nói láo không thua ai. Nghe rồi câu cắt nghĩa, không khen không chê, một trong hai ông, người mập mập cười, ban cho bốn tiếng: « Anh đừng già hàm ».

Mãng già hàm gần lạc đề, nhắc lại lúc nhỏ tôi thích cắt lại những xu đồng và bạc các: từ đồng xu ăng-lê dày cạnh, để chọi dao tường, đánh dao lạc, đến đồng bạc trắng có chạm hình con ó Huê kỳ, niên hiệu 1871, do bọn binh sĩ Pháp và bọn đánh giặc mướn đem qua đây trong trận đánh với vua Tự Đức châu xưa... Có thứ đồng xu lá bài, mặt liền, không khoét lỗ tròn ở giữa, thì thuộc đời Tây chế tạo, nhà băng « Đông Dương ngân hàng » phát hành, năm 1879 cho ra loại « xu bản » (hay xu lá bài), cân nặng mười gờ-ram, mặt trước chạm hình con dằm « Mầu quốc », mặt sau chạm câu chữ Nho « Bá phân chi nhứt », và hàng chữ Pháp « République Française »; riêng đồng xu năm 1895, nhà băng ấy, Pháp gọi « Banque de l'Indo-chine » (Đông Dương ngân hàng), thay vì đề hai chữ « République Française » đổi lại viết « Un centième de piastre », vì vậy chúng tôi đặt tên là đồng xu « On xon chem » và xem quí hơn đồng xu thứ kia. Cứ mỗi một trăm xu thì đổi được một đồng bạc trắng; nhưng khi dùng thấy bất tiện, nên nhà băng lại phát hành loại « xu lỗ », đồng một giá, nhưng giữa xu có khoét lỗ, để tiện xỏ xâu như tiền điều, tiền kẽm của Cựu trào. Lại có thứ xu « Long Phi » là xu Tàu đời Mãn Thanh đem qua đây dùng, có thứ in hình Tôn Dật Tiên là xu có từ năm Tân hợi (1911), và thứ khác in hình rồng bay (vì vậy gọi Long Phi) là loại xu triều Mãn Thanh, đời vua Quang Tự và đời bà Tây Thái Hậu (trước 1911). Nói đến đây không khỏi ngậm ngùi nhớ mẹ, vì mỗi lần phát tiền quà bánh, một xu hai xu chớ không nhiều, tôi đều cố vắn nài xin cho được đồng xu sắc

sảo, ghét thứ xu lý, và ưa thích đồng xu mới, đồng còn đồ tinh au, và mỗi bao một ngàn xu (mười đồng bạc), từ kho bạc phát ra, người nào lãnh phải trả thêm bốn xu tiền nhượng cái bao nhỏ bằng bố tời, để làm túi đựng. Nay mẹ hiền đã không còn, những lúc sắm được món đồ cổ ngoạn vừa ý, là nhớ đến công mẹ đã quá chiều chuộng con và khéo lựa cho con chơi, từ đồng xu các bạc. Tôi không dài dòng lê thê, vì nghệ thuật chơi cổ ngoạn là gì nếu không phải một cách tưởng niệm người trên trước ?

Lớn lên, cái tánh lượm lặt cần sảo đã lậm và thành tật, như áo xếp có lẫn, tôi lại mó qua thú cầm ca, ưa bề bạn và thích sắm đồn độc huyền có cái « bầu » làm bằng gáo dừa giống hình con cá nóc, thích ống tiêu ống sáo bằng trúc lên nước đen huyền không trầy trụa và phải thật âm thanh đúng chữ. Nhưng tôi đã gặp nhiều vợ khá đau : bao nhiêu bạn, bao nhiêu tình, đều giả dối. Tôi bắt đầu học được chữ « ngờ ». Tôi đâm chán nản bứt kết giao, liên lạc, bắt tay qua chơi sách triệt để, có bao nhiêu tiền đều mua sách, đóng cửa, học uống trà Tàu, ngâm thơ (giọng Nam) và viết lách. Tôi nghĩ trong bụng, bởi cha mẹ ít tiền không đủ sức cho mình xuất dương du học, thôi thì tạm học đỡ trong sách, — sách là bạn tốt không bao giờ biết phản bội, — tuy không theo kịp người tốt số được học trường lớn có sẵn thầy hay chỉ dẫn, — nhưng cũng phá ngu, và nhứt là còn hơn đem tiền cung cấp cho đám bạn không phải bạn, tình không phải tình.

Tuy đóng cửa nằm hầm trong nhà, sắm soi từ cuốn sách, chỉ thú như vậy mà cũng tránh không khỏi cái số bạn lừa, tình phụ. Đã chán lại còn thêm oán.

Đã không ưa sự dùng thói võ phu, tụng đình cũng không phải chốn nên lui tới, nếu cùng trí làm liều thì thân thêm tù tội, ích gì ? Thôi thì :

« Buồn riêng biết tỏ cùng ai,

« Cẩn rắng nuốt giận, nghiêng tai lắng hờn.

(Câu hát bội xưa, phải hát cho thấy : nuốt giận, lắng hờn).

Từ đó, tôi mới an ủi tôi bằng thú chơi cổ ngoạn, bạn cùng đồ sứ đồ sành. May ra sắm được món tốt, đồ xưa thật xưa, thì đó là thang thuốc cứu mạng, tăng tiu hơn ngọc vàng, không may tốn tiền mua lầm đồ giả mạo, thì như đã gặp thằng bạn đều, cô bạn hư, — thì tôi đã có cách :

Trong tiếng Pháp, trước cảnh ngộ gặp tên bạn xấu, họ có câu nhủ : « laissez-le tomber ! » (bỏ rơi nó quách là xong), nhưng « tomber » dịch là « bỏ rơi », đây chưa bằng bụng, vì sau khi mình bỏ rơi rớt nó, mình vẫn đi bộ còn thẳng chó má chễm chệ lên xe xuống ngựa, sao cho bằng, ngộ cảnh làm vậy, và nếu bạn kia là món đồ sành giả hiệu tôi vừa nói trên, khi mình buông tay, nó rớt ra trăm ngàn mảnh : khoái ở chỗ đó, nên tôi mới trở nên tên chơi đồ xưa lậm. Và như vậy mới là « laisser tomber ».

Đọc bài trước, thấy thơ Phò mã Trị tiếc thân miêng sành, đọc bài này thấy một tên già hèn hạ không dám thẳng tay với bạn xấu, nam lẫn nữ, — bị quyết và nghệ thuật chơi cổ ngoạn, tôi xin đề cho bạn tìm lấy.

Trong khi mua được một thú tiêu khiển thanh cao, phải biết phân biệt giả chơn, phải trau giồi tiếng mẹ, phải luyện tập văn chương, phải tra tìm sách vở cổ kim. Không phải ỷ tiền mua sắm lung tung, mua chất đồng trong nhà mà mù mịt không biết chi chi, lầm lẫn Thanh Hóa, và Thành Hóa, lộn Tần (Ts'in) và Tấn (Ts'in), nếu chưa học chơi thì không đáng trách và còn tha thứ được, bằng không vậy cũng nên giải nghệ, để tiền dùng qua việc khác, hữu ích hơn.

(Trích vài chỗ trong « HƠN NỮA ĐỜI HU », sẽ đăng trong tập 7 của bộ *Hiếu cô đặc san* này).

3. — Nước Việt Nam yêu quý

Địa dư.— Giữa Ấn độ và Trung hoa, có một bán đảo hình chữ S, vị trí thuộc vùng Đông Nam Á : ấy là bán đảo Ấn độ — Chi na, gạch nối liên quan trọng giữa hai khối khổng lồ Hoa Ấn.

Trên bán đảo, có nước Việt Nam : về mặt đất, giáp ranh ba nước bạn Miến Lào Miên ; về mặt biển, ăn bọc ven Nam hải suốt từ Nam quan chi mũi Cà Mau.

Non sông gấm vóc, lãnh thổ Việt đã được ví như một đôn gánh diệu hoằng không bao giờ gãy, tương trưng bởi dãy Hoàng sơn kỳ tú của miền Trung Việt, hai đầu gánh treo hai giỏ : trên miền Bắc Việt, một giỏ nào mẽ cốc, nào khoáng vật, nào than đá miền hạ lưu trù mật Hồng hà và vùng Hạ long, một trong những kỳ quan trên thế giới ; một giỏ thứ hai tương trưng bằng miền Nam Việt, nổi danh nhờ lúa gạo vùng phù sa Mỹ-công và cao su vùng đất đỏ trên cao nguyên sông Đồng Nai.

Từ 1954, hiệp ước Genève đã làm chệnh lệch chiếc đôn gánh lịch sử rất nên thơ này, và ước ao một ngày gần đây, khối quốc gia thâu hồi được trọn gánh san hà Bắc Trung Nam, để làm một nước Việt Nam yêu quý thống nhất.

Từ ngàn xưa, việc chia xẻ như vậy vẫn thường có, và lần nào hết thời loạn lạc, nước Việt vẫn tái sinh trong cảnh tro tàn, như con chim phénix sống lại trong thần thoại.

Đã có trên mặt địa cầu từ năm 2879 trước kỷ nguyên

với quốc hiệu là Văn Lang, rồi kế lần lượt đổi tên Âu lạc, Trưng quận, Giao chỉ, Cửu châu, Nhật nam, Giao châu, An nam, Đại cồ Việt, Đại Việt, Đại Nam, nhưng rốt lại, từ ngày phục hồi độc lập, quốc hiệu xưng là Việt Nam vĩnh viễn.

Theo chữ Hán, VIỆT có nghĩa là vượt qua, là phát dương lên, là nhảy tới trước. *Việt Nam quốc*, tức là một nước còn nhiều tiền đồ về sau vậy.

Lịch sử.— Từ thời kỳ « Bắc thuộc » đến nay, trên dưới hai ngàn năm, người Việt phải người Tàu cai trị trước sau hơn mười thế kỷ : những sự dày lưu giết chóc, nhiều như cơm bữa, thế mà dân Việt vẫn giữ nền tự chủ không mất và bao nhiêu đặc tính giống nòi không quên. Gần đây, ách nô lệ bị chõng thêm hơn tám chục năm dưới gót sắt của thực dân Pháp, tuy vậy luôn luôn có cuộc nổi dậy của những Đê Thám, Nguyễn Thái Học, để mãi mãi không để yên quân đi cướp đất người. Lẽ cố nhiên phải là một nước không hèn, mới giữ vững tinh thần yêu chuộng tự do đến trình độ cao như thế.

Kề các đoạn chống xâm lăng thì : đời Hán, có hai bà Trưng đương đầu cùng Mã Viện (39-43 s.T.L.) ; năm 248 bà Triệu đánh giặc Ngô ; rồi nào cuộc nổi dậy Lý Bôn, Mai Hắc Đế, Khúc Thừa Dũ, thay nhau quyết không để người Tàu yên trị ; năm 939 Ngô Quyền đánh lui quân Tống, nhưng đến năm 968 Đinh Bộ Lĩnh mới dẹp mười hai sứ quân gồm về một mối. Rồi nhà Đinh (968-980), Tiền Lê (981-1009), Lý (1010-1225), Trần (1225-1413), Hậu Lê (1428-1789), Tây Sơn (1787-1802), Nguyễn (1802-1862), đó là những triều đại độc lập, có công trong sự thống nhất và mở mang xứ sở.

Trong khoảng ấy, người Trung hoa vẫn cố tâm muốn nuốt nước Việt nhưng đều bị chặn đứng, Lý Thường Kiệt

đời Lý đã từng đem binh phạt Tống. Bài thơ « Nam quốc sơn hà Nam đế cư » vẫn còn ghi trong sử sách đời.

Thậm chí năm 1285, con vua Hốt Tất Liệt nhà Nguyên, là tướng dữ, kéo binh qua Việt Nam cũng bị chặn lại và năm 1287 Nguyên Mông cố kéo binh phục thù, ông Trần Quốc Tuấn đánh lui đem lại một vinh quang lớn cho nước Việt, vì cùng một lúc quân Mông cố đã gieo sự khùng khiếp bên trời Âu, đến nỗi có câu : « giặc Mông cố đến đâu, cỏ không mọc, trẻ con không dám khóc ».

Năm 1418-1427, vua Lê Lợi cả thắng quân Minh, tức vị xưng nước Độc lập.

Qua năm 1789, Bắc Bình Vương Nguyễn Huệ đại phá binh Thanh trong một kỳ công bất hủ.

Đến lượt chúa Nguyễn Ánh thống nhất sơn hà, và để hiệu Gia Long là tượng trưng cho sự gồm về một mối ấy. Sử chép lúc đi cầu phong, sứ Nguyễn bị triều đình Mãn Thanh vắn tội, trách rằng để hiệu GIA LONG lấy chữ CÁN LONG (lấy chữ LONG) và để hiệu GIA KHÁNH (lấy chữ GIA), như thế là phạm thượng. Chánh sứ nhà Nguyễn là ông Trịnh Hoài Đức, tâu khéo rằng khi lựa hai chữ hiệu vua mới, vẫn không chút nào có ý khi quân, duy nơi xứ của thần là Nam Việt, « Bắc hữu Thăng Long, Nam hữu Gia Định, nay qui nhất thống, muốn tỏ sự hiệp nhất sơn hà từ đây bằng cách nối liền hai kinh làm một ». Triều Thanh nghe thuận tai nên mới sai Tề Bồ Sâm làm sứ đem sắc phong qua, và ông Trịnh Hoài Đức đem về bộ chén trà « Giáp tý niên chế » là cũng để kỷ niệm năm đi sứ năm 1804 ấy (sẽ có bài rành rẽ trong tập Hiếu cổ đặc san số 6 sau này).

Mặc dầu Mã Viện, Sĩ Nhiếp, Cao Biền, có lòng đem văn hóa Trung hoa chụp lên đầu dân Việt, nhưng tự trung dân Việt vẫn một mặt biết hấp thụ phần lớn và phần tinh hoa

của nền văn minh người đi chinh phục, một mặt vẫn dung hòa và bảo tồn phần nào cái hay và cái tinh túy của giống nòi, khiến hai văn minh của Tàu và của ta, viết song song trên nền đất Việt, vẫn độc được và không chổng chất lên nhau chút nào.

Từ xưa, Việt Nam đã có một Lý Ông Trọng sang làm tướng cho Tần Thủy Hoàng (246-210 tr.T.L.), triều Hán, có một Lý Cầm sang làm thái thú Kim Thành, triều Đường, có một Khương Công Phụ qua làm quan bên Trung quốc.

Gần đây, có thiều chi ông nghề, ông thạc sĩ đậu bằng bên Pháp, mà cũng có lắm ông kỹ sư bác sĩ xuất thân từ các trường đại học Âu Mỹ, nói và viết rành rọt tiếng ngoài quốc, cũng như họ; thế mà đáng cười nhất là con cháu thì như thế, trái lại tiên tổ ta xưa, học chữ Hán, Tàu nói *Thin*, ta đọc là Thiên, Tàu nói *Tỳ*, ta đọc là Địa, ấy chẳng qua là cố tình giữ giọng nhà, một cách dễ kháng trường kỳ của một chủng tộc, dầu nước mất, mà không để cho mất giọng nói và tiếng quốc hồn.

Nhắc đến cuộc Nam tiến vẻ vang không ngừng của dân Việt, thì đây là một bảng đại lược của những năm đáng ghi nhớ :

- năm 939, tổ tiên chúng ta còn ở vùng Thanh Hóa, lấy sông Gianh làm ranh giới ;
- năm 1069, đã xuống tới Quảng Bình, Quảng Trị ;
- năm 1307, Vua Trần gả công chúa Huyền Trân cho vua Chăm, đổi hai châu Ô Lý, nay là Thừa Thiên ;
- năm 1471, tới Qui nhơn,
- năm 1611, tới Phú yên,
- năm 1653, tới Nha trang,
- năm 1697, tới Phan thiết,
- năm 1698, tới Sài Gòn,

— năm 1780, ông Mạc Thiên Tứ dâng đất từ Hà tiên đến Cà mau cho chúa Nguyễn.

Và bắt đầu từ thế kỷ XIX, Đông và Tây gặp nhau.

Dán tộc.— Đọc suốt các pho sử Việt được biết, mới thấy quả ông cha ta làm một cuộc di dân vĩ đại và trường kỳ, kéo dài mấy ngàn năm, mãi đến ngày nay chưa dứt.

Theo một thuyết, thì người Việt do miền núi Tây tạng kéo xuống, lần theo dọc sông Hồng (Hồng hà), lập ra nước Việt.

Một thuyết nữa cho rằng xưa bên Tàu có giống Tam Miêu, vì bị giống Hán tộc từ trên đê xuống, đuổi giống Tam Miêu dần dần phải bỏ chỗ ở cố cựu lánh xuống miền dưới của nước Tàu. Giống Tam Miêu phải lần núp vào rừng núi và xuống lập quốc ở miền Việt Nam bây giờ. Nhưng lấy một bằng cứ hiển nhiên : người cổ Việt Nam có tật là hai ngón chân cái giao nhau (vì đó mà người Tàu gọi dân ta là giống Giao chỉ), trái lại giống Tam Miêu không có cái tật ấy (nghĩa là không có ngón chân cái giao nhau), như vậy đủ chứng tỏ dân Việt và dân Tam Miêu không cùng một giống với nhau rồi.

Những ý kiến này cũng dựa theo lý mà suy, chớ vẫn chưa có gì đích xác.

Còn một thuyết khác nữa, thuyết thứ ba, thì định rằng người Việt, nguồn gốc do một chi nhánh của nhóm Bách Việt bên Trung hoa, phát sanh từ Ngũ Lĩnh (tỉnh Hồ nam bây giờ) bị sức dồn ép quá mạnh của dân Hán tộc, mà phải dọn đường xuống Nam, giành mành sống với các thổ dân khác, gồm những sắc thuộc giống Ấn độ Mã lai, hoặc Chăm, hoặc Chân Lạp, v.v...

Dựa theo các thuyết kể trên, thì nhận thấy mỗi thuyết, tuy có khác, nhưng đại ý đáng nhớ, là dân Việt, không

cần biết từ đầu đến, vẫn là một dân tộc có một tiếng nói và nhiều tập tục riêng biệt.

Nếu người Trung hoa hãnh diện tự xưng là con cháu vua Thần Nông, Huỳnh Đế, thì dân Việt cũng đã tự xưng là dòng dõi vua Đế Minh, tức là cháu ba đời vua Thần Nông. Thuyết này chứng minh : « đó mười, ta chín có dư », vẫn không thua vầy.

Vốn dòng da vàng, con mắt đen hơi xếch về đằng dưới, nhưng trải mấy ngàn năm chung lộn với dân bản thổ khác, máu giống Việt đã pha lộn đi nhiều.

Trước kia, đàn ông để tóc dài, nên về sau mới có việc bện di thần triều Minh không chịu sống cùng triều Thanh « gióc bím để đuôi sam », nên qua xin nhập theo dân Việt Nam. Trong Chợ lớn nay còn di tích một ngôi chùa do con cháu nhà Minh tạo lập, đó là chùa Minh Hương Gia Thạnh, đường Đồng Khánh.

Người đàn bà Việt, mặc dầu nước bị đô hộ, vẫn giữ được tập tục riêng của mình. Tỷ như người Tàu tục bó chân có từ đời Đường và có lẽ còn xa hơn nữa, thế mà trước sau không có người đàn bà Việt nào bó cẳng cả, trừ phi nhóm vong bản lấy chồng Ngô.

Tàu có câu : « Kim liên bộ bộ » để khoe chân đàn bà của họ xinh xắn nhỏ và đẹp như đóa sen vàng.

Ta đã có câu : « Còn cha gót đỏ như son, Một mai cha chết gót con như bùn » : câu hát ấy là câu hát gượng, ép đàn bà trong khuôn khổ chữ « hiếu » và hiểu chặt hẹp theo đạo Khổng Mạnh.

Đã có câu chửi lại : « Còn cha gót đỏ như son, Một mai cha chết, GÓT CÒN NHƯ XƯA » chút ấy đủ tượng trưng tinh thần cứng cỏi của giống Việt bất khuất.

Người Tàu lấy sự bó ngực nịt vú làm đẹp... Người

Việt tuy có theo « mốt » này nhưng không triệt để thi hành, và từ lâu đã bỏ tục xấu ấy vì có hại cho sức khỏe.

Ngoài tánh nóng nổi nhẹ dạ, hay tin ma quỷ, thích sự lễ bái, người Việt lại được là không nhiệt tín đối với tôn giáo nào cả. Trong nước, mặc dầu có nhiều đạo phái, mạnh ai nấy tôn sùng, không câu thúc mà cũng không khuyến dụ. Gần đây có ngót một triệu người lánh vòng cộng sản, xuống Miền Nam tìm tự do. Đó là một gương lịch sử chứng tỏ sự di dân đã có bất cứ đời nào và mình xác tinh thần không thích làm nô lệ của một giống dân đã hấp thụ một văn minh rõ rệt, biết tôn trọng sự độc lập về tinh thần và không muốn làm vật thí nghiệm cho một chế độ ngoại lai áp bức.

Chánh trị. — Về chánh trị, người Việt đã có một chánh trị riêng biệt, có lẽ từ xưa lắm thì thuộc về chế độ mẫu quyền nên mới còn gương hai bà Trưng và bà Triệu cầm binh ra trận thế cho đàn ông, nhưng về sau, từ khi văn minh Trung quốc tràn sang thì theo về chế độ phụ quyền. Nhưng vậy, trong luật lệ cổ kim, từ luật Hồng Đức chí luật Gia Long, người đàn bà Việt vẫn giữ một địa vị lớn trong gia tộc, đối với con cái, sau khi người gia trưởng mãn phần. Thuyết Khổng Mạnh « phu tử, tòng tử » không được áp dụng triệt để trong xứ như bên Trung quốc, và bà mẹ Việt nếu giàu có, nắm vững tiền bạc trong tay, vẫn điều khiển gia đình của chồng theo ý mình, không như trong xã hội Trung hoa, người đàn bà thường bị xem khinh, như con vật, như bộ máy sinh đẻ hơn là một người có quyền thế với chồng con. Ấy là một tỷ dụ nhỏ nhỏ lựa trong gia đình. Ngoài ra đối với nước nhà, người dân trong nước vẫn được nể trọng. Bằng chứng là trong hội nghị Diên Hồng, đời Trần (1284), trước họa xâm lăng của giặc Nguyên, thì vua cho mời các bô lão trong nước tới hội họp để thăm dò ý kiến như tình thân thích một nhà.

Tinh thần trọng dân, xem dân dường con một cha, biết vì dân, quý dân như thế ấy, cái chế độ có vua có quan có dân mới là một nước ấy, đã ngấm ngấm từ buổi đó và đây tức là bước đầu tiên của tinh thần dân chủ ngày nay.

Chánh trị có công bằng, dân mới hưởng ứng theo và nước mới có cơ hồ mạnh : bằng có là tinh thần trọng dân vẫn có ghi trong luật pháp ; ví dụ có luật cấm quan địa phương không được thụ nhiệm tại nguyên quán và phải nhiệm xa tỉnh nhà hơn ít nữa là năm trăm dặm, ấy là để phòng ngừa họa thân thích cậy thế thân rồi hà hiếp dân có ; lại có luật cấm quan ngồi châu dân không được cưới vợ mua hầu trong quận huyện mình cai trị vì sợ gia đình bên thê thiếp những nhiều lương dân ; cũng có luật cấm quan lại không cho mua sắm ruộng đất trong địa hạt mình coi sóc, vì sợ quan ham lợi, thừa quyền thế ép dân bán rẻ ; lại có luật cấm quan không được tự đi lại với dân bà trong hạt để tránh sự bức hiếp ; và cũng có luật cấm quan lưu quan không được năng lui tới cửa công vì sợ cầu cạnh, v. v. . .

Một điều đặc sắc nữa là người Việt, tuy có tánh tôn trọng triều đình, nhưng vẫn thích sống tự do lấy mình, và ham gần gũi xã thôn, núp sau lũy tre xanh. Mọi sự lấy trật tự làm căn bản : nước hỏi làng, làng hỏi dò ý kiến của dân, còn riêng về công chuyện trong hương thôn thì để tự ý thu xếp, nhà nước không can thiệp. Có câu « phép vua thua lệ làng » và trong câu « làng nước » rõ ràng chữ *làng* trên chữ *nước*, tỏ ra hai đoàn thể ấy có phép tắc phân minh.

Khi nào vua và dân một lòng thì được bình trị : hai bà Trưng, bà Triệu, Lý Thường Kiệt, Hưng Đạo Vương, Lê Lợi, Nguyễn Huệ, đều đồng vua đồng dân hưởng ứng bắt tay mới gây dựng nổi cơ đồ đại sự. Vả lại, vua tuy có quyền tuyệt đối, nhưng mỗi khi có việc quan trọng vẫn

biết chất vấn lòng dân. Hội nghị Diên Hồng nhắc lại một gương sáng của một nước có kỷ luật tôn ty đoàn thể.

Thêm nữa, chánh trị có *chỗ khéo*, tức là biết nâng cao tinh thần ái quốc. Như vậy cho nên khi nước nhà yên ổn thì không kể, đến khi có loạn ly, thì tục lệ đã sẵn, người giàu xuất của, dân đình tráng thi thân, chống đánh cho đến kỳ cùng. Rủi có chết thì nhà vua đã dạy lập đền thờ và phong thần phong ấp, vì vậy mà dân không biết sợ chết. Câu « sanh vi tướng, tử vi thần » đã giúp dân Việt lấy sức yếu chống nổi giặc dữ từ Hưng Đạo Vương qua Bắc Bình Vương, chí Cao Hoàng Nguyễn Anh. Bình nhứt người Việt không hiểu chiến, nhưng khi lâm trận, vẫn biết liều mình.

Chánh trị cũng *lắm cái khôn*, đã biết đem một công chúa Huyền Trân đổi hai châu Ô Lý. Đó là một chánh sách khéo đã biết áp dụng từ thế kỷ XIV. Nước Việt lại biết dùng phương pháp hòa bình mở rộng biên cương bằng cách đặt dân binh tản cư Minh vào đất Cao Miên, một là vừa để tránh xa một bọn giặc ít tôn trọng trật tự, hai là vừa ngấm ngấm mượn tay khác chinh phục một vùng hoang vu có tiếng là rất phì nhiêu.

Kinh tế.— Về mặt kinh tế, dân Việt ở trong xã hội canh nông, nên vẫn lấy sự trồng trúa làm căn bản. Trong nước thì chuyên làm ruộng, trồng dâu, nuôi tằm, có khác điều này với dân Hán tộc, là tuy cũng phát nguyên trong xã hội canh nông, nhưng nước Tàu về sau đã bị dân du mục Hung nô từ miền Bắc tràn vào lãnh thổ và lai giống đi. Lại nữa, người Việt khi chiến là binh sĩ, thời bình là quân đồn điền, cùng chung hiệp sức với dân, cùng làm, cùng ăn, đến khi quốc gia lâm nguy, lại biết nhứt tề đứng lên chống giặc. Gương Nguyễn Công Trứ khẩn đất hoang Tiền hải Kim sơn, biết ngăn đập đắp đê giành với biển để

biến thành ruộng tốt làm giàu cho dân là một sáng kiến tân kỳ. Người Việt lại biết trị thủy từ xưa : những con đê dọc Hồng Hà, và con kinh đào Vĩnh tế trong Nam, là những kỳ công không kém sút trí khôn nước khác.

Về sưu thuế, thì trong nước có lệ vua bỏ thuế cho mỗi làng một số nhứt định để làng tùy theo số dân trong xã, chia nhau đóng góp. Nhưng từ giữa thế kỷ XIX, chánh sách « bẻ quan tỏa cảng », đóng cửa không chịu giao thiệp với nước ngoài đã khiến vì đó sự mở mang dân trí phải chậm lại một thời gian. Ấy cũng là một điều đáng tiếc. *Văn hóa.* — Người Việt có một văn hóa riêng biệt. Tự ngàn xưa, có tục xăm mình, bởi chuyên nghề lặn lội dưới nước nên cố làm như vậy cho loài thủy quái tưởng là đồng loại mà không làm hại. Lại có tục nhuộm răng, tục ăn trầu.

Chữ Việt xưa, chưa ai từng thấy ra sao, duy có sách ghi tục « bẻ cò đề đếm » có lẽ đã có từ lâu đời lắm. Trong nước đã dùng chữ Hán rồi đến chữ nôm. Sau này được chữ quốc ngữ xếp theo mẫu tự la tinh, vừa dễ học, mau biết và rất gọn.

Đặc tính lớn của nền văn hóa nông nghiệp, xã hội canh nông này, *gia tộc* làm căn bản. Từ thời đại phong kiến lớp thượng cổ qua thời đại Bắc thuộc, đến thời đại độc lập, gia tộc luôn luôn là hản vị căn gốc của xã hội. Trong nhà lớn nhỏ đều tôn trọng người gia trưởng, tôn thờ chữ HIẾU. Nhiều gia tộc gộp lại làm một xóm, từ nhiều xóm thành làng, lên trên hết là nước, tôn một ông vua làm lớn, thờ vua cố được chữ TRUNG, và Trung Hiếu là nền tảng của nước Việt Nam. Tiếc thay lớp trước không biết tách quyền lợi vua riêng ra với quyền lợi quốc gia và nhiều khi cũng vì quá câu nệ chữ Trung, đến nỗi gặp ông vua hôn muội cũng khur khur một lòng thờ, thậm chí trong nước có loạn ly không biết lo, mắng cấu xé ai vì

chúa nấy mà không sáng suốt tìm hiểu chữ quốc gia là trên hết, còn quyền vua quyền chúa vẫn là phụ thuộc đứng sau.

Một ưu điểm khác : bắt đầu từ đời Lý, năm 1075, nước Việt Nam đã biết đặt chế độ khoa cử để kén chọn nhơn tài, bỏ ra làm quan : trong hàng bình dân, không luận giàu nghèo, miễn học giỏi, thi đỗ là được trọng dụng.

Ngoài ra còn hai phương pháp sáng suốt nữa là phép *tiền cử* và phép *bảo cử* để lựa lọc tuyển những người hữu tài nhưng kém phước, học thì cao mà thi không đỗ. Những người ấy, các quan địa phương phải đề cử đề vua chọn lựa mà dùng. Nhưng để tránh sự lạm dụng, nên có lệ nếu đề cử sai lầm thì các quan phải chịu trách nhiệm.

Một đặc điểm khác nữa là biết tụ tập thành đoàn thể. Phàm người đồng một nghề, đồng thờ một tổ sư thì chung lại ở một xóm, một con đường (Hà nội ba mươi sáu phố phường...)

Chủ nghĩa gia tộc mạnh cho đến kể về dòng họ, người đồng tánh vẫn được kính trọng, lấy tình cảm đề trên tiền tài, và gương một nhà vừa đủ ăn dấm nuôi con cháu nghèo khổ đầy nhà đủ chứng tỏ người Việt rất giàu lòng đoàn kết. « Khó chia nhau mới phải, giàu tư trợ ai mắng » là câu thường được áp dụng trong dân gian. Lại nữa tục xưng hô phân biệt, tiếng gọi chia ra nào bác, chú, giương, nào thím, cô, dì, vừa lạ tai nhà ngôn ngữ học, vừa chứng minh ngăn nắp trật tự trong gia đình.

Ngoài đó ra, chữ Tín được đề cao đến nỗi trong vòng mua bán với nhau, lấy lời hứa làm chắc, và phong tục làm giấy tờ và coi chữ ký tên làm trọng chỉ là một tục lệ mới đây có từ ngoại bang đem vào.

Trong nước đã từng sản xuất nào gương bà Trưng bà Triệu, bà Đoàn thị Điểm, lại có nhà viết sử như Lê Văn Hưu, Ngô Sĩ Liên, có nhà chiến lược như Trần Quốc

Tuấn, Nguyễn Huệ, có nhà chánh trị như Nguyễn Trãi, Đào Duy Từ, có nhà khảo cứu như Lê Quý Đôn, có nhà trị bệnh như Hải Thượng Lãn Ông, có nhà văn như Nguyễn Du, và nhà ái quốc như Nguyễn Thái Học, ngành nào môn nấy vẫn có người đại diện không hở, một nước như vậy tất phải có một trình độ văn hóa khả quan đến bậc nào.

Xã hội.— Xã hội chia ra trước hết là gia đình, trong đó người cha là lớn và có nhiều quyền trong một nhà đối với cháu con. Nhiều gia đình hợp lại làm một làng, nhiều làng lập thành một quốc gia. Xã hội ấy, một nhà văn đã tượng trưng hí hĩnh rằng đó là con « rồng giấy », ngò đầu trong buổi hội hè vào đêm tối, ai kia đừng khinh con rồng giấy ấy là cốt tre giấy bạch mỏng phất ngoài mà làm, vì một khi đèn khêu lên, người ta đưa nó lặn theo bờ mầu đi biểu diễn trong làng, rập rình theo nhạc kìa trống đánh, trông xa uốn khúc, nó sẽ linh động và biến hóa thần thông nào thua chi rồng sống (nếu loại rồng có thật!) Con rồng giấy ấy bị văn hóa Tàu ảnh hưởng rất nhiều, nhưng nó vẫn sống mãi trong hồn thơ người Việt. Không bị Trung-hoa-hóa, cũng không bị pha-lang-sa-hóa, nó đã trưởng thành với thời gian, cũng như nó không bị ngày nay Hoa-kỳ-hóa.

Như trên đã nói, người Việt lấy nông nghiệp làm căn bản, nên về lâu con dân thích ở một chỗ lâu đời, ít ưa sự châu lưu di chuyển, chuộng nhất là sự sống thanh thoi trong hòa bình để « an cư lạc nghiệp ».

Sở dĩ người Việt đánh nhau dằng dai mấy đời với Tàu cũng như sau này trường kỳ chống thực dân Pháp, là vì không chịu được sự áp chế và cũng là vì tự vệ, chớ kỳ thật không ham thích chiến tranh chút nào. Nhưng lần nào cũng y một cách, bài học lịch sử dạy rằng đánh thắng được rồi thì phải sai sứ đi cầu hòa, cốt chuộc sự yên ổn để làm ăn là quý. Vì quân Tàu đông gấp mấy trăm lần, dễ gì

thủ thắng với họ được mãi? Thà rằng Bắc hòa để rồi rảnh lo việc Nam tiến. Đến như sự lấn Chiêm thành, thâu đất Lục tỉnh, âu cũng là một sự chẳng đáng dừng của lịch sử. Phạm một nước đông dân, sự bành trướng theo đà nảy nở của giống nòi để nuôi mầm sống và nguyên lực của dòng dõi chẳng qua cũng là một sự dĩ nhiên.

Đời Lý, đời Trần, khi hết giặc là thả voi ngựa về rừng và cho binh lính lui về làng xưa cấy ruộng¹.

Vua Lê Lợi dẹp xong giặc Minh, giải tán quân đội, biến lưới gươm thành lưới cày.

Chánh sách thành lập đồn điền đã có từ đời Lê, đời Nguyễn.

Tinh thần.— Những khi bị thôn tính, để tránh sự khủng bố của người đi chinh phục, tự ngàn xưa người dân Việt đã tưng vào rừng sâu mà ở, thà sống chung với thú dữ muỗi và đĩa, chớ không khứng làm tội mọi kẻ đi cướp đất của người. « Thà làm quỷ nước Nam hơn làm vương đất Bắc (Tàu) », với câu nói ấy, Trần Bình Trọng đã lột hết nỗi lòng người dân Việt. Quả là một lời nói lịch sử. Lại nữa, cái thuyết ban ngày ăn núp, đêm đêm ra chụp giết quân đi chinh phục vẫn có từ lâu đời. Thậm chí tuy dân bà cũng một lòng yêu nước và gương nàng á đào sấm tui may kín tiếng rằng để tránh muỗi, rồi gạt quân sĩ Tàu đêm đêm chun vô để khi ngủ mê nàng thả trôi sông, nếu có thát, thì đây là một gương ái quốc lạ đời.

Phải có trình độ văn hóa rất cao, phải có tinh thần

1. Trên một tờ xưa, ta hãy đọc bài ngũ ngôn sau này, bản dịch đối chiếu :

Kim giáp hùng quân thế
Ngân yên diệu nhưt quang
Minh quân hưu võ sự
Quý phùng Hoa sơn dương.

*Giáp vàng quân thế mạnh
Yên bạc chói sáng choang
Vua minh nghỉ việc võ
Cho về Hoa sơn dương.*

(Tô 213, Bát mã)

manh mẽ lắm lắm mới giữ vững được những đặc tính về sau. Có khi công khai như Ngô Quyền, Lê Lợi, Nguyễn Huệ, có khi bí mật như Đê Thám, Phan Bội Châu, Nguyễn Thái Học, vừa bền chí vừa dẻo dai, và cuộc đê kháng luôn luôn tiếp tục.

Cái kỳ công đi đến kết quả như hôm nay, thật phải nhờ những nguyên nhân xa xôi kia, hàng ngàn năm biết giữ một tinh thần bất khuất.

Tinh thần phản ứng trong tiếng nói thống nhứt từ Bắc chí Nam, tuy mỗi nơi có vài tiếng đỗi thay, nhưng đại để nói ra là hiểu được, không cách biệt như trót trảm trót ngàn thổ âm mười tám tỉnh Trung hoa.

Kết luận.— Vì vị trí đặc biệt là đứng giữa hai khối lớn Ấn Hoa, ở trên con đường văn minh nhà Phật (Ấn độ), văn minh Lão Trang, Khổng Mạnh (Trung hoa), cũng ở trên con đường của dân Âu đi tìm hương liệu, tìm tơ lụa, tìm thuộc địa, tìm vàng ngọc, đứng giữa các con đường ấy, nên nước Việt Nam đã hấp thụ đủ các tinh túy của ba văn minh và văn hóa Ấn Hoa Âu.

Người Việt biết dung hòa đạo bác ái của Phật giáo, lòng từ thiện của đạo Da tô, lại lấy sức huyền bí của Hồi giáo dung hòa cùng triết lý thâm trầm Khổng Mạnh và đạo lý cao siêu của Lão Trang, để làm cho tinh thần dân Việt đức kết thêm mạnh, có sức dẻo đủ chống ngăn và đánh đổ các gông cùm xiềng xích. Không có nước nào khác có con dân biết dung dưỡng nhau như nước Việt, — trong vấn đề tín ngưỡng và dấu rằng trên lãnh thổ chia ra nhiều giáo phái, nhưng tùy cá nhân và tùy mỗi người mỗi cách hiểu biết khác biệt, nhưng chung qui đều ở chung trong vòng từ bi, bác ái, đạo đức mà thôi.

Sau mấy ngàn năm bành trướng, cuộc Nam tiến của dân Việt tự trung là đem lưỡi cày sắt của giống nông dân

truyền bá khắp vùng duyên hải chữ S của bán đảo Ấn độ — Chi na và gieo rắc các loại lúa và cây dâu tằm ăn từ trung châu Hồng hà đến miền đồng bằng Mỹ Công và Đồng Nai.

Người dân đã từng theo Lê Lợi kháng chiến mười năm chống giặc Minh (1418-1428), theo Nguyễn Huệ đánh cho quân Mãn Thanh biết mặt (1788), theo Phan Đình Phùng chống cự thực dân (1888-1895), rồi theo Đê Thám (1899-1913) theo cuộc khởi nghĩa Thái nguyên năm 1917 và theo Nguyễn Thái Học (1927-1931).

Nhưng vậy, hễ đến thời bình thì tay cày tay cấy, không ai lam lụ làm ăn chất phác hơn.

Tương truyền tại gò Nghĩa Cương, núi Tản Viên, nơi đền thờ Hùng Vương, ngọn lửa thiêng tượng trưng cho cuộc Nam tiến vẫn không tắt, không bao giờ tắt.

Một nhà học giả yếm thế, tiếc hối than rằng: « một văn minh cũ kỹ như vậy, trong ấy thường dạy lấy phận sự làm trọng: phận sự bề tôi đối với vua, phận sự bề con đối với cha mẹ, phận sự của vợ đối với chồng, đến khi gặp ảnh hưởng Âu hóa tràn sang, luật lệ phiền phức nhập cảng, « *lắm luật quật chết phận sự* », cho nên thiếu chi tôi phản nước, con kiện cha, vợ tranh tụng với chồng, các tệ đoan ấy nay nhiều hơn xưa, âu cũng là những món hàng nhập cảng mới của đà tiến bộ. » Ông nói bởi câu tiếng Pháp « *Voilà la rançon de la civilisation !* » Tôi xin dịch thoát: Đó là đại giá hay là đỏi bại quả báo của văn minh cũng thế. Và tôi cũng xin trả lời: Thiết tưởng nhà học giả quá bi quan và quên rằng, tạo hóa có tuần hoàn, thay đổi, có sự sanh sản nào lại không đau, và phải có nhiều đau đớn khổ lụy, nhiều gấn bó, nhiều hao hót, mới thành công; sau cơn liệt bại, nước Việt ta mới chỗi dậy mạnh mẽ đi lần vào con đường sống mới.

(Trong bài, khoảng sử từ 1945 đến nay, còn mời quá, tôi không viết).
Tháng 11 năm 1955 — tháng 9 năm 1970.

4. — Chuyện con voi già trong Sở thú

Cách nay trên dưới ba mươi năm, khoảng đầu trận đệ nhị thế chiến (1939), trong Sở thú, có một con voi già rất lớn, lớn hơn mấy con voi cỏ ngày nay nhiều. Con voi này, nhiều người cố cựu ở Sài Gòn, trang lứa với tôi, từng biết.

Thuở ấy, nuôi ông ta là để các Tây con, ngày chúa nhật và ngày nghỉ, lễ có chỗ tụ hội, thảng cho voi ăn mía, thảng đút chuối voi ăn. Trong khi ấy, các chị bồi, chị vú giữ con Tây, tha hồ nói hành nói tỏi, trao tâm tình, hóng gió cho khỏe, ăn hàng bánh, tìm bạn tri âm. Cái chuồng voi này cũng ở vị trí ngày nay, nhưng kịch cộm lắm, xây toàn bằng sắt bằng thật lớn thật dày, voi không sao phá nổi, tuy vậy còn quá dè dặt, ngoài chuồng chung quanh có đào một mương lớn thả chông sắt to bằng chun cái nhọn lều bao bọc ba mặt, chừa một mặt có xây tường đá có nhà rộng cho voi đút mưa, chuồng này voi dầu giân dữ và mạnh cách mấy cũng không làm sao ra được. Tên nài giữ voi là một thợ đường rừng, hằng ngày nói chuyện với voi lú lo lú lừng, đố ai biết đó là tiếng thổ dân nào, duy biết và thấy voi hiểu tiếng nói như người, khi quì một chân trước chào cảm ơn khách cho xu, khi cúc cung quì đủ hai chân như lạy vì voi được đồng bạc cắc (0\$10) mới; khi khác ai đưa dứa xiêm nguyên trái, voi biết lấy vòi nắm đưa lỗ khoét sẵn cho nước dứa chảy vào mõm không rớt rơi một giọt nhỏ, ăn rồi còn biết lấy chân

trước đập nhẹ trái dừa bẻ hai ba rồi thò vòi đưa khéo xác dừa vào đống củi phơi khô cho anh nài đun nước nấu cơm; khi đưa mía nguyên cây vào miệng, khi dùng vòi lột chuối bỏ vỏ, thồn trái chuối nỡn nà còn khéo hơn bà già móm nhét miếng cau tươi vào giữa hai hàm răng sún, nhưt là những khi ông Tây chủ Sở thú đi nghỉ mát trên Đà Lạt, nài kiếm thêm tiền xúp, lên đưa con nit đồ lấm lói cho voi ngâm vào mồm, — làm phép đuổi tà, miệng voi rộng còn hơn miệng hỏa lò, thân hình đưa nhỏ mảnh khảnh như cây tăm xĩa, thế mà voi biết nâng đưa nhỏ ngâm hết rồi há miệng chờ nài bùng ra trả đưa bé khó nuôi cho người mẹ, không một chút hề hấn, trò chơi đuổi tà làm vậy, không biết tà ma có khiếp đảm chằng, duy thấy những người thị chứng, trong số có tôi, thấy đều nín thở. Quên nói, chuồng voi này xây khít mé rạch Thị Nghè, cạnh tường rào Sở Ba Sơn, nhưng mặt tiền ngó vô khu vườn Bách thảo.

Như tôi đã nói, con voi cao lớn hơn các voi thường thấy, xứng danh là Ông Bò. Nhật báo Tây thuở đặt tên voi là Tommy và Tommy rất được giới phụ nữ ngoại quốc hoan nghinh, bằng cứ là khi voi se da, sau này tôi sẽ nói, thì có rất nhiều bà sáng sáng tìm mua báo Pháp chỉ để đọc tin tức sức khỏe của Ông Bò. Cặp ngà dài và cong quót nhưng trầy trụa nhiều vì hăng va chạm vào mấy cây sắt chuồng, thêm nữa không hiểu vì sao cặp ngà lại bị cưa bằng đầu, làm mất oai nghi Bò Tượng tướng quân bộn bộn. Cái đầu to bằng mặt bàn tròn Bát tiên thì lấm chấm trổ đồi mồi, da chỗ đo đỏ chỗ thâm kim đen đen mốc mốc, xem chừng tuổi lão ngót trăm. Đây thật là loài voi bở, không phải thứ voi cỏ cóc ken của mấy trụ bán dầu cù là hay thuốc dán xúc ghê. Thân mình voi cao vòi vọi, trên ba thước Tây có dư, sầm sầm một đống. To lớn làm vậy mà cái đuôi như đuôi giả

ngộ, nhỏ cỡ đuôi bò, dài không quá một sải, quất đầu chẳng tới đầu, thêm lại lông mọc còi cọc le the mấy sợi, kiêu đuôi heo thịt, ngúc ngắc ngúc ngoặc buồn cười. Thấy đuôi voi mà mắc cỡ giùm cho thân hồ tượng, ông trời khéo giểu ban cho cây chổi cùn đuổi muỗi không xong. Nhưng muốn cười hãy cười cho no đi rồi khi dòm dưới háng voi sẽ mất cười, cái chi chi, thẳng quáng manh, thẳng nói với tôi « nó giống cây cột nhà sừng sừng. » Đó là mỗi khi ông voi rượn mù dầm, bình thường ông rút cất kỹ lưỡng, chỉ thấy lòng thông lên thân da nhăn xếp lại như ống vòi rồng đi chữa lửa về. Lưng voi thì khum khum giống như lưng tôm, trông thật xấu xí; lòng rưng nhiều chỗ, chỗ nào còn thì mốc đen dơ dơ, chỗ nào sạch lòng, mặc dầu da dày, để đỡ nắng, voi ta ngày ngày lấy lá cỏ non quăng lên đó cả đống xanh lè, lại tự đắc việc mình làm, y như các thiên kim tiểu thơ vừa được chiếc áo thiên thanh của mẹ tặng.

Vào khoảng năm 1943-1944 gì đó, tôi nhóm nhem tập viết lách và học nghề nghiên cứu. Lúc ấy tôi từng sự tại dinh Thống đốc Nam kỳ, chỗ dinh Gia Long ngày nay. Trong mở công văn « Mật » tôi có phận sự ghi chép, tôi được đọc một loạt thơ từ và phúc bẩm của lão Thú y Tây quản đốc vườn bách thú, tôi thấy chuyện này ngộ ngộ tôi sao chép lại một bản để dành đọc chơi. Kịp năm đảo chánh 1945-1946 đem lại một sự xáo trộn lớn trong đời tôi: vợ chồng phân ly tôi không tiếc, chỉ tiếc cho số phần chiếc nóp tôi kê kê trên vai. Lúc ấy có lệnh tản cư, tôi lia chợ Sóc trăng chạy vô sở ruộng nhà trong làng Hòa Tú, kể lại bị nạn Thổ dây, rượt chém, đúng là « cáp đường » như trên Nam Vang mấy tháng qua. Trong khi chạy giặc giữa rừng Bàng-Xa-Mo (Hòa Tú), bọn thổ dân nghi cho tôi đem theo trong mình nhiều bạc vàng, và định cho chiếc nóp tôi kê kê không rời một phút ấy, ắt là tử sắt

giấy « xăng » (100\$00), nên chúng đoạt phứt trong một đêm Tây bố lớn, sau đó họ thấy toàn là giấy má vô dụng, họ giận bèn đốt ráo mở tài liệu bút ký tôi dành dụm hơn nửa đời, báo hại ngày nay, muốn có bằng cứ để cho các bạn đọc chơi cũng không làm sao có được, đành nhờ bấy nhiêu viết bấy nhiêu, hứng thú vì đó mất đi nhiều, tiếc quá.

* * *

Gốc gác con voi già này là cả một thiên chuyện khá ly kỳ đời Pháp thuộc. Nguyên do là con voi Tây đoàn bắt được trong một vụ buôn á phiện lậu hồi đời ấy. Voi là voi của bọn tay buôn nhà nghề tứ chiếng, tập đi xuyên rừng núi khắp Xiêm Miên Lào Việt... cứ từ Bangkok tải thuốc lậu qua rừng Biên Hòa, nghỉ ngơi lấy sức lại rồi thì đổ đường trở lại suốt từ khu Đồng Nai về Xiêm la quốc, hết năm này qua năm khác, mặc dầu thiên lý quan san. Cách sanh nhai như vậy không biết đã có từ bao giờ, duy biết voi tập cử động theo giọng kèn giọng sáo của bọn buôn lậu với một kiểu làm ăn cũng lạ. Bọn này đi trong rừng tay không, như các thợ săn bản xứ, vừa thổi líu lo như người đi dạo rừng vô tích sự, ngờ đâu tiếng sáo ấy là ám hiệu vừa điều khiển voi khôn từ mấy dặm xa, vừa chỉ đường cho thú đi theo sau không bao giờ lầm lẫn. Nhiệm mầu thay tiếng sáo eo éo, tiếng kèn véo von ấy đưa xa mấy dặm hú, voi cứ nghe theo đó mà phẫn phẫn lần theo dấu thỏ đường dê, vừa tránh bẫy tránh dò, vừa trốn đoàn trốn lính. Vừa hái trái đỡ lòng, vừa đánh hơi theo chủ, không nhọc nhằn thêm thú vị, hết rừng lá đến rừng già, lên đèo xuống suối, cứ ban ngày thì nghỉ, ban đêm thì đi, mẹ Tây đoàn cũng không biết đó là con voi nhà chở hàng lậu! Cái lúc xả hơi để cho voi thung dung kiểm cỏ

thì cũng là lúc bọn buôn lậu vầy đoàn nấu cơm và ngủ ngày. Chiều chiều kiểm voi bắt lại, tra dây nai nịt, ràng buộc chặt chĩa, gọng gàng dưới bụng voi giấu cả trăm kí lô thuốc phiện, đã mập voi còn mập thêm, rồi đưa voi vào rừng tối mặc cho voi đi mình ên không cần điều khiển, Tây đoàn dấu lạnh mắt, cũng đành thủ trước mưu sâu độc đáo ấy. Nhứt cử nhứt động, thì chủ đi đường chủ, voi đi ngã voi, mặc cho nhà đoàn theo dấu, theo mãi không thấy gì rớt rồi cũng phải chán mà rút về. Còn con thú tinh khôn, không đợi lệnh, miễn nghe một giọng kèn khác hơn mọi bữa, lập tức ẩn mình, rút vào rừng sâu chờ con nguy hiểm qua rồi có lệnh kèn mới thì mới xuất đầu lộ diện... Về sau cũng vì chia chác không đồng đều, « giòi trong xương giò ra », nên tất cả bọn buôn lậu đều bị bắt và bị tù đầy, chủ đám mất tích, Ông Bò chánh danh đại bọm bị tịch thân và phú về vườn bách thảo Sài Gòn làm con vật « kiếng » quên khách, an nhàn. Từ đây ngày ngày voi đứng ăn cỏ nhai mía, thường có thói quen lắc qua lắc lại cái đầu túc trí đa mưu, đong đưa cái sọ to bằng mười mấy lần cái đầu lân-giấy-trống-rống, tựa hồ như nhắc : « Chớ khi dễ ta mà làm. Coi lơ lơ làm vậy, mà xưa ta đã từng khuấy nước chọc trời mấy ai biết? » Khi khách thấy voi đứng xê một chân, buông thõng chân nọ, cái vòi thì quơ nạm cỏ vo tròn rồi chà chà nạm cỏ trên vế trước, cặp mắt tinh ranh thì nheo lại nửa nhắm nửa mở, hình như nhắc chừng khách du đứng bao vây chung quanh : « Ngày nay tuy mặt lộ cùng đờ, chớ xưa kia lão vốn lừng danh hảo hơn đường rừng, anh chị lục lâm. Các người đã từng phá Tây như lão chưa? Lão đây gió bụi đã từng nay đứng đây như vậy thiệt là tề chân chồn cẳng. Vậy chớ nào người nghĩa hiệp? Đợi gì chưa trả cho lão cái tự do phóng túng năm xưa? »

Lối năm 1943-1944 gì đó, Nhứt đồ bộ, kéo binh lùn vô

đóng chặt đất Sài Gòn. Chánh phủ Pháp thời đó thi hành chánh sách phòng thủ thụ động. Voi già được đưa lên an trí trên rừng. Trảng-bom và được thả tự do chung với một voi cái tơ đồng chạn. Chuyện gì ở chợ búa, ở chỗ thập mục sở thị không làm được, thì nay cặp vợ chồng voi đem ra thực hành giữa chốn rừng già. Câu thành ngữ «mấy đời voi để đồng nội» coi vậy mà đúng trăm phần trăm. Nực cười tấm thân bồ tượng mà cũng hiết mắc cỡ e lệ như ai! Lên trên ấy, vắng khách Tây con, vắng người Chà Chệc, một lão voi và một nàng voi cái tơ, chia nhau cảnh cô liên giữa rừng già. Độ một thời gian voi đực làm cho voi cái mang bầu, — một cái bầu hơn một trăm ký! Đúng hai mươi bốn tháng sau, có tin xuống Sài Gòn rằng voi cái sanh, và cách đó ít tháng, có lệnh dạy trả về Sở Thú, cặp vợ chồng voi, phen này: «sau lưng theo dõi một thằng voi con»!

Kể từ đây mới sanh ra nhiều chuyện rối rắm...

Voi mẹ và voi con được nhốt chung trong chuồng cũ. Ngày ngày mẹ cho con bú, cặp nhũ căng sữa đưa trước ngực không xú chen, thấy đủ thềm. Nhơn vật đạo đồng, vì số hiếm con nên vú chỉ có một cặp. Cũng biết âu yếm, biết tỏ tình mẫu tử, biết gõ «cứt trâu» cho con như ai. Mấy lúc voi con quá liến thoắng, chạy men quá sát bờ giếng xây gạch, voi mẹ sợ con té giếng, thò vòi ôm bụng voi con kéo xềnh trở vào, tội nghiệp voi con lúc nhúc thối bộ, bắt tôi nhớ chị vú mê bài, mắt thì chăm chỉ trong sòng, tay thì kéo thuộc lòng chân đũa nhỏ, cho nó ngồi vào giữa hàng.

Voi đực, không dè Thú y Tây thiếu tâm lý quá, lại ra lệnh bắt cầm chân giữa bãi cỏ, xa vợ mới sanh và xa đứa con thơ mới đẻ, mà như đã nói, nhơn vật đạo đồng, tình phụ tử của voi rất đậm. Cầm chân voi không phải dễ. Họ

dùng lõi tôi sắt to bằng bắp tay, khoen nào khoen nấy lớn bằng ngón chân cái, nặng nề thấy ngán, một đầu hàn chày¹ vào cườm chân voi, một đầu khóa chặt vào gốc cây dầu to lớn trong sân cỏ. Voi giận vì mất thong thả tự do, có lẽ còn ít; mà xem chừng voi phiền giận vì bắt xa vợ xa con thiệt nhiều. Voi dục đồ quạu, gầm hét rống vang còn chân thì tri kéo khoanh lõi tôi sắt. Không mấy ngày sau, lõi tôi ăn siết vào da dày thấu thịt, làm thành ghẻ. ban đầu chỉ trầy chút ít, nhưng chảy ngay chỗ lở ăn loét sứt ra từ miếng và thành ghẻ độc ghẻ khuyết. Càng nhứt nhối voi càng biến tánh, trở nên hung tợn hơn thường ngày. Một bữa phát điên, voi đạp chết thằng nai. Lão thú y Tây sợ trách nhiệm, bèn lên tiếng trước. Va chạy giầy lên quan Thống đốc, xin phép bắt con voi dữ,— voi điên, để tuyệt hậu hoạn. Thống đốc, tức là Phó Soái Nam kỳ, quyền hành lớn lắm, lo việc Nhứt bần đồ bộ còn chưa phải, có thì giờ đâu lo chuyện một con voi già, nó dữ nó điên thây kệ nó, và muốn bắt nó cho chết thì hãy còn cấp dưới quan Thống đốc, tức là ông Đồng lý văn phòng, mà thuở ấy gọi là «dinh Thượng thư» (Direction des bureaux du Gouvernement) hoặc ông Thượng². Ông này mới lo việc bắt voi, và tức nhiên thời cuộc đang nóng như hỏa diệm sơn đây, ông Thượng đang bị vấn đề nan giải là quân đội Nhứt làm eo xách đòi cung cấp cho họ đủ thứ nhu yếu phẩm cần thiết (gạo, đường, củi, than,...) nhứt là phải lo cho có đủ số rượu mạnh rượu cần để thể ét xăng cho xe hơi nhà binh chạy, chuyện ấy lo thấy mẹ,

1. Chày là hàn bằng lửa đỏ, đốt sắt nóng cho sắt cháy, chảy ra dính liền đầu lại, không cần đến «vây hàn». Pháp gọi «souder», và cháy bền hơn hàn bằng vẩy.

2. Năm ấy, Thống đốc là ông Rivoal, Chánh văn phòng tên Dufour và Đồng lý Nội vụ là Schneyder.

hơi sức đâu lo chuyện con voi Sở Thú? Bởi thế, vì ai nấy đều làm việc qua tang lễ, không xiết nghiên cứu kỹ càng chuyện voi, nên độ một tuần sau giấy cho phép bắn voi được chấp thuận và gửi về lão thú y Tây Sở Thú để thi hành. Nhưng cách hôm sau, quan Thống đốc lại nhận được một bản phúc trình khác của lão thú y già, phen này lão đổi giọng lại nói khác. Tuồng như lão ăn năn hay các bộ hạ của lão ở Sở Thú bàn ra tán vô thế nào mà trong bản rập-bo (rapport) mới, lão đề nghị rằng không nên sát hại một con thú rất có ích như voi, — một mình nó ăn khách và quên khách nhứt trong vườn bách thảo, — nên phen này lão xin đổi lệnh giết voi bằng một giấy phép cho va sai người lên miền thượng du rước một thầy ngải thầy bùa về ếm đối theo phong tục đường rừng, họa may cứu được con voi Tommy thì đỡ tổn cho chánh phủ không ít, vì con này khôn lắm và mắt tiền lắm, v.v...

Phải nhớ đạo 1943-1944 là đạo tình hình Đông dương căng thẳng như sợi chỉ mảnh treo chuông, mắt còn ngày nào chưa biết ắt, đêm đêm trong dinh Thống đốc đều có một ê kíp thơ ký chuyên môn thay phiên nhau canh gác canh chừng và gửi thường thường dây thép mật mã đả lĩnh ngoài phủ Toàn quyền Hà nội, công việc rần rần làm không ngớt tay, không kịp thở, ai hơi đâu mà cứu xét chuyện nhỏ nhặt, chuyện con voi điên của Sở Thú.

Thống đốc phủ việc ấy cho quan Chánh văn phòng, ông xếp chờ ca-bi-nê.¹

Chánh văn phòng tư thơ cho Đồng lý Nội vụ (phần trên tôi gọi là ông Thượng) dạy cứ y lời thú y già xin, cấp

1. Xếp chờ ca-bi-nê là chef de cabinet.

cho lão giấy đi đường, tiền phí lộ, để sai người đi rước thầy voi.

Vài ngày sau quả có thầy xuống. Đây là một ông thợ rừng Miền già, chuyên nghề săn voi, bắt đem về nuôi và ông cũng biết trị bệnh cho voi. Khi ông vô tới chỗ cột voi, ông đứng từ ngoài xa và đi giáp vòng nhìn xem con voi kỹ lưỡng, đủ tứ diện, rồi ông gật đầu nói bệnh còn trị được. Lão thú y Tây nghe thầy thông ngôn dịch lại thì bằng lòng và nói: «muốn làm gì thì làm».

Qua bữa sau, ông thầy Miền đem vào Sở Thú hai nải chuối xiêm, một cái đầu heo sống có đủ bộ tam xên¹, một mớ nhang đèn hoa quả, một xị rượu đế và có quấy thêm tòn ten hai giỏ tre nặng trĩu, xem lại là hai ky đất sét mịn màng vàng khè thật nhuyễn, vừa móc ở dưới ruộng bên Thị Nghè. Thú y Tây bĩu môi bĩu mỏ, trâm một xâu liếng Tây dài thòn, thầy thông ngôn không dịch, và cả hai cố tình để yên cho ông thầy Miền ra tay trị bệnh.

Thầy Miền từ xa, ngồi phục xuống đất, lên nhang đèn cúng lạy vái van một cách hết sức kính cẩn. Cúng rồi ông rót rượu xuống đất, miệng lâm râm vái, tay bẻ ba trái chuối để y, vừa đọc thần chú, ngậm nước phun sương vào cả ba trái rồi quăng hết vào chân voi. Voi cúi xuống, thò vòi lượm hết chuối đưa tót vào mồm, không thấy nhai mà mất hết. (Chuối dứt miệng voi). Thầy Miền phục xuống lạy Tở, vừa lạy vừa lết lẩn vào vừa niệm thần chú, đến gần gần không thấy voi tỏ vẻ hung tợn, thầy Miền biết voi đã phục thiện, nên bò sát vào voi, ôm lấy chân đầu mán mọ mơn trớn vuốt ve, miệng nói không ngớt một thứ tiếng

1. Tam xên do chữ «tam sanh» nói giọng Tàu. Một miếng ba rọi, một con tôm và một hạt vịt, cả ba luộc chín, tượng trưng một thú (heò), một cầm (vịt), một thủy tộc (tôm). Tam xên lớn là một bê thui, một heo quay, một đế làm lông để sống. 1

rừng chi chút lú lo lú lường, người đứng chung quanh không một ai hiểu biết thầy nói gì, duy thấy voi gật đầu lên gật đầu xuống nhiều lần, xem dường hiểu biết. Thầy Miên trở lại chỗ cúng rót rượu thêm, khêu nhang đèn thêm tỏ, và khiêng búa khiêng đe một mình ên trở vào chặt lõi tói. Voi đứng yên để cho làm. Chặt đứt được sợi lõi tói lớn, thầy Miên lấy thùng thiếc múc nước pha ấm ấm có rau giền gai nấu nhừ đem vào rửa chỗ ghê lở cho voi. Nước ấm ấm trên mặt có thả vài bông sứ ma, làm cho chỗ lở bớt nhức. Coi bộ voi thích nên lấy vòi để nhẹ nhẹ trên vai lão thầy. Vừa rửa vừa niệm thần chú... Đoạn thầy Miên ra gánh hai gánh đất sét vò, rồi đắp hết vào chỗ ghê, lấy lá chuối hột bao thêm một lớp ngoài, ràng cột tử tế. Nội ngày đó voi bớt gãi la và chịu ăn mía cây. Mỗi ngày thầy Miên mỗi thay đất sét, mà da thịt voi hiền quá, không mấy bữa ghê đã khép miệng và khô mủ. Đợi cho mụn ghê gần lành, lão thú y Tây mới kiếm chuyện để phui ơn thầy Miên. Lão đưa mở nhăm cho thầy, cảm ơn gọi là, rồi cho giấy xe về xứ. Lão thú y Tây cướp công thầy Miên, đợi thầy đi rồi, bèn chạy tờ lên bề trên, phúc trình dối rằng voi tuy bệnh dữ, nay đã lành tron, — không phải nhờ «bọn thầy bản xứ cúng quả dị đoan», mà kỳ thật nhờ lão biết kịp thời để cho dùng đất sét làm băng-xơ-măng (pansement), nên chi mụn lở «găng-gờ-ren» (gangrène) đã kéo da non và liền mặt. Chuyến này không cột voi nữa và biết khôn cho voi đực chung chuồng voi cái. Vợ chồng gặp nhau hun hít bằng vòi, cạ vai cạ vế, nhưng phải thấy voi cha mừng voi con mới là cảm động nhiều. Voi già bước lại gần và lấy trán ủi nhẹ vào hông chú «Tommy» con, báo hại chú xinh vĩnh muốn té, nhưng voi già lấy vòi ôm lại, đoạn buông con ra, quơ vòi vào mồm, rít lên những tiếng rầm ra, rầm

rit, tựa hồ như nói : « Con còn bé mọn quá, làm vậy biết chừng nào nổi nghiệp cha mẹ, nổi chí tang bồng của lão đây».

Nhưng mừng nhau chưa kịp no, thương nhau chưa phỉ sức, được năm ba tháng gì đó, bỗng họa vô đơn chí, voi đực bỏ ăn, ỉa chảy, và trong phần lông hơi thúy thấy có xen máu lợn cợn... Sở Thú chạy giấy báo nguy, lão Tây thú y già đi xe con cóc đến khám bệnh. Chuyến này lão làm phúc trình gửi ngay lên ông Đồng lý Nội vụ, khuyên nên thủ tiêu con voi già cho sớm rảnh nợ. Nực cười lão thú y Tây này có một cách hành văn thật không giống ai cả. Phàm công văn hành chánh thì phải cho gọn gãy và sáng sủa, càng văn tắt càng hay. Đàng này, phải nhớ lúc ấy giặc trong giặc ngoài, bom rơi đạn nổ, máy bay lạ bay mỗi ngày, ai ai cũng phập phồng lo sợ, thế mà lão viết văn kệ lè dài thậm thụt, lạ nhưt là thoát vào đề không biết lão bắt chước lối viết của nhà đại văn hào nào mà mỗi bức thư nào của lão, khởi sự lão đều nhắc lại các công văn cũ, chẳng những lão nhắc mà thôi đàng này lão chép y lại các công văn đó không bỏ sót một chấm phết nào, thư gửi đi cũng như thư gửi tiếp, đều y một kiểu cách, báo hại người đọc, đọc thư lão, rất mệt vì rất dài, chuyện lâu rồi lại các bản sao đều cháy, tôi không thể trích ra lối hành văn dị kỳ của lão, lại nữa có chép cũng thất công, vì đó là công văn bằng Pháp ngữ, ngày nay rất ít người đọc và thưởng thức, nhưng na ná tôi xin nhái lại tạm tạm như vậy :

« Thưa ông,

« Trước đây, ngày đó tháng đó, tôi có gửi cho ông một «bức thư như thế này : (chép lại y nguyên văn). Được thư «tôi, ông trả lời làm vậy : (chép lại y nguyên văn). Rồi «tôi phúc trình lên ông làm vậy : (chép lại y nguyên văn).

« Kế đó ông dạy quan Đồng lý Nội vụ phúc đáp cho tôi « làm như vậy : (chép lại y nguyên văn). Đến đây đếm đã được mấy trang rồi, chừng ấy lão thú y mới chịu vào cái đề tài hôm nay,... và như thế thử xem người nào đọc văn lão, dấu nhân nại cách mấy, xem lại mãi những bức thư cũ đã có sẵn trong hồ sơ, có chịu nổi không, có máu lộn lên đầu không? Thú thật cho đến bây giờ tôi cũng chưa biết lão Tây thú y già đã học viết văn với ai, duy tôi biết đời đó, Thống đốc Nam kỳ là ông R., có tiếng là ôn hòa hiền lành nhút, nhưng cũng chịu không nổi với văn lão thú y già này. Ông R. đang bị vấn đề quân đội chiếm đóng (quân đội Nhật) đòi hỏi đền bù, cho nên khi ông R. nhận được, do Đồng lý Nội vụ đệ trình, bức công văn lão thú y Tây nói về chuyện con voi ở Sở Thú đang bị kiệt lý, lập tức Thống đốc đòi Chánh văn phòng vào nghị mật, rồi hạ lệnh cứ y như kỳ trước, thử sai mời thầy Miên một phen nữa.

Cũng ngộ, lão thầy Miên được mời, không giận, vẫn xuống và chuyến này như chuyến trước, y mừng cũ, thầy cũng gánh lễ vật hương đèn đề cúng ông Tà Á Bặc và không quên gánh hai gánh đất sét y như kỳ trước vào Sở Thú. Nhưng lão Tây thú y đã chực sẵn nơi cửa chuồng voi và dọa chừng : « Tại sao cho voi ăn đất sét. Nếu voi chết, sẽ thương mạng, nói cho mà biết ». Thầy Miên nghe sợ quỳnh, không biết đường trả lời, nhưng trót xuống lỗ, cũng phải làm cho hết lòng hết sức.

Không ngờ gánh đất sét thầy Miên gánh thặng vô chuồng, đến chiều trở lại, ông voi bệnh đã nuốt trọn sạch bách. Sáng bữa sau, voi không chết như lời lão thú y Tây đoán, trái lại voi ỉa ra đất sét trộn lộn với phân. Cứt voi bết lóng, voi không ỉa chảy nữa, và cũng không rặn. Voi tiếp tục ăn đất sét của thầy Miên gánh vô và phần voi mỗi

ngày mỗi thêm chắt, lần hồi ra đăc sệt, voi bắt đầu ăn và lại nhẩn không mấy hồi.

Thú y Tây không bỏ qua một dịp nào. Lần này, lão đánh máy sạch sẽ gửi phúc trình lên bề trên. Tôi ngồi ghi vào sổ nhật ký công văn « Mật », nhớ mại mại phần kết luận của lão như vậy :

« Việc này không cớ chi lạ. Và chẳng voi bị kiệt lý cho « nên ruột có mọt phồng và mỗi khi mọt bễ thì voi ỉa có « máu. Nay tên thầy Miên già cho voi ăn đất sét, phải chăng « là nó học lóm Tây y lấy đất sét trắng (kaolin) trị bệnh đau « bao tử. Chất đất này voi nuốt vô bụng nguyên khối, đất « thì đặc sệt, vô trong đó, ôm tròn khúc ruột lỏng, y như ta « lấy gòn và vải băng bọc bề trong chỗ bệnh. Đó là băng- « xơ-măng anh-tet (pansement interne), cho nên voi hết « đau ruột là vì vậy, cũng không chi lạ. »

Bức công văn của lão thú y Tây, tôi ghi sổ rồi cho đệ trình lên quan Thống đốc. Một bữa sáng cách đó vài hôm, tôi vô sở, và như đã nói, tôi có phận sự nhật ký công văn « Mật » vừa « vô » vừa « ra » (courrier confidentiel à l'arrivée et au départ), một bữa sáng, tôi thấy nó nằm chình ình trên bàn có mấy hàng chữ son viết tay của quan Thống đốc R. đề trên chéo thượng. Mại mại như vậy :

« Ông D. (đây là tên của Chánh văn phòng). Xin ông « gửi khẩn cấp lão mỗ (tên của thú y Tây) ngay vào đường « đường Đồn Đất và dặn ở đó tuân nhận lão trong vài « ngày, chờ một chuyến tàu kỳ « ưu tiên » (priorité) sẽ nhớ « làm thủ tục cho lão về Pháp an trí thiệt thọ. Chỉ có cách « ấy, ông và tôi mới tránh được nạn đọc chuyện con voi, « chuyện ăn đất sét và chuyện làm băng-xơ-măng.

« Đừng quên thưởng thầy Miên khá khá, nếu va chưa « về xứ. Ký tên R.

Câu chuyện con voi già Sở Thú, lâu quá tôi đã quên nhiều, nay nhắc lại không dám cho là đúng như tôi biết. Duy giấy tờ sao chép bản thảo chuyện viết năm trước vẫn còn đây, tôi cứ y theo mà đánh máy lại. Nghĩ giựt mình, không biết năm xưa mình viết tâm sự con voi Sở Thú hay là tâm sự của mình đây? Ai biết được?

..

Tái bút. — Sau năm 1944, tôi dời về Sóc trăng, nên tôi không theo dõi chuyện voi già, voi mẹ và voi con. Nghe nói năm 1945, máy bay Mỹ dội bom Sài Gòn dữ lắm. Mấy con thú trong vườn Bách thảo đều bị thủ tiêu, một là không đủ vật thực cung cấp, hai là kế phòng thủ thụ động dạy rằng thú dữ, nếu bị dội bom, rải sứt chuồng, ra được ngoài thì nguy hiểm cho sanh mạng hơn dân lắm. Ba ông Tây hồi đó, giữ theo cái kế này, biết có nhớ mà đưa Tommy cha, Tommy mẹ và Tommy con lên Trảng bom nghĩ mát như kỳ trước chẳng? Hay đã cắt bùm giết hết như mấy ông hồ và sư tử, kỳ đà, cá sấu kia hết rồi?

Nhớ lại việc ấy, thương cho số phần những anh này quá.

(Bài này có đăng kỳ đầu trong Bách Khoa, số Xuân Tân Sửu, số 98 ngày 1-2-1961, nay viết lại, không y bản cũ).

Gia đình, 2-10-1970

DẤN

Kề về thú chơi đồ xưa, nói cao là nghệ thuật chơi đồ ngoạn, có một câu thiệu, gồm trong bốn chữ mà ý nghĩa vô cùng. Đó là «Nhứt cổ nhì quái», ý nói người biết chơi cần phải phân biệt: gắt máu là thật xưa, gắt vừa vừa là thật lạ. Rồi lại còn phải biết phân biệt:

— nếu là đồ gốm, đồ sứ, nhà chuyên môn gọi «cổ ngoạn», thì phải kén thật cổ, và càng xưa càng quý; kén được cổ rồi, phải lựa cho được toàn hảo, vì đồ bề là hết xài. Người biết chơi loại bỏ những đồ bề, ai mót chơi thì cười gọi «chơi miếng sành». Nếu là châu ngọc thì gọi là «trân ngoạn», nếu là đá cuội, gốc cây, sừng thú, thì gọi là «kỳ ngoạn». Ngọc phải kén không có tỳ, nếu đã tỳ rồi thì hết còn quý báu. Đá, gỗ, món chưng chơi thì phải lựa tân kỳ tân xảo, lạ mắt, càng cổ quái càng hay. Không kén lớn vóc, chỉ cần khéo và lạ. Có câu: «Kỳ trân, dị bửu», đó là câu thiệu thứ hai tôi học được sau khi đã năm mươi năm lăn lóc trong nghề.

Không nên sắm trưng với người khác. Tỷ dụ: nếu sẵn tiền mua sắm đủ thứ, mà ông nào như ông này, nhà nào như nhà này, bước vô cửa thấy toàn là lục bình gần hai thước cao, khoe Thành Hóa, lon màu sắc sỡ to vóc mà nay trân, hoặc hũ đựng cốt đời Tống đại «ê ta, cái này giống hệt cái trong viện bảo tàng», bao nhiêu ấy tôi cũng chưa cho là «quý», vì dấu sao «vật thấy rồi, coi lâu nhàm mắt». Luôn luôn vợ nhà là tệ, vợ hàng xóm là ngon là giòn. Trừ phi nhà hàng xóm có một món «độc nhứt, vô song», thì

khí ấy ta phải tìm cho có mới phải là nhà thiện nghệ biết chơi cờ ngoạn.

Từng thấy lắm người, xơ xác như rệp phơi nắng, vọc vạch đọc vài cuốn sách, học chơi năm ba tháng, — như tôi buổi đầu, — lại thường nuôi một ảo vọng nghĩ cũng buồn cười và đáng thương hại. Tưởng rằng mình khôn hơn thiên hạ, ché thảng áp cây chờ thỏ, mà bần thần, ra đường, xe cán không biết sợ, mắt ngó liền xuống đất, trông mong may thời lượm được hột xoàn bự của bà nào vừa làm rớt; không mua hơn ba vé số mà tự phụ số độc đắc phải về tay, và hề mua được một món đồ trong tiệm ve chai, bước ra khỏi cửa thì món ấy là SỐ MỘT, tụi nó ngu hết, cho nên cái này mới lọt tay mình.

Cho hay chơi đồ xira không khác nuôi heo bỏ ống, và chó nghe tôi nói mà vội nản lòng. Nên đọc chuyện Văn Nhượng Hư sau đây và lấy đó làm gương. Chỉ trong giới đồ cổ ngoạn mới có thể xảy ra những việc không thể có đủ kể như trên.

Lúc nhỏ tôi ham đọc sách, bộ Kim cổ kỳ quan tôi đọc đi đọc lại không biết mấy lần. Có năm chuyện dài làm tôi mê say và lần lượt nay xin kể lại nghe chơi.

Năm ngoái (1969), tôi đang nghiền đọc lại Kim cổ kỳ quan, nghiệp nổi bộ ở nhà ai lấy đầu mất, trong khi bực dọc, bỗng một anh bạn quen từ nhỏ, anh Thân Văn, từ Cần Thơ, óm lên một bộ tân bản anh vừa dịch xong, nay đem lên định nhờ tôi tìm giùm người xuất bản. Tôi đọc trong một đêm, thấy hay hơn bản tôi đã có, nên sau đó, quả hai tôi có gặp một người chịu làm việc ấy. Không dè việc đang thuận chèo mát mái, tưởng sẽ hoàn thành trong năm 1969 ấy, ngờ đâu có việc trục trặc về giấy in rồi cho đến nay, không hiểu sao, người ấy cứ lần lữa mãi và sách trông đợi vẫn không thấy ra. Và thì giờ của tôi nay còn ít lắm, — đã sáu mươi chín tuổi đầu, — không thể chờ lâu nữa được, — nên tôi phải liêu, viết lại theo ý tôi, năm chuyện tôi đã thích và

từng xem trong bản dịch K.C.K.Q. Nguyễn chánh Sắt 1911. Tôi không có ý tranh nghề với anh Thân Văn, nhưng tôi xin phép in ra trước anh, năm chuyện này, không thì công việc của tôi phải bỏ dở hết. Đó là:

— chuyện Văn Nhượng Hư. Đề khuyến khích những ai ham vật lạ, vì Nhượng Hư nhờ có cặp mắt khác người, tìm được một cái mai con qui mà được tột đỉnh giàu sang (chuyện số V);

— chuyện Thu Tiên. Đề khuyến lẹ những nhà ham trồng lan và hoa thơm cổ lạ. Thu Tiên là một ông già ham trồng bông hoa, tôi tưởng hơn cả thiên hạ (chuyện số VI);

— chuyện Đỗ Thập Nương. Dưới mắt tôi, Đỗ Thập Nương không phải là một kỹ nữ tầm thường. Tiếc cho nàng không biết lựa chồng như nàng đã lựa ngọc (chuyện số VII);

— chuyện Mãi Du Lang độc chiếm hoa khôi. Anh bán dầu này không chơi ngọc, không thạo đồ xưa, nhưng nhờ có mắt tinh đời nên được có vợ xinh, khỏi tốn tiền cheo heo cưới. Cũng một dịp để tôi nói về phong tục đàn bà Tàu bó cổ (chuyện số VIII);

— chuyện sau chót là lịch Bá Nha, Tử Kỳ. Đây là một chuyện then chốt có liên quan nhiều đến thú chơi đồ cổ ngoạn (chuyện số IX).

Ngoài năm chuyện ấy, tôi xin trả nghề dịch truyện cho anh Thân Văn và hết lòng cầu mong bộ Kim cổ kỳ quan của anh sớm được phát hành.

Sau đây là sự tích Văn Nhượng Hư (trong bản Hán văn, nhan là « Chuyện vận hôn xảo ngộ Động đình hồng ».

* * *

5. — Văn Nhược Hư

Đời nhà Minh, triều vua Thành Hóa (1465-1487), tại xứ Tô Châu có một người họ Văn tên Thiệt, tự là Nhược Hư, tánh tình tinh xảo hơn người, kể về học lực thì xem đâu nhớ đó, học một biết mười, còn kể về thủ công thì Nhược Hư được thiên phú có hoa tay, phàm trông thấy ai làm ra món gì, xem qua một lần thì nhờ sáng tri, làm lại y hệt, khéo léo vô song. Về cầm kỳ thi họa, Nhược Hư chẳng những lầu thông đủ bốn, lại còn trôi lẩn hơn anh em đồng tuổi. Lúc còn thơ ấu, có thầy tướng sĩ đoán số Tử vi quả quyết Nhược Hư ngày sau giàu sang muôn họ. Lời khen thầy bói chỉ thêm lòng kiêu nên sẵn của phụ ấm, Nhược Hư cứ tiêu pha hoang phí, không lo gì đến việc học nghề nuôi thân, ý y trong mình sẵn tài, thông thả rồi sẽ tính. Nào ngờ chẳng bao lâu cửa nhà thiếu hụt, mới nhớ câu « tọa thực sơn băng », hiểu được thì đã muộn.

Nhược Hư thấy chúng bạn nhờ chuyên nghề buôn bán nên đều khá đều giàu, cho nên còn lại bao nhiêu vốn liếng bèn trút hết vô nghề thương mại. Tô Châu là xứ phong lưu có tiếng : nhứt gái nhì quạt, vì tự cổ kim mỹ như ngọc nữ đều sanh tại đây, còn nói về quạt thì khắp xứ không đâu bì. Nhược Hư nghe đồn năm ấy Bắc kinh hút quạt, nếu nay đem quạt lên đó bán thì sẽ đặng giá phát tài. Nhược Hư bèn rủ anh em hùn vốn mượn người làm quạt rất nhiều. Nên nhắc lại vào thời Minh — Thanh, quạt giấy cầm tay là một cái mốt rất được thịnh hành. Quạt có đến năm sáu thứ khác nhau và giá tiền cũng khác ; có thứ chỉ mười mấy đồng điều một cây lại có thứ đến vài ba lượng bạc:

- 1.— quạt dành cho các phong lưu công tử, có vẽ sẵn tranh họa và đề thi sẵn ;
- 2.— quạt cho văn nhân, giấy tốt, nhưng không đề thi họa cảnh, chừa cho người chủ sau này hoặc tự mình hoặc mời người bạn thiết đề tặng cho thích ý ;
- 3.— quạt cho võ sanh và phú gia bá hộ, lớn, mát, nhưng ít hoa hoè ;
- 4.— quạt cho các tiểu thơ khuê tú, nhỏ cây nhưng xinh xắn ;
- 5.— quạt cho thường nhân nhưng vẫn phong lưu, khá giả ;
- 6.— quạt trắng thường « dân dụng », không vẽ hoặc ít vẽ vôi, dân và phật gia, đạo sĩ dùng, v.v...

Những quạt ấy, phân làm ba hạng : thượng, trung, hạ, đều làm bằng giấy bạch có phết một lớp sơn dầu không sợ mưa gió, sương, cánh, lá sương, đều lựa tre già bền chắc có chạm khắc cổ thi, nhánh mai, nhánh trúc và tên họ¹, nhiều cây còn lại lưu truyền đến nay, dấu là chỉ hai cánh ngoài, đều là những sưu tập phẩm có giá trị, nếu được của danh nhân kỳ nữ xưa thì là những cổ ngoạn hiếm lạ quý báu vô cùng. Vào đời ấy, người nào ra đường, đều có quạt cầm tay, khi che nắng, khi phe phẩy, các cô tiểu thơ lại còn cách « quạt che nửa mặt, trông liếc nghiêng nghiêng »,

1. Ở Chợ Mới Sài Gòn, đường Phạm Ngũ Lão, trong một tiệm buôn lớn, nhưng chừng dọn sơ sài, một hôm có người giới thiệu, chủ nhân, một ông lão người Bắc kinh, nói chuyện với tôi bằng cách ra dấu, có lấy trong tủ kín ra cho tôi xem bốn bộ cánh quạt cổ : tre thật già, lên nước đỏ au, cái chạm lọng, cái mức sâu, cái chạm nổi, một cây nữa không chạm trở chi cả, nhưng ông cho là quý nhất, vì vân cây trở bông in như vẽ, dáng cổ kính lạ lùng. Hỏi tuổi cây quạt ông nói Kiên Long (1736-1795). Tôi đánh bạo đưa cây quạt của tôi, do ông bạn Đới Ngoạn Quân đề tặng, ông cười, khoát tay ra dấu, tôi hiểu rằng quạt của tôi còn mới lắm, chưa sánh được đâu.

mới là chết được anh hùng. Thiếu quạt như thiếu tiền, trống sĩ cũng vô nhan. Và khăn quạt là hai món thường thấy đối trao trong truyện giữa chuyện thề non hẹn biển, trai tài gái sắc.

Nhược Hư có tâm hồn nghệ sĩ sẵn nên không tiếc tiền, muốn mau làm giàu và muốn quạt mình bán ra là mỹ thuật phẩm hiếm có đáng để nhắc đời, nên tuyên thợ vẽ khéo và các người văn hay chữ tốt đến điểm xuyết từ cây, lại có tổ chức những buổi thi hội, mời các văn sĩ danh họa trong vùng đến thi đua mặc tình ngẫu hứng đề thi phóng bút. Chỉ tốn trà nước mà được nhiều cây quạt xuất thần, những loại ấy để riêng, khi tặng lại tác giả, khi dành bán cho sau này những ai biết thưởng thức.

Khi quạt chế được nhiều và tức số, Nhược Hư sai niêm hết vào thùng cây lớn, rồi mới chọn ngày lành tháng tốt xuất hành, chở hết xuống thuyền, trực chỉ Bắc kinh. Ai ngờ Nhược Hư đang hồi vận kiển thời quai, vì quá gò gẫm thành ra phí nhiều thì giờ, khi thuyền đến Bắc kinh thì mùa hè đã qua, gặp trời nghịch tiết mưa gió lu bù, mấy ngày ráo tanh lại nắng ui ui khiến không ai hỏi mua quạt. Tội nghiệp Nhược Hư, com ghe bè bạn đến đây, trong đời ba tháng đóng sòng mà chịu trận, mua bán ế nhẹ, đúng như câu « như quạt mắc mưa » ! Kế đó tiết sang thu, trời tạnh gió êm, khi hậu trở nên mát mẻ, thì quạt cũng vẫn là vật thừa, vô dụng. Bỗng một hôm có vài vị công tử, nghe đồn có thuyền chở quạt Tô Châu, tìm đến hỏi. Nhược Hư dạy khui thùng lựa ra bán thì hỏi ôi, nước mắt tự nhiên trào, thà để vậy đừng khui không biết còn hơn, vì bao nhiêu quạt quý, đắt tiền, gặp tiết ướt át, hồ keo đều chảy và dính kẹo với nhau gỡ không ra, và đến khi gỡ được cái nào thì giấy, sơn, tróc, rách, xấu xí không ai thèm. Không lẽ ở mãi xứ Bắc kinh đợi qua mùa khác, vả lại tiền nong đã

cạn, nên túng thế. Nhược Hư mót máy bán đồ bán tháo, vừa ăn vừa bán, hàng vừa hết thì túi cũng sạch, vốn liếng đi đời nhà ma, thuyền về được tới bến Tô Châu thì cũng là may phước. Từ đó, Nhược Hư rớt đến nghề nào cũng đều thất bại, chẳng những một mình anh bị trút túi, mà chúng bạn anh nào thương tình hùn vốn với Nhược Hư cũng phải sạt nghiệp theo. Thấy thế, không ai dám chơi, và từ ấy gia tư tiêu điều, vợ hỏi trước nay không tiền cưới, Nhược Hư được bạn tác đặt cho tên mới là Đảo vận hơn (tên hơn tử nghịch vận). Nhược Hư còn một nghề chót, đi viết mượn kiếm ăn, thả trôi thả nổi, bữa đói bữa no, thiệt là thê thảm. Còn chút may là lòng trời còn độ, khiến Nhược Hư ăn nói rất có duyên. Nhờ ngôn từ lưu lợi, nhưt là không xảo trá, giỏi chọc cười và luôn luôn vui tánh, nên anh em không bỏ, nhà nào có tiệc khai bằng tân gia đều nài nỉ và mời Nhược Hư cho được, chối từ cách mấy cũng không nghe. Nhờ vậy mà Nhược Hư chưa ra người hành khất. Đốc địa thay, văn hay chữ tốt mà không ai dùng; có kẻ thương tình, tiến cử làm thầy dạy trẻ, thì chủ nhà, còn nhiều dị đoan, đồ thừa ngại Nhược Hư là người đảo vận, cùng đồ, e dạy con cháu chúng sẽ xui xẻo như thầy! Một bữa nọ, có một bọn có vốn, hùn nhau tính đi buôn biển ngoài xa, đó là nhóm của Trương Đại, Lý Nhị, Triệu Giáp, Tiền Ất, v.v... cả thảy hơn bốn chục người hội hiệp nhau lại, đầu vốn đóng một chiếc thuyền rất lớn định chở hàng hóa thật nhiều làm một chuyến hàng hải. Nhược Hư hay được tin, nghĩ thầm: «Ta trọn đời nghèo túng, không phương thế sanh nhai, sống tạm bữa no bữa đói chớ chi được theo bọn này, trước là được phỉ tình ngắm xem phong cảnh xứ lạ, sau là thay đổi không khí mở rộng tầm con mắt, lại nữa dưới thuyền sẵn củi sẵn gạo, đồ chạy ăn. Vả lại những người ấy đều là anh em bạn cũ, không

lý họ nữ chối từ?» Mảng đương bàn tính, bỗng thấy Trương Đại đi ngang. Anh này nguyên là một tay chuyên đi buôn phương xa, cho nên rất thạo về châu báu các nước, anh có biệt hiệu là Trương Thừa Vận, vì anh đương thời vắn đồ, buôn may bán đắt, thêm có tiếng là cư xử với anh em rất là hào hiệp. Hai người vẫn quen nhau từ trước và mến phục nhau. Nhược Hư mời Trương Đại vào nhà, thì lễ xong xuôi, bèn tỏ thiệt ý mình. Trương Đại nghe qua, mừng rỡ: «Việc anh định đó rất hợp ý tôi, và giải quyết không khó. Anh được cái có duyên, ăn nói ai ai cũng chịu. Nay được anh theo chuyện vắn đồ buôn, những khi thuyền vượt sóng, chúng ta đánh chén cợt đùa lại càng thêm vui. Tôi dám chắc khi tôi về nói lại không ai chối từ. Anh cứ yên lòng sửa soạn hành lý trước đi. Ngặt một điều, anh em tôi ai nấy đều có hàng hóa đem theo, nay anh đi tay không, tôi e cũng uổng cơ hội ngàn năm một thuở. Vậy để tôi về bàn việc này lại với anh em rồi kể ít người nhiều giúp anh một số vốn nho nhỏ để anh coi có thứ hàng hóa gì vừa bụng, anh chở theo cho có với người ta.» Nhược Hư cảm động đáp: «Cám ơn hậu tình của anh, song tôi e ít ai tốt bụng như anh và khứng chu toàn vậy.» Trương Đại nói: «Việc không nên nói trước, để tôi về tính thử coi.» Nói rồi đi liền.

Trương Đại vừa ra khỏi cửa thì có một thầy bói mù đi ngang. Nhược Hư mời vào cậy thầy xem coi hào tài khí thế nào. Thầy sử quẻ rồi nói: «Quẻ này tốt lắm, ông ra đi chuyến này, sự giàu có không biết sao mà nói cho cùng». Nhược Hư đền ơn lão thầy rồi trở vô nhà, nghĩ thầm: «Sở dĩ ta muốn đi theo anh em chúng bạn vượt biển phen này là cốt đi chơi cho qua ngày tháng. Tiền bạc đâu làm vốn, có hàng hóa gì đem theo buôn bán mà hồng đại phát tài?» Mấy đời thầy bói nào không nói láo, ta chẳng nên tin.»

Còn đang suy nghĩ, kể có Trương Đại bước vào, mặt còn sắc giận. Trương Đại chưa bước qua khỏi cửa, đã lầm bầm : « Những bọn đó quả không ra gì ! Ban đầu, họ nghe nói có anh đi theo, họ đều tỏ vẻ mừng rỡ ; chừng tôi nói qua việc tiền bạc giúp anh làm vốn, họ đều làm thình và nói lảng sang việc khác. Thiệt là tệ không chỗ nói. Nay tôi còn một lượng bạc, anh cầm lấy mà dùng đỡ. Với số tiền mọn này, anh đừng mua chi hàng hóa ; nhưng theo tôi trông, anh cũng nên mua chơi một mớ trái cây hay hàng bánh gì đó bỏ theo xuống thuyền phòng khi buồn miệng lấy ra dùng cho vui. Còn việc cơm nước, anh khỏi lo ; anh cứ ăn chung với tôi, việc ấy xin anh đừng ngại. » Nhược Hư lãnh dính bạc, nói mấy lời cảm tạ. Trương Đại từ già, còn dặn với : « Thuyền cũng gần tách bến, xin anh sắm sửa mau lẹ rồi xuống cho kịp con nước ». Nhược Hư cười, nói : « Tôi có vật chi mà sắm với sửa ! Anh đi trước đi, tôi ghé đây một chút rồi có tôi tức thì. » Trương Đại về rồi, Nhược Hư cầm dính bạc một lượng, nhồi nhồi trên tay, vì lâu ngày quá mới thấy. Anh vừa cười vừa nói một mình : « Bao nhiêu này thì biết mua những giống gì cho được ? Tuy vậy ta cũng phải sắm thứ gì cho không phụ lòng một người bạn tốt. » Nói rồi lặn dính bạc vào lưng, lộn trở lại nhiều lần cho thật chắc, đoạn ra chợ kiếm đồ mua để làm một cuộc đại hàng hải ! Bỗng anh thấy chán nản ngã lòng vì số tiền thì ty tiêu mà món nào cũng cao. Xảy thấy nơi chỗ anh đứng, toàn những giỏ tre chật nứt đầy đường, trong giỏ đựng một thứ trái màu đỏ hồng, tươi tốt in như ai lấy sơn mà vẽ (xem lời bàn nơi sau). Đó là trái Động đình hồng. Nhược Hư đang phân vân không biết mua gì, khi thấy trái ấy chợt nghĩ thầm : « Với một lượng bạc nhỏ nhoi, ta mua thứ này cũngặng it nữa hai giỏ tre, cả trên trăm cân chớ

không it. Ở đây là cửa thừa, chớ xuất dương rồi, nó là cửa qui. Hay là ta cứ mua lấy, đem theo dưới thuyền, giải khát cũng được, mà cho chắc anh em dễ mua lòng cầu thân thì cũng phải thế lắm, chớ không chơi. » Nghĩ như vậy nên Nhược Hư lấy dính bạc một lượng ra mua hết Động đình hồng, quả được hai giỏ lớn, Nhược Hư mừng lòng, ghé tạt vào nhà lấy theo một mớ đồ hành lý, khóa cửa cẩn thận gửi nhà cho hàng xóm, rồi mượn người khiêng thẳng hết xuống thuyền. Chưa chi các anh em vừa thấy Nhược Hư khệ nệ hai giỏ lớn xuống đã vỗ tay cười lớn : « Kia kia Văn tiên sanh đem hàng quý xuống kia cà. » Nhược Hư trong lòng hổ thẹn nhưng ngoài mặt cũng giả bộ vui vẻ, cho đem hai giỏ tuốt xuống khoan dưới, chào hỏi tử tế mà không hề nói cho ai biết rằng mình mang theo Động đình hồng.

Thuyền lui ra khỏi vàm, tách ra ngoài khơi, một lần thứ nhứt Nhược Hư thấy tư bề mình mông toàn là nước, sóng bủa giăng trắng xóa tựa hồ đơm vẩy bạc, trong lòng thấy lằng lằng nhẹ nhõm và cũng quên đi được đôi phần cực khổ ê chề. Thuyền lướt sóng nhẹ bay xuôi theo chiều gió, trực chỉ hướng nam, đi đã năm sáu ngày mà không biết đã trải bao nhiêu dặm dài. Ngày kia thấy trước mặt một hải đảo thật lớn, ở dưới thuyền ngó lên thấy thành quách nguy nga, ngoài đường và dọc theo bờ biển, phố xá sum sụ, nam thanh nữ tú qua lại đông đảo. Thủy thủ chọn một vịnh êm thắm đậu thuyền cho tiện núp gió, bỏ neo cột đôi an bài thì các người dưới thuyền đều bước lên bờ cho đỡ chồn chân mấy bữa. Nhược Hư lên theo, hỏi thăm địa thế, không một ai trả lời ổn thỏa, cho hay buổi ấy khoa địa dư sơ sài hờ hững thế nào. Họ nói có từng đến đây rồi, người bản xứ xưng là Kiệt linh quốc, biết vậy thôi chớ không cần biết nữa, duy biết rõ ở đây cách xa

Trung hoa ngàn trùng, nên bề sanh lý, « nhứt bồn vạn lợi », hàng hóa Trung hoa hễ đem đến đó, thì một phần vốn nói giả tỷ, bán ra là ba bốn phần lời, rồi nếu biết khôn đời hàng hóa sơn trân hải sản xứ ấy đem về Trung hoa thì cũng đáng lời như thế một lần nữa, cho nên mỗi lần thuận buồm xuôi gió đến được chốn này một chuyến thì cũng bằng đi buôn năm sáu lần nơi khác, và vì vậy ai ai cũng ham vượt biển đến đây không kể gì nguy hiểm. Trừ Nhược Hư ra thì mấy người kia đều có người quen trên bờ cho nên thuyền vừa cập bến, họ đều phân nhau đem hàng lên tìm bạn cũ lo việc đổi chác, để Nhược Hư ở lại giữ thuyền với mấy người bạn bè thủy thủ.

Nhược Hư bỗng nhớ trực lại hai giỏ Động đình hồng của mình, mấy bữa rày quên lửng không dòm ngó tới, không biết hư thúi thế nào, nay mấy người kia đi vắng, Nhược Hư thừa dịp mượn mấy người đi bạn ghé dỡ khoang lấy ra xem thử. Nhược Hư mừng quá vì thấy lớp mặt vẫn còn tốt tươi như trước, duy không rõ mấy lớp dưới có được như vậy không, Nhược Hư nhờ các bạn vui tay sắp hết giùm mình lên bày phơi trước mũi thuyền. Ấy cũng là nhằm lúc thời giao vận chuyển, Nhược Hư đã hết hồi đen và phước đã tới, khiến anh có sáng kiến ấy. Những trái Động đình hồng xinh xắn, lấp lánh ngon lành dưới ánh nắng sớm, từ trên bờ nhìn xuống trông thật là vui mắt. Khách đi đường qua lại trên bờ, ai ai cũng dừng chơn lại nhìn và trầm trồ với nhau không biết trái ấy là trái gì, có ăn được hay không, mà da đỏ nõn nà, trông tựa ai lấy sơn đỏ (laque rouge) mà phết!

Bỗng có một người không dẫn được tánh tọc mạch, chạy xuống thuyền, lại gần Nhược Hư hỏi rằng: « Trái gì mà xinh tốt dữ vậy? » Nhược Hư không hiểu tiếng nói của nước ấy, chỉ ngó lên cười, rồi cứ làm thinh sắp Động đình

hồng ra hoai. Nhược Hư thấy có một trái gần hư, liền lấy ra lột vỏ rồi bỏ hết nguyên trái vào miệng, nhai ngồm ngoảm, nuốt ngon lành. Nhược Hư không có tánh ích kỷ nên cũng lấy mười trái chia cho thủy thủ dưới thuyền. Người xuống thuyền ban nãy vỗ tay cười lớn la lên: « Té ra trái này ăn được mà! » Trong bọn đứng xem, có một người, dáng quan viên, bước đến hỏi giá bao nhiêu một trái, đang có mua mà ăn thử cho biết mùi. Nhược Hư, tuy không hiểu tiếng nói song định chừng cũng biết người ấy muốn gì, nên ra dấu, giơ lên một ngón tay, ý muốn nói một đồng tiền một trái. Không dè người ấy gật đầu, thò tay vào túi móc ra một đồng bạc trắng trao cho Nhược Hư mà ra dấu trả lời xin mua một trái. Nhược Hư tiếp lấy đồng bạc, cầm lên tay nhồi thử mà coi, nặng ước chừng một lượng. Nhược Hư lòng bối rối, không biết va muốn mua mấy trái, song lanh trí, để ta đưa cho va một trái thử xem nào! Nghĩ như vậy, bèn lựa một trái lớn và tốt tươi mà trao cho người ấy. Người này tiếp lấy cầm trên tay, khen lớn: « Tuy chưa biết là trái gì, song thấy cũng đủ biết là ngon! » Vừa nói vừa lột vỏ ra, mùi thơm the the bay nực mũi. Khách bàng quan, bắt mùi, lại càng khen hùn rùm lên. Người ấy lột rồi, chưa biết cách ăn làm sao, sẵn thấy ban nãy Nhược Hư nuốt trọn (vì là trái nhỏ), nên cũng bắt chước, thồn hết nguyên trái Động đình hồng vào miệng mà nhai, khiến nước ngọt chảy tràn ra nhều nhão ướt cả râu cả áo bào, nhưng thơm ngọt lạ thường, người ấy nuốt luôn và hột, nuốt rồi, vừa lấy tay vuốt sạch râu và thoa thoa lên áo, vừa khen liền miệng: « Ngon thiệt là ngon ». Nói rồi thò tay vào túi móc ra mười đồng y như ban nãy, ra dấu xin mua mười trái. Nhược Hư mừng quá đổi mừng, lật đật lựa mười trái trao tận tay. Bây giờ những khách đứng coi, thấy người ấy mua được giá đó, cũng bắt

chước mua theo, ban đầu còn huờn đãi sau đến giành giựt ồn ào, kẻ mua vài trái, người nài năm ba, và cũng đều trả y một thứ bạc khi nãy. Người nào mua được thì mừng rỡ lật đật đi liền... Đến đây mới thấy đúng câu tục diêu « vô quít dày, móng tay nhọn ». Nguyên tục lệ xứ này, không dùng tiền đồng và lấy bạc thay tiền. Mỗi đồng đều một cỡ y nhau và trọng lượng giống nhau (gần chín mươi chỉ làm một đồng), duy xem nơi hình chạm mà phân biệt giá trị. Tỷ như: đồng qui giá nhứt thì chạm hình long phụng, thứ nhì đến hình nhơn vật, thứ ba, hình cầm thú, thứ tư, hình thọ mộc, và bạc thông thường vào bực thấp hơn hết là hình thủy thảo (cây cỏ mọc dưới nước như sen, súng). Nãy giờ họ dùng tiền thủy thảo mà mua được của qui. Một đảng là Nhực Hư, được bạc thì mừng theo kiểu Nhực Hư: bạc nào như bạc nấy, đồng một loại như nhau. Một đảng khác là bọn người này, thấy mình dùng thứ tiền hạng chót mà mua đặng của ngon vật lạ thì mừng theo kiểu bọn họ. Cho hay hạnh phúc trên thế gian rất là tương đối. Tiếng đồn chuyền nhau, khách tới mua nượp nượp, bán không kịp. Trong giây phút, Nhực Hư đã bán được hai phần ba và chỉ còn độ nửa giỏ. Những người không đem tiền theo, lấy làm tiếc, lật đật chạy về nhà lấy tiền. Nhực Hư thấy bán đắt lại làm cao, vừa nói vừa ra dấu: « Ấy tôi còn có bao nhiêu để dành ăn, không bán nữa! » Những người đến trễ, mua không đặng, tức mình ra dấu, nài mua mỗi trái hai đồng. Những kẻ chưa mua thấy vậy thì trách sao có bắc cầu cho kiến nó leo, lên thang được rồi mấy thuở chịu xuống! — Người kia cãi: « Vậy chớ không nghe nói hay sao? Va không bán để ăn. Bụng mình đã muốn, mắt rỏ chút đỉnh kẻo nài làm chi? » Đang cãi dan ca, xảy thấy người mua mười trái lúc ban sơ, nay giục ngựa trở lại, a thần phù xuống thuyền, xô vệt mấy người kia ra mà

rằng: « Thôi, chớ có bán lẻ nữa. Còn lại bao nhiêu ta mua hết để dâng vào trong Nội. » Nghe làm vậy, mấy người kia đều nhường cho lệnh quốc vương, lên bờ ra về tiếc hối. Nhực Hư thuở nay là người lanh lợi, thấy cái thế đã thuận đà cho mình, đoán biết ông này không giám quan cũng nội thị trong cung vua, bèn trút hết giỏ ra đếm được hơn bảy chục trái, Nhực Hư sắp lại hết vào giỏ mà thưa rằng: « Tôi đã nói nãy giờ với mấy người kia, tôi không bán nữa, vì còn ít muốn để lại dùng. Nhon có mấy người đó nài nỉ lắm, chịu tăng lên mỗi trái hai đồng nên tôi mới ưng bán. Như ông muốn mua thì cũng phải trả y theo giá ấy, bằng không thì tôi để tôi dùng ». Người ấy liền để cái túi lớn xuống, thò tay lấy ra một đồng bạc cũng bằng đồng trước nhưng chạm hình thọ mộc, trao cho Nhực Hư và nói: « Đây này, thứ tiền này ăn hai, vậy thì mỗi trái một đồng như vậy, chịu không? » Nhực Hư lắc đầu thưa rằng: « Tôi không muốn thứ tiền này, xin hãy trả thứ tiền như ban nãy vậy thôi. » Người ấy mỉm cười, lấy ra một đồng khác chạm hình long phụng và hỏi: « Như đồng này thì một đồng ăn một trái, chịu không? » Nhực Hư đáp: « Cũng không đặng, cứ theo thứ tiền trước, hai đồng một trái vậy thôi. » Người ấy cười mà rằng: « Ấy là ta nói chơi: một đồng bạc này ăn một trăm đồng kia, dẫu người có chịu, ta cũng không đại gì mà mua như thế. Thôi, cứ đếm đi, ta sẽ trả thứ tiền kia theo như ý người muốn. » Nhực Hư đếm kỹ, còn lại bảy mươi tám trái, tính ra giá bạc nhằm một trăm năm mươi sáu đồng. Người ấy trả thêm một đồng bạc nữa nài luôn cái giỏ, rồi buộc vào lưng ngựa, nhảy lên tra roi đi thẳng. Mấy người trên bờ tán lãn. Nhực Hư vào trong mui, lấy cân cân thử, mỗi đồng nặng đúng tám chỉ bảy phân, đồng nào cũng vậy, tính lại hết thấy được hơn một ngàn lượng bạc, trong lòng lấy làm mừng

rõ, bèn lấy ra mấy đồng thưởng công mấy người thủy thủ dưới thuyền, còn lại bao nhiêu gói làm một gói đem cất kỹ lưỡng. Nhớ lại mấy lời thầy bói mù, Nhược Hư thăm ý cười mà nói thầm: « Lão thầy mù ấy bói quẻ thiệt linh ! » Trong lòng Nhược Hư lúc này mừng vui lẫn lộn, trông ngược cứ đánh thành thịch, trông mấy anh em xuống thuyền đặng có khoe may mình gặp « gió lớn ». Chừng mấy người kia đến chiều, đổi chác xong, ôm hàng hóa còn dư xuống thuyền, trong bữa cơm tối, Nhược Hư bèn đem hết đầu đuôi các việc thuật lại cho anh em biết. Ai nấy đều mừng, và nói và khen: « Cũng thì đi với nhau một bọn, duy có anh là tốt phước hơn cả. Hết xúi quẩy rồi! Không xuất vốn mà đặng lợi nhiều ấy là của trời cho anh đó. »

Khi ấy Trương Đại vỗ vai Nhược Hư mà rằng: « Thuở nay thiên hạ đều gọi anh là người đảo vận (Đảo vận hơn), mà nay anh gặp may làm vậy, thì vận anh đã chuyển lại theo chiều tốt, vậy thì bây giờ nên đổi lại, gọi anh là Chuyển vận hơn, cũng như tôi đây là Thừa vận hơn vậy. Lại nữa anh nhờ trái Động đình mà phát tài, vậy để tôi tặng anh một câu, tuy không hay ho gì, nhưng thiệt thực. Câu ấy là: « *Chuyển vận hơn xảo ngộ Động đình hồng* ». Ngặt một nỗi, bạc của anh đó, nếu đem lên bờ mua hàng hóa bán xứ thì không đặng bao nhiêu. Vậy thì anh xem trong bọn cừu cá ta đây, nài lại một ít hàng Trung quốc, rồi đem lên đổi những kỳ trân thổ sản hầu sau này đem về xứ mình kiếm thêm chút lợi cho đáng công một mũi tên bắn được hai con diều. Như vậy tôi tưởng hay hơn là gói bạc cất đó kè kè bên mình có ích gì. »

Mọi người đều tán thành, nhưng Nhược Hư đứng dậy thưa: « Ấy là các anh thương tôi mà tình như vậy, tôi cho là rất phải. Nhưng nghĩ kỹ lại như tôi vốn là một tên đảo vận, đem vốn ra buôn bán mà cầu lợi, đã chẳng có lợi

lại tiền luôn cả vốn. May nhờ các anh đem tôi theo, đã không tiền vốn, mà tình cờ gặp lại may kiếm đặng bao nhiêu đây, thiệt là phước lớn và quá sức tưởng tượng của tôi rồi. Tôi há đi còn tham làm chi và muốn sanh lợi thêm nữa làm chi? Trời cho bao nhiêu, không biết an phận, rủi lỗ mất vốn như lần trước, không lý tôi còn gặp chuyện bán trái Động đình hồng được nữa hay sao? » Mọi người kia nói: « Hàng đổi lấy hàng, đem về mà kiếm lợi thêm, có hề chi mà sợ ». Nhược Hư lắc đầu, vừa cười vừa nói: « Thôi thôi; tôi đã sợ: « Một lần mà tổn đến già, đừng đi nước mặn kéo hà ăn chân ». Nói đến hàng hóa bán buôn, tôi đã thất kinh. Thà rán giữ gìn bấy nhiêu bạc trắng này đem về tới xứ sở mà chắc ăn hơn? Ai cười tôi chịu, chớ buông mồi dớp bóng, tôi ghê lắm rồi! »

Ai nấy đều than tiếc giùm: « Đã có vốn sẵn mà không dám làm giàu thêm, thiệt là dại nếu không nói là nhát gan. »

Hàng ngày họ vẫn tiếp tục đem hàng hóa đi khắp các nơi làm việc đổi chác, Nhược Hư vẫn ở lại giữ thuyền, và độ nửa tháng sau, hàng hóa bán được hết, người nào người nấy đều vui mừng, bèn mua rượu thịt đánh chén một bữa thật say xong rồi hối bạn nhỏ neo trương buồm về xứ. Đi đặng một ngày tròn, qua bữa sau, thỉnh linh trời nổi cơn dông bão, sóng cái nào cái nấy lớn hơn mái nhà, nhờ chiếc thuyền như cái hột vịt, anh em ai nấy đều phách lán hồn kinh, lật đật hối bạn bè hạ bớt buồm, và cứ nương theo xuôi lượn mà đi. Xảy thấy xa xa lộ dạng một cù lao, như trái núi cao vọi vọi nằm trên mặt nước, bèn cùng nhau gò lèo kéo lái, tính dựa dưới chân núi này kín gió mà đợi sóng vài ngày. Khi thuyền thả neo được rồi, xem lại hòn núi ấy đá trở kỳ khu, cây cỏ thụ ngàn năm chẳng chết, giữa ban trưa không một bóng người. Xem

mút mắt toàn là cỏ rậm, không nhà cửa chi hết. Trời còn gió lớn, anh em bàn tính phải đậu đó mà nghỉ sóng ít ngày, bèn xán neo chạy đổi, xít đậu gần trong bãi. Nhược Hư trong mình có một số bạc lớn, ý muốn mọc cánh bay về cho mau tới nhà, không dè bị trận dông to mà mắc kẹt lại đây, trong lòng bực bội nóng nảy. Rạng ngày trời dịu gió bèn rủ anh em đăng sơn thưởng cảnh. Ai nấy đều chối từ: « Một cái đảo hoang vu làm vậy, có chi vui mà đi cho mệt. » Nhược Hư cười nói: « Đi chơi cho tiêu khiển ngày giờ, chuyển vận thân thể, vui với không vui mà lại làm chi? » Lúc ấy trợn một thuyền đều say sóng, kiếm chỗ đi nằm. Nhược Hư một mình tay xách gậy trúc, mang theo một bầu nước, nhờ thủy thủ lập thế đưa mình lên bờ. Đi đến đứng bóng, phẫn dây vịn đá, Nhược Hư leo được đến chót núi, đứng ngó mong ra bốn phía, sóng bủa âm âm, lá cây vùn vụt, thật là hùng vĩ. Bất giác nhớ câu: (trong tuồng hát bội « Tiết Cương chống búa »):

« Lao xao sóng vỗ ngọn tùng,

« Gian nan là nợ, anh hùng phải vay.

Nhược Hư thầm nghĩ phải đến chốn này mới tìm thấy những câu xuất thần như vậy. Bỗng nhớ đến mình, thân như hạt bụi, tựa lá cỏ bay vèo, vụt sa nước mắt, nhớ cha nhớ mẹ thì đã không còn, rồi tưởng thăm lấy mình: « Thông minh học giỏi như ta làm vậy mà trợn một đời, mạng vận truân chuyên, gia nghiệp tiêu điều, một mình cô thân độc mộc, đến nay còn nổi trôi ngoài biển, may đặng bao nhiêu tiền bạc, song cũng chưa biết chắc có đặng hưởng cùng chăng, nay linh đình như chiếc bách giữa vôi, ngày nào chưa về tới nhà, tánh mạng còn dám chắc, sá kể chi là bạc với tiền? Nghĩ mình như lúc trước tay không chun rồi mà lại hạnh phúc hơn! » Nhược Hư sợ các anh em dưới thuyền trông đợi, bèn sửa soạn xuống núi.

Bỗng thấy trong lùm cỏ rậm chỗ mình đứng, một vật chi lù lù, chót mũi lòi ra rất lớn. Nhược Hư vạch cỏ bước đến xem thì là một cái xác bỏ không (cái mai) của một con qui hóa kiếp, lớn hơn cái chõng tre bán bì nem.¹ Nhược Hư cả kinh, quên hết việc anh em chờ đợi, đứng nói một mình: « Không dè đời nay mà còn sót lại một cái mai con qui của thời đại thái cổ, lúc Bàn Cổ sơ khai hay lúc đại hồng thủy trận của ông Noë! Dám chắc trong thiên hạ chưa ai từng thấy một vật quái lạ làm vậy. Nay dầu có về thuật lại, cũng chẳng có ai tin. Và ta đã có công vượt trùng dương đến được chốn này, bây giờ không có chi từ hải ngoại đem về thì cũng hoài công trời cho gặp của lạ mà không biết thụ hưởng. Vậy ta phải rán đem cái mai này về, đó là một vật thể gian hy hữu, vừa làm cho ta nổi danh, vừa để cho thiên hạ anh em trong xứ cùng thưởng thức, vừa cho bà con biết ta đã thật sự có đăng sơn quá hải, kéo bấy lâu thể gian thường nói người ở Tô châu nói năng không thiệt. Về mặt thực tế, nếu ta đem cái xác con qui này về được, ta sẽ cura hai nó ra làm hai vật thiên nhiên quý nhất trên đời:

- phần trên của nó, có dáng khum khum, ta sẽ lật ngửa nó ra, kê chân vững vàng thì ta sẽ có một cái bòn tằm « độc nhất vô nhị »;
- còn phía dưới bộ phận cái mai gọi cái yếm, đã bằng phẳng sẵn, tron láng tốt đẹp và lên nước bóng như ván gỗ, thì ta lật sấp nó lại, kê thêm bốn chân chắc chắn là ta sẽ có một bộ sập ngự « thiên hạ vô song ».

Tắm trong bồn nước mát Mai Qui, ngồi ngâm thơ trên bộ ván « mu rùa », hỏi còn ai hơn?

1. Tôi xuyết muốn nói: lớn hơn con rùa bằng đồng đội bia ở hồ nước nơi công trường Chấn sĩ.

Nhược Hư suy nghĩ tới đó thì mừng quính, lật đặt tháo sợi dây lưng, cột vào xác con qui, nối thêm một sợi dây mây cho dễ kéo, rồi hè hụi rán sức lỏi trì kéo tuốt cho đến xể chiều thì đã thấy dạng chiếc thuyền. Các thủy thủ vốn có cảm tình với Nhược Hư, chạy lên bờ phụ lực. Dưới thuyền ai nấy xem thấy bộ tịch Nhược Hư đều rộ lên cười mà nói rằng: « Văn tiên sanh (lúc này không dám coi rẻ Nhược Hư nữa vì đã có tiền) Văn tiên sanh kéo giống gì mà lui đi dữ vậy? » Nhược Hư đáp: « Các anh chưa rõ, đó là món hàng biển nhứt hạng của tôi đó! » Ai nấy xem lại thất kinh đồng la lên: « Cha chả! con qui gì mà lớn quá vậy cả? Anh kéo về làm chi vậy? » Nhược Hư nói: « Tôi thấy nó là một vật lạ hy hữu « Nhứt cổ nhì quái », nên tôi kéo về, nữa làm vật kỳ ngoạn. » Ai nấy đều cười: « Anh mới là người lạ. Hàng hóa có tiền không mua về bán, lại đem vật này về cho chật nhà. » Có người lại nói đùa: « Coi vậy mà cũng có chỗ dùng, làm thầy bói mà có cái mu rùa cỡ này thì bói ắt linh lắm. » Người khác còn bồi vào: « Nếu đem bán nó cho thầy thuốc nấu qui cao, thì cũng bằng mấy trăm cái mai qui nhỏ. » Nhược Hư nói giải hòa: « Hữu dụng hay là vô dụng, cũng chẳng cần chi. Chừng nữa tôi làm xong hai món ngoạn hảo thì các anh sẽ biết. Vả chẳng đó là một vật ít có, mà cũng chẳng tốn tiền mua, nhắm đem về mà chơi thì cũng không hại gì. » Nói rồi liền kêu một tên bạn, lên khiêng với mình đem xuống dưới thuyền. Không ngờ hồi còn trên bờ, đất rộng mình mỏng thì cái mai coi không lớn mấy, đến chừng khiêng được xuống thuyền, xem lại mới thấy nó kèn càng to lớn vô cùng, cũng may chiếc thuyền là loại đi biển, sức rộng thình thang nên mới dễ lọt, giá thử là loại thuyền thường thì ắt không chở được rồi. Nhưng các bạn hữu chưa chịu buông tha và còn theo gheo Nhược Hư mãi.

Một anh nói: « Bạn về này, có ai hỏi, nhớ nói Văn tiên sanh chuyên nghề buôn mai qui, lớn vốn lắm! » Nhược Hư không giận, trả lời cho xuôi chuyện: « Tôi để cho các anh cười. Dầu bề nào tôi cũng có chỗ dùng cái mai này. Tôi dám chắc nó không phải là « đồ bỏ » đâu. »

Ai cười mặc ai, Nhược Hư lui cui cầm cúi đi lấy nước rửa trong rửa ngoài, cọ mài o bế, lấy khăn khô lau nhẹ, chùi từ miếng vẩy lớn, miếng vẩy nhỏ, lòn tay móc bụi, rêu, đóng trong kẹt kẽ, những chỗ với không tới thì lấy cây nhọn khều nhẹ nhẹ, lại lấy dầu thắp dưới thuyền, dùng vải sạch chấm dầu rồi thoa sát cùng khắp, khi dầu khô rút hết vào cái mai, Nhược Hư lại dùng vải mịn đánh bóng, chùi nước nhứt thì cái mai lộ lộ những vân, những bông, trước không thấy vì bị bụi đóng lấp, chùi thêm nước nhì, tự nhiên cái mai thấy sáng sủa hơn trước, chùi qua nước thứ ba, tự nhiên dòm thấy mặt, mỗi vẩy chiếu rạng ngời như những mảnh gương đồng. Những ai đầu khó tánh cách mấy, lúc này thấy cái mai bóng lộn, có vân như đồi mồi, cũng phải nhìn nhận đó là một món ngoạn hảo lạ mắt. Xong rồi, Nhược Hư lấy hết đồ hành lý, bao nhiêu thập vật, mền gối, luôn cả gói bạc, tiền bán trái Động đình hồng, thu xếp gọn gàng vào cái mai này. Nhược Hư xin anh em được mở vải vụn, lấy đó làm ra nơi hai đầu cái mai, hai bức màn có đủ tông tụi, tua xanh đua đỏ, và sau bức màn, lại lấy dây mây ràng rịt khéo léo, trông như một cái rương da to, mở được hai bên. Nhược Hư cười lớn, với giọng thách đố: « Mấy anh thấy không? Chừng nào sẽ hay, chờ bây giờ trước mắt, tôi đã có một vật hữu dụng không ai có rồi đó. » Cả thuyền đều ngạc nhiên và phục tài Nhược Hư, vừa có mắt tinh đời, vừa có hoa tay, từ một vật vô dụng là cái mai con qui chết, biến thành một món vừa có duyên, vừa có ích, ai thấy cũng trầm trồ khen muốn. Cái

tài tình nhất của Nhược Hư là biết biến cái mai qui thành cái rương mà không dùng một cái chốt, một cây đinh nào, chỉ ràng dây cho chắc mà thôi, vì Nhược Hư biết dư rằng điều tối kỵ của khoa chơi cờ ngoạn là được một món nào lạ mắt, không biết gìn giữ hình thể của nó cho trọn vẹn, lại đi canh cái, biến chế, đã không ai khen lại tự nhiên làm giảm giá trị của nó một cách bất ngờ.

Đêm ấy cả thuyền đều thức khuya, anh em nghị luận lằng xằng, kẻ nói vậy, người nói khác. Bữa sau trời quang đãng, sóng êm gió thuận. Anh em đồng ý cho thủy thủ nhỏ neo, trương hết buồm, chạy riết không kể đêm ngày, chẳng bao lâu đã về tới tỉnh thành Phước kiến. Thuyền vừa cập bến, anh em hỏi nhau lên bờ, đưa nhau đến một hiệu buôn lớn mà chủ nhân là người nước Ba tư, tên Cố mã Bửu Hạp. Đó là đầu nậu lớn nhất trong vùng đất Mãn, chuyên bán hàng lụa từ xứ luôn và châu báu, ngoạn vật vạn quốc. Cố mã Bửu Hạp ở Trung hoa lâu năm, nên nói được tiếng địa phương thành thạo, hết như người bản xứ, duy khác một điều là tóc quấn râu rậm bó hàm, mũi quặp như mỏ kéc, — trông người ham tiền và chỉ biết có tiền, — thêm cặp mắt sâu hoắm, tròng trắng nhiều hơn tròng đen, — một đặc điểm khác của giống dị quốc, thấy ai có hơi đồng thì bám sát, hút sao cho khô cạn mới buông tha. Nay hay tin có khách đi biển mang hàng hóa từ phương xa đến, nên Bửu Hạp, theo thông tục đã lập từ trước, sai bày một tiệc vĩ vèo rồi mới ra tiếp khách. Chào hỏi vừa rồi, chủ nhân mời quan khách bước sang đại sảnh đường. Bửu Hạp xứng danh giàu có muôn hộ, nhà tòa ngang dãy dọc, ngăn nắp đếm không hết, chỗ nào cũng trần thiết trang hoàng, chưng bày lịch sự, không thiếu món gì, xem đủ ngợp người. Nơi giữa đại sảnh đường, có dọn một bàn lớn và dài, sơn trần hải vị rượu ngon thịt béo, dưa

ngà chén kiêu, ngọc sốt mắt. Mấy anh em dưới thuyền, tới lui giao thiệp vài lần nên đã là người quen thuộc đối với chủ nhân, duy Nhược Hư là khách mới chưa từng quen nhau. Trước khi nhập tiệc, Bửu Hạp, miệng cười như hoa nở, nói rằng: « Đây là một bữa tiệc xoàng không kịp sắp đặt, đề cho quý vị tầy trần và cũng để cho tôi ra mắt; vậy xin liệt vị cho tôi xem toa hàng hóa đề tiên xếp chỗ ngồi (Viết đến đây, tôi mới nhớ lại đã quên nói một điều then chốt, thành ra câu chuyện khó hiểu. Số là Bửu Hạp tuy ở Trung hoa lâu năm nhưng vẫn giữ tục lệ Ba tư, lấy lợi làm trọng, chữ Lễ đi sau, cho nên khi tiếp khách buôn thì cứ chiếu theo toa hàng hóa mà phân ngôi thượng hạ, người nào có hàng quý giá thì ngồi trên, người nào ít hàng thì ngồi dưới, bất chấp tuổi tác và địa vị ngôi thứ trong xã hội.) Lúc ấy nội bọn dưới thuyền, kẻ hàng nhiều người hàng ít đều theo thứ lớp có chỗ ngồi yên, duy một mình Nhược Hư đứng tần ngần trong xó hóc lấy làm khó chịu. Chủ nhân thấy hỏi: « Còn ông này, tôi chưa biết mặt, có phải là ông lái mới đi kỳ này hay chăng? » Trương Đại đỡ lời: « Ấy là một người bạn hữu của anh em chúng tôi, đi theo ra biển mà chơi, trong mình nhiều bạc, song chẳng mua đặng hàng chi, vậy xin đề ngồi nơi tiệc chót cũng được. » Nhược Hư lấy làm hổ thẹn, song cũng dẫn lòng ngồi xuống nơi ghế chót. Lúc đang yển ả, rượu vào, kẻ khoe mình có miêu nhi nhãn (ngọc mắt mèo), người có kim cương, người này có cầm thạch huyết tằm, người nọ có mã não ngũ sắc, hết nói chuyện châu báu day qua nói hàng lụa gấm vóc. Nhược Hư ngồi làm thinh chịu trận ăn chấm chút gọi là, và thầm nghĩ mới biết có nhiều khi ở nhà ăn cơm húp nước mắt mà thú vị sướng khoái hơn ăn khô lân chả phụng giữa đám người không hợp ý.

Nhược Hư không có chuyện hay đề nói với người đồng

tiệc đồng bàn thì trong khi ngồi ăn cũng phải kiếm chuyện nói thắm đủ mình nghe. Nhược Hư tự nhủ : « Phải dè làm vậy, hôm trước nghe lời bọn họ mua một mớ hàng lụa đem về thì không như hôm nay, trong mình chấp thủ hơn mấy trăm lượng bạc, mà ngồi cầm lái. » Rồi lại tự trách : « Nhược Hư, sao mi không biết tự túc? Vậy chớ như mấy tháng trước, tay không chùn rồi, một đồng một chữ cũng không, thì lại sao? Mi quả là một thằng không biết an phận tùy duyên. » Nhược Hư nhớ những câu hát thuở nay thường hát mà hôm nay mới hiểu thêm ý nghĩa thâm trầm :

1. *« Cẩn răng cười, cười cũng khó khăn,
« Ôm bụng chịu, chịu càng vui sướng? »*

2. *« Đố ai biết mỗ là ai?
« Người trong vũ trụ, hay ngoài trần gian?? »*

Nhược Hư những mắng nghĩ tới nghĩ lui mà quên gặp thức ăn, trong khi rượu hùng chí, bọn kia càng to giọng. Người chủ liếc thấy, trong lòng hiểu hết, song chẳng nói ra, nhưng cũng khuyên mời ít tiếng. Mãn tiệc, anh em từ tạ gia chủ, diu dặt đờ nhau xuống thuyền vì ai nấy đều ngà ngà say. Trên nhà, chủ cũng khiến triệt hết cỗ bàn rồi lo đi nghỉ.

Sáng qua bữa sau, Cỗ mã Bửu Hạp thức dậy sớm, đi xuống bến thuyền để thăm đáp lễ các lái. Vừa bước vào trong mũi thuyền, Bửu Hạp bỗng thấy một vật, thất kinh hồn vía, la khan : « Cha chả? Món hàng rất quý báu này là của vị nào? Sao hôm qua nơi tiệc, tôi chưa hề nghe nói, hoặc thấy khai viết trong hóa đơn? Hoặc ý không muốn bán hay sao? » Ai nấy đều cười rộ, và đồng hùa theo, nói chọc để ghẹo Nhược Hư : « Xin hỏi người bạn hữu tôi đây thì biết. Đã đi nhiều nơi rồi, nhưng món hàng còn kén

khách, chưa ai mua nổi? Đó là món hàng ối (ế) vậy? » Nhưng Bửu Hạp không chịu hiểu đó là những lời pha lũng đẽ cợt đùa. Bửu Hạp đến ngay mặt Nhược Hư, vói một vái rồi day qua trách mấy người kia, và mặt có hơi giận : « Tôi với các người quen lớn đã từ lâu, sao còn gạt gẫm nhau chi vậy? Làm cho tôi mang lỗi với người bạn mới và hôm qua để cho người ngồi tiệc chót là nghĩa gì? »

Nói dứt lời, liền bước lại nắm tay Nhược Hư mà nói với mấy người kia rằng : « Xin hãy khoan cất hàng lên đã. Để cho tôi tạ tội với người bạn mới trước đã. » Ai nấy đều lấy làm lạ, không hiểu vì sao, duy có mấy người bạn bấy lâu thân thiết với Nhược Hư đều có ý mừng thầm cho bạn mình, tưởng chắc cũng có duyên cớ chi đây cho nên Bửu Hạp mới có những cử chỉ lạ lùng như vậy. Rồi đồng hè có hơn mười mấy người kéo nhau tuốt lên tiệm mà coi cho biết. Khi Bửu Hạp dắt Nhược Hư lên tới nhà rồi, liền bồn thân nhắc ghế mời ngồi, và chẳng thềm ngó ngang đếm xỉa tới ai, cứ ân cần mời Nhược Hư lên ngồi bực nhứt và nói rằng : « Thiệt hôm qua tôi lỗi quá, xin hãy ngồi đây cho tôi tạ tội. » Làm lễ rồi, Bửu Hạp quày quã vào trong. Nhược Hư ngoài này, thầm nghĩ : « Hay là trời cho mình cái vô con qui ấy, là một bửu bối thiệt? » Còn đang suy nghĩ thì thấy chủ nhân lảng cẳng chạy ra, chuyển này bện đồ đại lễ, mời hết mấy người có mặt qua bên nhà tiệc, nơi đây đã bày sẵn mấy cỗ bàn, lại có một cỗ nhứt lớn hơn hết, rất là thịnh soạn, tề chỉnh. Bửu Hạp chấp tay xá Nhược Hư một xá, rồi day lại nói với mấy người kia rằng : « Ông bạn mới này đáng để ngồi tiệc thứ nhứt, mấy anh có hàng hóa đầy khảm một thuyền mà giá trị không bằng của ông một món. Hôm qua tôi không biết nên đã thất lễ với ông. Nay phải mời lên mà tạ tội. » Ai nấy đều lấy làm lạ, bán tín bán nghi, chẳng ai hiểu rõ. Rượu dâng vài tuần, chủ

khách đến hỏi cỏi mở, Bửu Hạp bèn hỏi Nhược Hư rằng : « Tôi xin hỏi khách trưởng chẳng hay cái bửu bối ấy có bán cùng chẳng ? » Nhược Hư là người lanh trí, nên thuận miệng đáp rằng : « Xin cho đặng giá thì lẽ nào tôi không bán. » Bửu Hạp nghe nói bằng lòng bán thì tỏ vẻ mừng rỡ đứng dậy nói rằng : « Nếu ông chịu bán thì xin nói giá, bao nhiêu tôi cũng chẳng dám nài. » Lúc ấy, Nhược Hư thật tình không biết bao nhiêu mà nói, — nếu nói ít thì e không nhằm giá, uổng ; bằng nói nhiều thì lại sợ chúng nhạo cười, suy nghĩ du dự mãi mà không ra giá. Trương Đại thấy vậy, lấy mắt láy Nhược Hư rồi để bàn tay trên bàn, co lại ba ngón, ngay ra hai ngón, ý muốn nói : « Đòi chừng bấy nhiêu thử coi. » Nhược Hư lắc đầu rồi đưa ra một ngón mà nói nhỏ nhỏ đủ Trương Đại nghe : « Chừng bấy nhiêu đây mà tôi còn chưa dám mở miệng thay ». Bửu Hạp ngó thấy bèn thúc giục : « Nhiều ít xin cứ nói, đừng ngại ngừng làm chi. » Trương Đại nhay miệng vùng nói đại : « Ý theo ngón tay của Văn tiên sanh đó, không biết có phải *muốn đòi một muốn chẳng ?* » Nhưng Bửu Hạp vùng cười lớn mà rằng : « Ấy chẳng qua là ý không muốn bán nên nói đề giả ngộ mà chơi, chớ có lý nào vật báu như thế mà đòi có bấy nhiêu. » Thiệt là bắc cầu cho kiến nó leo ! Ai nấy thấy và nghe làm vậy đều sững sốt liền đứng dậy kéo Nhược Hư ra ngoài mà thương nghị rằng : « Đây là cửa trời cho, cơ hội ngàn năm một thuở. Có khi giá còn cao nhiều hơn nữa, song bọn ta cũng không biết bao nhiêu mà định cho vừa, vậy thì Văn tiên sanh hãy nói lún cho nhiều nhiều đi, thử coi va trả bao nhiêu sẽ biết. » Nhược Hư gật đầu. Chừng trở vào ngòai tiệc, thì lại ngại ngừng, muốn mở lời rồi lại nín. Bửu Hạp nói : « Ông cứ nói đi, có can chi mà ngại. » Nhược Hư không biết làm sao bèn nói liều là năm muôn lượng. Bửu Hạp lắc đầu, nói : « Tội thì thôi, cứ nói giểu

vời tôi hoài. » Vừa nói vừa kéo Trương Đại ra ngoài mà hỏi nhỏ rằng : « Anh thuở nay là tay thường vượt biển bán buôn, chớ không phải một hai phen chi đó, thiên hạ đều gọi anh là Trương Thừa Vận mà cũng là Trương Thức Ngọc, anh há đi không biết vật ấy hay sao ? Nếu không muốn bán thì thôi, để mà trêu cợt với nhau chi vậy ? » Trương Đại bèn thú thật rằng : « Hai đảng cũng đều là anh em, vậy tôi xin nói thiệt và chẳng giấu chi anh nữa : Nguyên Nhược Hư là người bạn hữu của tôi, đi theo ra biển mà chơi, nên chẳng có đem theo hàng hóa chi cả. Còn cái vật ấy như lúc đục sóng nơi chỗ hòn hoang kia, ngẫu nhiên mà đặng, chớ không phải xuất vốn mà mua, cho nên không biết giá tiền, nếu quả đặng *NĂM MUỐN lượng* bạc ròng cho va, thì giàu sang trọn cả đời, như vậy cũng là mãn nguyện cho ảnh lắm rồi. » Bửu Hạp cả mừng, nói : « Nếu thiệt vậy thì xin anh đứng làm bảo lãnh, tôi sẽ hậu tạ phần anh, duy có một điều, đã là quân tử, xin đừng nói đi nói lại. »

Liền kêu tên quản gia sai đem viết mực ra, lại lấy hai tờ giấy tin chỉ trao cho Trương Đại mà rằng : « Xin nhờ anh chịu phiền viết giùm tờ hiệp đồng, cho chánh thức việc mua bán. » Trương Đại bèn chỉ một người trong tiệc mà nói : « Tôi xin giới thiệu người này tên là Chử Trung Đĩnh, ảnh viết chữ tốt lắm, vậy thì để ảnh viết giùm cho. » Vừa nói vừa lấy bút trao cho Trung Đĩnh. Trung Đĩnh tiếp nhận bút, mài mực, trải giấy lên bàn, hươi bút thảo một hơi tờ như sau :

« Vì lập tờ hiệp đồng nghị đơn, Trương Thừa Vận đặng :

« Nay có người khách ở Tô Châu, tên là Văn Thiệt, ở hải ngoại đem về một cái xác con qui, đến tiệm người Ba tư là Cổ mã Bửu Hạp mà bán. Cổ mã Bửu Hạp đành mua giá bạc là *năm muốn lượng* ; định hễ lập tờ này rồi, thì

« một đàng giao hàng, một đàng giao bạc, chẳng ai dặng
« nói đi nói lại. Làm ra hai bản như nhau, để cầm làm chắc. »

Tờ mua bán làm ra hai bản xong rồi, phía sau thì đề ngày... tháng... năm... niên hiệu Đại Minh Thành Hóa, kẻ đó viết tên Trương Thừa Vận đứng đầu làm chứng, mười người kia cũng đều biên tên họ đứng vào. Chử Trung Đĩnh đứng tên làm người viết tờ, nơi chính giữa đề bốn chữ « *Hiệp đồng nghị ước.* » Sau rốt mới viết tên chủ bán là Văn Thiệt, chủ mua Cổ mã Bửu Hạp. Mỗi người đều ký tên vào. Đến phiên Trương Thừa Vận, vừa cầm bút vừa nói : « Việc mua bán này không có tôi thì không xong ; vậy nếu muốn cho tôi ký tên vào tờ thì phải tính tiền trà bánh ! » Bửu Hạp cười mà rằng : « Tôi chẳng quên ơn anh đâu, xin anh chớ lo. » Ai nấy ký tên xong rồi, Bửu Hạp vào trong đăm ra một rương bạc mà nói rằng : « Đề tôi đền ơn cho mấy người đứng tên làm chứng trước đã, rồi tôi sẽ nói chuyện. » Vừa nói vừa mở rương chắt ra hai mươi bao bạc, mỗi bao là năm mươi lượng, cộng hết là một ngàn lượng, rồi nói với Trương Thừa Vận rằng : « Xin anh thâu lấy rồi chia làm sao cho liệt vị đó thì chia. »

Nguyên từ khi uống rượu và viết tờ hiệp đồng, thì ai nấy cũng lơ là chưa tin cho lắm. Đến chừng thấy đăm bạc ra đền ơn cho mấy người đứng giấy, chừng ấy họ mới tin rằng thật. Còn Nhược Hư thì sững sờ như trong giấc chiêm bao, mắc mừng quýnh quýnh nên nói chi không dặng, cứ đứng trân mà ngó. Trương Đại vùng nắm tay mà giựt mạnh một cái và hỏi rằng : « Những bạc này phải chia làm sao đây ? Văn huynh hãy tính giùm một chút. » Chừng ấy Nhược Hư mới tỉnh hồn và nói dặng một câu : « Đề xong việc rồi tôi sẽ tính cho. » Còn đang chuyện vẫn bỗng thấy Bửu Hạp bước ra vừa cười vừa nói với Nhược Hư : « Tôi có một việc muốn bàn với ông. Vả chẳng bạc tôi

đã hiện sẵn trong kho đây, đã đếm rồi kỹ lưỡng, thuở nay không sai chạy đồng nào. Vậy xin mời một vài vị, bước theo tôi vào kho trong, đếm thử một bao thì biết, còn kỳ dư mấy bao kia cũng đều y số, chẳng cần chi phải đếm cho thất công thêm mất ngày giờ. Tôi còn một điều này phải nói nữa : số là bạc thì nhiều, không lẽ chuyển vận một lần cho xuể. Phần thì Văn khách quan đơn thân, cũng không lẽ chở hết xuống thuyền một lần, lại còn phải vượt biển đường xa, thật là có nhiều điều bất tiện. » Nhược Hư nghe nói gật đầu lia lia mà rằng : « Lời ông nói rất phải, song tôi cũng chẳng biết liệu làm sao bây giờ. » Bửu Hạp mới nói : « Hiện bây giờ đây thì Văn khách quan đi về xứ chưa tiện. Nguyên tôi còn một hăng riêng nữa, trong ấy hàng hóa lựa là tích trữ vốn liếng của nổi tính hơn ba ngàn lượng, còn trước sau lớn nhỏ nhà lầu phố xá hơn một trăm căn, của chìm ấy tôi đánh giá hai ngàn lượng thôi, thật là một chỗ đại địa, ở cách đây chừng nửa dặm đường, nay tôi tính làm tờ giao hết nhà cửa phố xá và hàng hóa nội sở ấy, định giá cả thảy là năm ngàn lượng, giao lại cho Văn khách quan trọn quyền làm chủ, và ở đó luôn lo việc buôn bán, rồi tiền bạc bao nhiêu sẽ đem hết qui tụ về đó. Như ngày sau Văn khách quan có muốn về thăm xứ sở, thì sắp đặt đâu đó cho yên, phú thác cho người tâm phúc nào đó, một mình thông thả qua lại chẳng là tiện hơn, chớ nay nếu tôi giao bạc này hết cho khách quan thì chẳng khó chi, còn khách quan mà thâu trữ chở chuyển thì thiệt là khó lắm đó. Ý tôi như vậy, song chẳng biết ý khách quan như hà ? » Lúc ấy Nhược Hư và Trương Đại nghe nói thì vỗ tay mà khen rằng : « Quả nhiên ông chủ thiệt là người chín chắn, và những lời ông nói đều là lời vàng ngọc, hữu lý tất cả. » Nhược Hư trong bụng lại nghĩ thầm : « Vả ta nhà tại Tô Châu, vợ con không có, còn sự nghiệp ông bà cũng chẳng

còn, dẫu nay chở hết bạc này mà về thì cũng không biết cất giữ nơi nào, chi bằng nghe theo lời ông này mà lập gia sự tại đây, thì cũng tốt vậy. Nay mà đặng cơ hội như vậy, âu cũng tại nơi trời sở định, vậy ta phải biết tùy theo duyên phận mà làm, dẫu cho hàng hóa phổ phượng sản vật cơ sở ấy mà không đáng giá năm ngàn đi nữa, ta cũng nên mua, ấy là của trời cho, cũng chẳng nên nài hà chi cho lâu việc.» Nghĩ như vậy rồi, Nhược Hư bèn nói với Bửu Hạp rằng: «Những lời ông nói nãy giờ thiệt là kế vạn toàn cho tôi đó, lẽ nào tôi lại chẳng nghe.» Bửu Hạp liền mời Nhược Hư, Trương Đại và Chử Trung Đĩnh ba người vào kho mà coi bạc. Còn lại mấy người kia ngồi lại đó mà to nhỏ cùng nhau rằng: «Ấy thiệt là trời cho. Biết vậy lúc đụt sóng nơi hải đảo, chúng ta cũng lên đó mà chơi, có lẽ cũng đặng châu báu gì, có phải là đồ không?» Kẻ khác lại nói: «Trời cho ai nấy nhờ, muốn mà đặng sao?» Mảng còn nghị luận lằng xằng, xảy thấy ba người kia dắt nhau trở ra, ai nấy đều hỏi thăm: «Vào trong ấy, việc đã xong chưa?» Trương Đại trả lời: «Trong ấy là cái kho chứa bạc. Thiệt thấy mà mê! Mà khóp! Thấy đều đựng trong rương sắt và hộp gỗ trắc. Chúng tôi đã đếm đủ bốn muôn năm ngàn lượng, đã lấy ký hiệu của Văn huynh, và niêm phong lại kỹ. Đề giao hàng xong rồi thì số bạc ấy là của Văn huynh đó.» Một lát sau Bửu Hạp cầm giấy đem ra và nói rằng: «Nhà cửa hàng hóa nhứt nhứt tôi đã làm chung vào giấy này, tính với số bạc hiện đã đếm là đủ năm muôn lượng, vậy xin các ông cùng đi với tôi xuống thuyền đặng cho tôi lấy hàng.» Ai nấy đều vâng lời đứng dậy đi theo xuống thuyền. Nhược Hư là người kỹ cang, dặn mấy người kia rằng: «Dưới thuyền còn nhiều người lắm, xin mấy anh kín miệng, tôi sẽ hậu tạ mấy anh.» Đại phàm đồng tiền là huyết mạch, mấy người này cũng

sợ bọn kia biết đặng thì sẽ chia bớt số tiền của Bửu Hạp mới tặng, cho nên ai ai cũng đồng tình giấu nhem. Khi xuống đến thuyền, Nhược Hư thò tay vào vỏ con qui, lấy hết đồ hành lý và đồ tế nhuyễn của mình ra lại lấy tay xoa xoa vào cái mai đôi ba lượt, ý như từ già và bịn rịn: «May cho tôi quá! Cám ơn trời phật! Hảo vật! Đại hảo vật!» Cổ mã Bửu Hạp dắt theo hai người bạn trai lực lượng xuống khiêng cái xác con qui lên bờ và căn dặn kỹ lưỡng: «Đem lên nhà, để tuốt trong phòng cho tử tế, đừng để ở ngoài nghe không?» Mấy người dưới thuyền, không có theo Nhược Hư lên nhà Bửu Hạp, không biết chuyện, nay thấy khiêng cái mai qui đi rồi, vẫn còn ngạo: «Chà! Món hàng ổi ấy nay đã bán được rồi, Văn tiên sanh cũng là rảnh nợ, nhưng không biết bán đặng mấy quan?» Nhược Hư không trả lời, lấy đồ hành lý của mình đi thẳng lên bờ, còn mười người có đứng tên trong tờ mua bán thì xúm nhau lại rờ râm xác qui từ đầu chí đuôi, lại thò tay vào trong nó mà mò một hồi rồi nói rằng: «Không biết qui tại chỗ nào.»

Bửu Hạp mời mười người chứng kiến việc mua bán trở lên tiệm buôn rồi nói rằng: «Bây giờ tôi xin mời mấy ông hãy đi với tôi, đặng đưa đường cho Văn khách quan đi xem nhà cửa phố xá bán.»

Ai nấy đều theo sau Bửu Hạp đi đến một chỗ ở trung tâm châu thành, thì thấy một cơ sở rộng rãi, phía trước có xây hai dãy phố đối diện giữa có chừa một con đường lót gạch vuông lớn miếng khá rộng đưa thẳng vào trong có một ngôi nhà lớn trước ngõ có treo tấm biển chữ vàng «Thông hiệp đường» hai bên cột cửa bằng gỗ danh mộc chạm trổ công phu có hai câu liễn sơn son mạ vàng:

Thông thương sơn hải,

Hiệp quán càn khôn.

Nơi hai dãy phố mặt tiền là phố buôn bán, chừa nhiều

lua hàng nhiều gấm còn phía sau nhà lớn thì phòng ốc lầu các sáng sủa và mát mẻ. Nhược Hư xem kỹ khắp nơi, trong lòng mừng rỡ : « Minh được chỗ này mà ở, thì dầu cho dinh thự các vị vương hầu cũng không hơn đặng ; huống chi lại có phố xá, cái thì cho mượn lấy hoa lợi, cái thì làm chỗ bán buôn, nữa đây tiền lời sanh ra mình làm gì cho hết. Đã đành ở đây vĩnh viễn, còn ước ao về xứ mà làm gì ? » Nghĩ rồi bèn nói với Bửu Hạp : « Ông chủ nhường lại tôi chỗ này tốt thiệt và vừa ý tôi lắm. Ngặt hiện nay tôi cô độc một mình, biết làm sao cho có người đề sai khiến. » Bửu Hạp tươi cười nói rằng : « Việc ấy có khó chi, thầy đều do nơi tôi đây. »

Nhược Hư càng mừng, bèn hiệp nhau trở về tiệm buôn lớn của Bửu Hạp. Chủ nhân hỏi trẻ đăm trà ra giải khát rồi bàn với Nhược Hư : « Đem nay tôi trông tiên sanh khỏi cần xuống thuyền, hãy ở lại mà nghỉ ngơi nơi nhà tôi, để rồi tôi sẽ cắt người tin cậy qua giúp tiên sanh nơi cơ sở mới, sau rồi nếu cần dùng sẽ tuyển dụng thêm cho vừa lòng. » Nhược Hư cảm tạ chẳng cùng.

Nhưng mười người kia vẫn chưa chịu về thuyền và còn nán lại mà hỏi Bửu Hạp rằng : « Việc mua bán đã kể như thành tựu, không còn nói chi nữa, duy có một điều chúng tôi còn muốn biết là chẳng hay cái xác con qui già đã rũ xương ấy, quý tại chỗ nào mà chủ nhân mua mất lung lắm vậy, xin cắt nghĩa cho anh em tôi biết với. »

Bửu Hạp vuốt râu hùm, cười mà rằng : « Mấy ông đi biển đi già đã lâu năm, nắng sam cháy da, gió khơi toét mắt, mà không rõ giá trị của vật báu trên đời này thì cũng phi lịch duyệt. Vậy chớ mấy ông không nghe trong sách xưa nói « *rồng để chín con* » hay sao ? Mỗi lần sanh, trong bầy rồng con, thế nào cũng có một con khác thường, sách gọi nó là *qui long*. Qui long lúc nhỏ, nếu bắt được, lấy da

bịt trống, khi đánh tiếng kêu nghe xa trên trăm dặm, và gọi đó là *qui cổ*. Một con qui long sống đặng muôn tuổi thì sẽ hóa rồng mà bay đi, bỏ cái xác qui lại. Trong mỗi con qui thiên niên thọ ấy có hai mươi bốn cái gân lớn, án theo nhị thập tứ khí trên thiên tượng ; khi già, trong mỗi cái gân có sanh một trái trân châu lớn. Nếu lúc gân mọc chưa đủ sức, thì qui chưa thoát xác thành rồng. Lúc này, nếu ai có phước bắt sống đặng nó thì chỉ lấy da bịt mặt trống, chớ lúc ấy trong gân nó chưa có trái châu. Phải đợi khi nào hai mươi bốn cái gân mọc đủ, mỗi gân đều có trái châu, thì chừng ấy, như đã nói, qui sẽ bỏ xác biến thành rồng mà bay lên vũ trụ. Ấy là sự thiên nhiên mầu nhiệm của tạo hóa, không phải là dị đoan đâu. Một con qui, khi số đã đúng với luật trời đất, gân cốt đều đủ, sánh với qui tầm thường người ta bắt sống đặng nó, thọ số còn non, thì khác nhau như trời với vực. Con qui thoát xác này lớn lung như vậy là một vật báu thế gian hy hữu. » Bửu Hạp nói thao thao bất tuyệt : « Phàm làm người, hơn nhau là ở chỗ đa văn quảng kiến, chớ địa vị, giàu sang, sánh lại cũng tầm thường. Người này khoe nhà cao cửa rộng, ngựa tuấn mã, phụng tán, long xa, mình có một, người ta có bằng mười. Duy bửu vật, bửu bối, là duyên may trời cho ai nấy gặp. Tôi nhờ đọc sách nhiều, nên biết rõ đến việc con qui này thoát xác đã bao nhiêu năm, chớ nếu cái mai đã mục rã thì sự linh nghiệm cũng bớt đi rất nhiều. Còn nói đến những trái châu ẩn tàng trong xác nó thì, ối thôi, quý báu vô ngần. Ông Văn Nhược Hư gặp cái mai, mà chỉ là một nhà biết chơi cờ ngoạn, có óc tồn cổ, nên không dám động đến nó. Như vậy cũng phải, vì ít nữa ông không làm hư vật quý. Duy tôi là tay buôn ngọc lịch duyệt thì có khác : nay cái mai đã về tay, tôi mới nói ra. Mỗi hột châu là một vật báu vô giá. Không nói việc ban đêm nó chiếu sáng phi

thường, đó là một phương diện mà nhiều người biết, đến nhi nữ cũng trông. Máy ai biết cái đẹp bề trong của trân châu, cầm chơi mát tay, nên mới có danh từ « ngoạ ngọc », đeo vào mình thì trọn đời vô bệnh, dưỡng tâm hộ mạng. Nói về hộ mạng, nhiều người không tin, nhưng tôi không dám dài dòng sợ lạc đề, duy dám hỏi, bao nhiêu ấy há lấy tiền mà mua được?? Một lần nữa tôi xin nói: nếu nay cái mai qui này lọt về tay tôi, ấy là phước trời dành trước, ấy là đại hồng phúc của tôi đó.»

Ai nấy nghe vậy, đều bán tin bán nghi, Bửu Hạp trở vô trong giấy lát trở ra, tay cầm một gói cộm cộm bọc lụa đỏ. Bửu Hạp vừa cười vừa mở gói đưa cho xem thì rõ ràng một bột da mình châu, lớn bằng đầu ngón tay cái, trong vắt như hạt sương ban mai nhưng lớn hơn bá hội, lóng lánh hào quang, nhưng chưa trau giồi, dường như hạt bắp thật lớn ai vừa mới tách ra khỏi cùi.

Bửu Hạp nói tiếp: « Tôi cảm ơn liệt vị phen này đem đến tận nhà, cho tôi một món hàng hãn hữu. Nội trái châu này, tôi đem về xứ tôi, mấy ông hoàng bà chúa xứ tôi thấy và nài thì đủ tôi lấy vốn một lần một. Huống hồ tôi còn những hai mươi ba hạt châu khác, đó là lãi đó. Chà chà! Mấy hạt ở ngay giữa xương sống nó sẽ lớn hơn thế nào? Cho nên khi tôi mua với giá ấy, một eái xác khò của một con qui đã rũ, chắc có người đã cho tôi là ngu xuẩn nếu không nói là điên cuồng. Nhưng thần nhãn hay ngọc nhãn, không phải mỗi người mỗi có! Một lần nữa, tôi mua được cái mai qui này với số bạc nọ, cũng như liệt vị đam dăng không cho tôi đó mà. Quý vật tìm qui hơn là vậy đó.»

Ai nấy nghe nói đều thất kinh le lưỡi, nhưng giấy tờ đã ký, không lẽ nói đi nói lại. Bửu Hạp coi bộ ai nấy đều

có ý ăn năn, liền cầm trái châu đem vào trong cát, rồi hối bạn khiêng ra một rương đầy gấm vóc. Trừ Nhược Hư ra, Bửu Hạp tặng cho mỗi người hai xấp và nói: « Xin liệt vị dùng đồ vật này về may y phục mặc chơi cho rõ tình nhau ». Lại lấy trong túi trao cho mỗi người một xâu hạt châu nhỏ hột, mà rằng: « Vật hèn chút đỉnh, không chi cũng là kỷ niệm buổi gặp gỡ này ». Rồi lại lấy bốn chuỗi hạt châu trọng hơn và tám cây gấm thượng hạng hai tay dâng cho Nhược Hư mà rằng: « Đây là phần của tiên sanh, xin thâu nhận cho tôi vui lòng ». Nhược Hư và mấy anh em thấy đều vui vẻ tạ ơn. Kế đó Bửu Hạp hiệp với mấy người kia đưa Nhược Hư về nhà mới, gọi hết mấy người ở phố ra rồi chỉ Nhược Hư mà nói với mấy người ấy rằng: « Nay cơ sở này đã về phần ông này làm chủ, chia khóa tôi đã giao rồi, từ đây có việc chi xin cứ nơi ông mà tính toán thương lượng. » Nói rồi từ biệt mà trở về tiệm của mình.

Đến trưa Nhược Hư thấy có hơn vài mươi tên bạn, khiêng đến mười rương lớn và năm hộp nhỏ, đều là rương và hộp bạc có ký hiệu riêng của mình đã niêm phong hôm trước. Nhược Hư liền đem đâm thẳng vào chỗ ngọa phòng là nơi chắc chắn mà để, rồi lấy tiền ra thưởng và cho mấy tên bạn ấy về.

Việc xong rồi, Nhược Hư cầm mấy anh em ở lại, dọn một tiệc sang trọng để từ biệt nhau, Nhược Hư đứng dậy, cầm chén rượu, cảm động mà rằng: « Tôi nhờ ơn liệt vị đem tôi theo, nên mới đăng giàu sang một cách bất ngờ làm vậy. Thiệt là ơn rất lớn. » Nói rồi liền chạy vào trong, xách hết gói bạc, tiền bán trái Động đình hồng hôm trước (lúc này trong tay có muôn hộ nên số bạc này có nghĩa lý gì!) Nhược Hư đem ra chia đồng đều và phân phát hết cho mấy anh em có mặt, duy Trương Đại và một vài người trước có giúp đỡ cho Nhược Hư những khi quá túng bần

thì được nhiều hơn. Nhược Hư cười và nói : « Xin các anh em đừng chê số tiền ty tiểu này, vì tôi muốn chia cái hên của tôi đó. » Nhược Hư lại lấy ra một gói bạc độ gần một trăm lượng, trao cho Trương Đại nhờ phân phát lại cho những anh em còn ở dưới thuyền và các thủy thủ. Nhược Hư nói : « Nay tôi đã toại chí nam nhi, nên định ở lại đây gây dựng qui mô, chừng an bài đầu đó, tôi sẽ về thăm xứ sở và vui vầy với các anh em một chuyến. Xin các anh em nói lại với chư huynh đệ dưới thuyền rằng Nhược Hư xin từ biệt và hẹn ngày tái ngộ. » Bổng Trương Đại sực nhớ lại nên hỏi : « Còn một ngàn lượng bạc của ông chủ tiệm cho, Văn huynh định chia ra làm sao? » Nhược Hư đáp : « Chút nữa tôi đã quên mất rồi. Vậy thì anh phải lấy ra một trăm lượng phân chia cho các anh em dưới thuyền; còn lại chín trăm lượng thì về phần các anh em có mặt tại đây. Ngoài ra tôi có hai phần nữa dành riêng cho anh Trương Đại về công anh bảo lãnh và anh Chử Trung Đĩnh công khó viết tờ hiệp đồng. » Ai nấy mừng vui không xiết. Lúc ấy có một người bước ra hỏi : « Lão chủ tiệm Ba tư mà mua đặng vật ấy thiệt là phước đức ông bà để lại. Va nói va lời bạc muôn bạc triệu, anh em mình không có con mắt. Sao Văn tiên sanh không hỏi va mà nài thêm? » Nhược Hư trả lời rằng : « Ở đời không nên quá tham lam và phải biết tự túc. Vả chẳng tôi là một tay đảo vận, rờ gì hư nấy, đi buôn buôn lỗ, đi dạy học cũng bị chê dè, không một nghề nên thân; nay nhờ phước của trời cho, khi không khi không mà đặng giàu sang làm ông bá hộ. thì cũng đã mãn nguyện bình sanh chi chi lắm rồi, còn đòi chi nữa? Bao nhiêu ấy đủ thấy con người ở đời đều có phận định từ trước, cưỡng cầu không nên. Phải xét rằng nếu không có người chủ tiệm có con mắt hơn người ấy, biết đó là báu vật và có vốn lớn mà mua lên, thì làm sao tôi được như vậy? Nếu không

có ông ta, bắt quá tôi đem về làm bồn tắm, làm ván ngồi, đã hoai của quý, thêm thẳng Nhược Hư cùng dính mặt rệp này cũng hườn cùng dính mặt rệp, chớ có ra gì? Cho nên tôi nói một lần nữa, việc gì ở đời, phải biết cân nhắc và ăn ở cho có thủy chung. Ông người ta khai quang điểm nhãn cho mình. Minh há sanh lòng xấu mà tranh luận làm chi? »

Ai nấy đều khen : « Lời Văn tiên sanh nói đó rất phải. Bối gìn lòng trung hậu cho nên mới đặng giàu sang. » Nói rồi anh em từ giã, dắt nhau xuống thuyền, rạng ngày tách bến trở lại Tô châu.

Một mình Nhược Hư ở lại đất Mân trung, làm ông phú hộ. Sau cưới vợ sanh con, đời đời hưởng phước.

Vài năm sau, Nhược Hư trở về Tô Châu mà thăm quê quán, xây mồ đắp mả cho ông bà cha mẹ, lại đem nhiều bạc tìm ông thầy bói năm xưa mà thưởng tài bói giỏi. Ông đèn nghĩa trả, đầu đó đều rành rẽ, anh em quyến thức tới lui dập diu, không ai dám gọi là Đảo vận hơn nữa. Ở chơi ít ngày rồi cũng về Phước kiến là nơi phước địa sanh hơn. Đến nay con cháu vẫn còn.

8-10-1970

* * *

Lời bàn của tôi.— Nói nghe lớn lối, biết không tới mắt cá thiên hạ, sức mấy mà dám gọi phê bình? Đúng hơn, đây chỉ là tìm hiểu chuyện xưa.

Thứ nhất.— Chuyện Văn Nhược Hư có thật hay là bịa đặt? Tưởng không nên lo nhiều chi cho mệt. Miễn chuyện viết sạch, đọc nghe êm tai, nên chép lại trong mục « Thú chơi cổ ngoạn », nhằm vô hại. Đến khi in thành sách, lại có tiền nhuận bút, nên càng ham viết dài.

Thứ nhì.— Chuyện con qui long, do rồng sanh ra, rồi tu

luyện đủ một muôn năm sẽ biến thành rồng, bay lên vũ trụ. Đời nay là đời khoa học, đi về cung trăng, như cơm bữa, lấy đất đem xuống còn được, nếu có rồng thì có người đã cho ta biết rồi. Nhưng tại sao mỗi năm đều có lễ mừng đón ông già Noël? Và không nên giết chết con rồng trong thần thoại. Huống chi con quái thú ở hồ Loch Ness¹ vẫn còn?

Chuyện hai mươi bốn hột dạ minh châu ẩn núp trong vỏ con qui lại càng khó nuốt cho trôi. Dù sao, khi đọc lên lại khiến tâm hồn vơ vẩn. Nghĩ vậy nên muốn đề cho cuộc chiêm bao được kéo dài, đời đã khổ, thấy sự thật làm chi, và không nên bực đèn sáng.

Thứ ba.— Một điều khoái trá nhất, khi đọc chuyện Nhựt Hư, là khi nghe tác giả diễn tả trái Động đình hồng và tả cách bán trái ấy cho người dị quốc. Tôi cố tình từ đầu

1. Tại hồ nước ngọt xứ Ecosse (Anh quốc), gọi *Loch Ness*, hồ này dài 38 cây số ngàn, bề ngang rộng 3 cây số, sâu có chỗ đến 226 thước Tây, từ năm 1933, có nhiều người thấy hiện ra một con thú mình dài từ sáu đến mười lăm thước, di chuyển trên mặt hồ, mình rồng uốn khúc, nhưng không một ai chụp hình được rõ. Có người muốn săn nó hoặc bắt sống nó hay giết nó để có hình triển lãm cho thiên hạ xem, nhưng chánh phủ địa phương xứ Ecosse đều cấm cản, vì nó sống trong hồ có lợi hơn và hiện khách hiếu kỳ trên hoàn cầu đều đổ xô lại tìm xem nó cho hẳn mặt, kẻ gọi *hải xà* (serpent de mer), người kêu *qui long*, cho đến nay, rồng hay rắn, phân vân bất nhất. (Con Nessie này, hiện cuốn sách Anh Encyclopaedia Britannica có ghi tả khá rõ rệt, nơi trang 94, nơi chữ *Loch Ness*, và hồ này có hình in nơi tr. 249 trong sách. Xem thêm *Sélection*, Janvier 1958, bài của James Thurber, tr. 17: « Qui a vu le monstre du Loch Ness? »).

Thế gian không thiếu chi chuyện lạ, cũng như năm xưa, tại vịnh Hạ Long (Bắc Việt), lối đầu thế kỷ này, cũng hiện ra một quái vật lạ kỳ, mình dài như rắn, nhưng to lớn quá sức tưởng tượng, mỗi lần muốn chụp ảnh, con quái vật đều phun khói mây che khuất nên chụp hình không rõ, sau tàu hải quân Pháp kéo đến làm rắn rõ quá, con quái thú không xuất hiện nữa và từ ấy, không ai thấy nó nữa, và không biết nó ẩn về đâu.

chí cuối, không dịch « Động đình hồng » ra trái gì. Mà có lẽ tại tôi không biết dịch làm sao cho đúng, vì xứ ta không có trái đó. Còn nhớ ta gọi « xoài », Tàu gọi « Mông cổ », Pháp gọi « mangue »; và quít chua, cam ngọt, Động đình hồng thuộc loại trái nào? Cứ gọi Động đình hồng, như vậy mà đặc thể hơn.

Những ai trang lứa với tôi, chắc còn nhớ mùi trái cam Tàu? Có thứ sản xuất ở Quảng đông, vỏ cứng, khó lột, vì vỏ bám sát vào thịt, càng để lâu ngày càng khô thêm, vỏ phung lột được. Trái nhỏ thôi, nhưng vị ngọt đến gắt cổ. Nhờ để lâu ít thúi ít hư, nên các bọm lán la với chị ả phù dung rất chuộng loại cam Quảng này.

Tranh thủ bắt phân thắng bại với cam Quảng, còn có cam Tiều, tức cam xứ Triều châu. Những ai không khó tánh ắt chuộng thứ cam này: vị thanh hơn cam Quảng, nhưng nhiều nước hơn. Tróc vỏ, dễ lột, nhưng vì nhiều nước nên dễ hư, không để lâu được. Trước năm 1945, mỗi Tết đều có tàu chở cam Quảng, cam Tiều, bán đầy đường, từ Chợ lớn, Sài Gòn, xuống đến lục tỉnh, đâu đâu cũng có trái cam Tàu trên đĩa quả tử và nơi bàn ông Thổ thần là nơi gần tay trẻ con nhất. Sau này bị cấm là vì đồ của Trung cộng, nên mới có việc cam Xanh-ca-bo và cam Nam vang đến chiếm thị trường và soán ngôi trái cam đỏ chói của anh Ba Tàu. Trong truyện Nhựt Hư có nhắc trái cam Phước kiến, tôi chưa được ăn. Còn như cam hay quít Động đình hồng đây, chắc là ngon ngọt hơn các loại cam quít khác. Hồ Động đình, đất phi nhiều nhờ phù sa, sanh ra trái Động đình hồng, có khác nào vùng bắc Mỹ thuận (bến đò Mỹ thuận) sản xuất trái ôi ruột trắng, vừa mềm vừa ngọt, hột cũng mềm luôn, rất được nhiều người chuộng, phong là « Nam lê ». Ăn ngon, lấy hột ôi ấy về trồng, dưỡng đến có trái, cần muốn gãy răng, cho nên

người nghèo vùng Mỹ thuận vẫn còn sinh sống được. Từ trái ổi được gọi Nam lê đến trái cam hồ Động đình kêu tăng là Động đình hồng, thì không có chi là lạ.

Thứ tư.— Vào đời Minh, cho đến cuối đời Mãn Thanh, trung tâm văn hóa của Trung hoa, — đất Touraine của họ, là vùng ở giữa con sông Dương Tử và sông Chiết (Chiết giang). Trong truyện khi gọi Giang nam, khi gọi đất Ngô-Việt. Đất tốt, không sanh bụi, người dân thấy đều là nghệ sĩ và thợ khéo. Mi Dương châu, quạt Tô châu, nàng Kiều sạch nợ ở Hàng châu, tussor Nam kinh, bốn kinh ấy là nơi văn vật Trung hoa thời cựu. Truyện nói Nhược Hư buôn quạt thì gặp cảnh nghịch : sơn chầy, hồ dính, keo thành kẹo. Khi phùng thời đem cam theo để ăn cho vui miệng không dè lại bán ra bạc ngàn. Vật khó hư mà vẫn hư, trái dễ thúi mà không thúi, đổ ai biết ý ông trời?

Thứ năm.— Nước Kiết linh quốc này ở đâu? Về khoa sử địa, Tàu lồi thối quá. Duy tả đồng bạc tùy hình tượng trưng mà giá trị khác nhau nghe cũng ngộ. Ngày nay đang thời kỳ đồng bạc trong xứ bấp bênh, không trời mà muốn sụt giá mãi, đọc truyện này mà thêm muốn sống trở lại đời Minh với Nhược Hư và đồng bọn. Té ra thời đại Thành Hóa ở nước Kiết linh quốc nào đây họ đã biết kiểm soát tiền tệ khá chặt chẽ và khá tân kỳ. Với một phân lượng đồng đều nhau, đồng bạc tùy nơi sự tượng trưng mà giá trị cao thấp khác nhau : long phụng là lớn nhất, rồi đến cầm thú, thợ mộc, và thủy thảo là nhỏ và thấp hơn hết. Đến đây ta sẽ hỏi những người vượt biển qua buôn bán xứ này như Trương Đại và nội bọn, đem theo rất nhiều lụa là gấm nhiễu, có sao không bán lấy ròng tiền thủy thảo, bắt chước kiểu Nhược Hư, chẳng là khi về Trung hoa cân ra bạc nặng, thủ lợi thêm nhiều, và có sao họ lại đổi hàng bản xứ đem về chẳng là lời kém hơn? Ấy cũng bởi

tại nơi xứ này, có lập luật sẵn bắt buộc nếu mình bán hàng lấy tiền mặt thì họ sẽ tùy loại hàng và tùy số bạc mà trả, tỷ dụ mua nhiều số lớn thì họ trả bằng tiền long phụng (như ngày nay trả bằng ngân phiếu, bằng giấy 500\$ tỷ dụ), khi nào mua ít số ít mới trả bằng tiền thủy thảo (như nay trả bằng các bạc xu đồng). Vì vậy đến khi về Trung hoa, tính theo đồng cân đồng lượng thì lấy tiền long phụng mất bạc rất nhiều, và khổ nỗi khi về nước xin đổi lấy tiền thủy thảo họ không cho, nên ép buộc các anh em Trương Đại phải đổi lại mua hàng địa phương đem về, như vậy mà được chút đỉnh lợi hơn. Còn riêng Nhược Hư lại được phép nhận tiền thủy thảo là vì trái cây thức uống thuộc loại hàng ty tiêu, nên trả bằng tiền thủy thảo là đúng luật. Tiền này đem về Trung hoa cân theo mặt đồng cân thì được lời rất nhiều. Lại còn một điều khác nữa là tại sao những người như Trương Đại không đem trái cây mà bán đặng lấy tiền thủy thảo chẳng là có lợi nhiều hơn? Ấy chẳng qua Nhược Hư đã đến lúc thời đen chuyển ra vận đỏ, trời ban phước riêng, nên hai giỏ cam không hư thúi, chớ thuở nay trái cây chở đi xa bằng ghe thuyền thì làm sao chịu nổi khi tiết đổi thay và sẽ thúi hết thì lấy gì mà bán? Tỷ như lúc trước Nhược Hư suy thời, sức như quạt giấy mà còn hư thay huống hồ là trái cây, cam quit.

Nghĩ lại đời nào nước nọ, vấn đề tiền tệ nhiều khi vẫn là nan giải. Kiết linh quốc chọn bạc tượng trưng làm ngân bản vị, chỉ thua kim bản vị mà thôi. Nhưng nếu ở nhằm đời tân thời này thì chịu sao thấu với bọn đúc bạc giả? Cũng bởi cơ ấy mà ngày nay nước nào cũng dùng bạc giấy, khó giả mạo hơn. Than ôi, cũng trong vòng lẩn quẩn, được cái này mất cái kia, chề bạc là « bời bạc » là « bạc bèo », dùng tiền giấy cho gọn, nhưng tiền giấy nó lại bay